

Và mùa thu chầm chậm đi qua



Thùy Dương
[Tản văn - Du ký]



VÀ MÙA THU CHẦM CHẠM ĐI QUA

Tản Văn - Du kí

Tác giả: **Thùy Dương**


Nhà xuất bản: **Phụ Nữ**

Ebook: **@nguyenthanh-cuibap**

*Nguồn text:***Waka**

For Francesco, with Love

LỜI TỰA **Sinh ra ở làng**

ôi sinh ra ở làng quê, lớn lên trong thành phố! Nhiều năm qua, mãi miết giữa phố và làng. Ở phố ngày nhộn nhịp và về làng tìm những phút bình yên. Tôi tự hào về cái góc gác quê mùa ấy của mình đến nỗi bạn bè tôi dù Tây hay ta, quen nhau vài bữa là tôi đã khoe ngay tôi không phải người thành thị. Ấn tượng về làng của tôi là những mối quan hệ chẳng chặt và sâu nặng giữa những người láng giềng, là tính chất tư hữu và bè phái, là óc gia trưởng tôn ti hằn sâu trong từng nếp nghĩ. Là những đình đền chùa bao quanh mà bao giờ những ngày rằm, dịp lễ mẹ tôi vẫn đi cho đủ. Là ông cụ từ đền râu bạc trắng như cước hàng ngày vẫn qua trước ngõ. Là hình ảnh bà tôi những ngày cưới con cháu, ngồi trên sập gụ, bồm bồm nhai trầu, đôi môi thắm đỏ và mái tóc phai màu thời gian. Hình ảnh ấy mãi neo lại trong tâm trí tôi như một ấn tượng bền vững mà sau này mỗi dịp đi xa tôi vẫn thấy nhớ quay quắt. Tôi tự hỏi mình nếu một mai này, mẹ tôi, vì thể theo những lời căn dặn của tôi mà bỏ đi hết những xoong nồi đen cáu nhọ nồi và bồ hóng, thím tôi không còn quấy bánh đúc lạc những dịp hội hè, thì cái “người nhà quê” trong thể hệ chúng tôi sẽ còn hay mất?

Tôi viết những dòng nhật ký này đầu những năm 2007. Sau đó không lâu mẹ tôi cũng bỏ đi hết những xoong nồi đen cáu nhọ nồi và bồ hóng, còn tôi bắt đầu chuyến đi lớn đầu tiên trong đời đến Kenya. Rồi tôi cũng không còn sống ở cái làng to to tên là Hà Nội nữa mà chuyển tới một cái làng - toàn - cầu hơn, to và rộng hơn tên là London. Mười năm qua những chuyến đi của tôi đã được nối dài hơn, thường xuyên hơn. Ước mơ của cô gái nhỏ “sinh ra từ làng” được đi khắp năm châu bốn biển dần trở thành hiện thực. Cuốn sách nhỏ này bạn đang cầm trên

tay là tập hợp những trang nhật ký viết vội trên những nẻo đường tôi đã đi qua. Bạn sẽ thấy những non nót, bờ ngõ trong những bài viết đầu tiên, bao bấn khoăn những năm tôi hai mươi, những ngày mùa đông cô đơn đi cùng những ngày xuân duyên dáng.

Tôi trân trọng chia sẻ cùng bạn những ký ức ấy trong hành trình của tôi từ làng ra phố và rong chơi trên những cánh đồng!

London những ngày thu 2017

Thùy Dương

Kruger - Những hồi ức châu Phi



Châu Phi với mỗi người trong số chúng ta là gì nhỉ? Là đỉnh Kilimanjaro quanh năm tuyết phủ trắng lệt, là cánh rừng già kỳ vĩ mà xa lạ, hay là những ngọn đồi xanh trong trang văn đậm chất phiêu lưu của Ernest Hemingway? Với tôi, châu Phi là mảnh đất hoang dã và bí ẩn được tái hiện trong thước phim đầy chất thơ “Lion King” của hãng Walt Disney. Hình ảnh chú sư tử mạnh mẽ trên bình nguyên bao la, đàn voi thông thả bước đi trong ánh chiều rực rỡ và buổi bình minh huy hoàng trên đồng cỏ đã ám ảnh tôi trong những giấc mơ về một miền đất lôi cuốn.

Vì thế trong lần đầu đặt chân đến Nam Phi, bỏ qua những thành phố nhộn nhịp, những cánh đồng nho và xứ sở sản xuất rượu vang ngọt ngào, tôi thực hiện chuyến safari đầu tiên của mình tới công viên quốc gia Kruger như một dịp hồi tưởng và trải nghiệm thực tế những hình ảnh châu Phi vẫn còn đọng sâu trong ký ức từ bộ phim thuở nào.

Chặng đường lái xe chín tiếng đồng hồ từ sân bay Johannesburg tới Kruger tưởng chừng dài như vô tận.

Chúng tôi có dịp qua nhiều thành phố, thị trấn nhỏ của Nam Phi. Càng về phía Đông Bắc, không gian càng trải rộng với những cánh đồng cỏ savannah màu nâu nhạt, thấp thoáng những tán cây bụi xơ xác. Rồi hẻm núi Bryde River hiện ra sừng sững trước mặt. Lúc này, mặt trời đã ngả chênh chếch về hướng Tây, ánh nắng dát vàng lên vách núi, phía xa một dòng thác bạc đổ xuống róc rách từ lưng chừng.

Thêm mấy chục vòng cua quanh hẻm núi, dăm bận hỏi đường, liên tục nhấn ga để chạy đua cùng mặt trời, chúng tôi cũng vừa kịp qua cổng Numbi, một trong số chín cổng chính dẫn vào công viên Kruger và về đến trại nghỉ trước khi trời tối

sập xuống. Ngôi nhà chúng tôi ở được xây cách tân theo phong cách lều trại của người Zulu, tường gạch với mái lợp rơm hình chóp nón, trong nhà trang trí rất nhiều họa tiết của các bộ lạc châu Phi.

Đêm trong rừng, không gian tĩnh mịch và im ắng tới lạ thường, phải để ý lắm mới nghe thấy những tiếng lách rách trong cỏ, tiếng lá khô xào xạc lối đi. Vầng trăng khuyết cong veo lạc giữa một thảm sao dày đặc trên bầu trời.

Sáng hôm sau, khi trời vừa rạng, chúng tôi bắt đầu ngày đầu tiên chinh phục Kruger. “Tôi chưa bao giờ biết một buổi sáng châu Phi khi thức dậy mà lòng không hạnh phúc”. Hemingway từng viết những dòng đầy hào hứng như vậy về những tháng ngày rong ruổi trên lục địa đen này. Và giờ đây, ngày mới của tôi cũng bắt đầu đầy rộn ràng như thế. Nắng đã chiếu rạng rỡ trên con đường nhỏ chạy sâu vào rừng, nhưng trên trời vệt trắng lười liềm vẫn còn mờ như một ảo ảnh.

Gọi là công viên nhưng Kruger rộng hàng ngàn hecta tương đương với diện tích của một quốc gia như Israel hay xứ Wales. Đây là một trong những khu bảo tồn thiên nhiên hoang dã lớn nhất trên thế giới với thảm thực vật phong phú và hàng trăm loài động vật khác nhau. Mùa này là cuối đông đầu xuân, mặt đất trống toàn cỏ khô, điểm xuyết những bụi cây đơn độc. Chẳng mấy chốc tôi gặp cây bao báp đầu tiên, cô đơn mà kiêu hãnh giữa đồng cỏ bao la. Bao báp vươn cành khẳng khiu giống như một khối điêu khắc với hình thù kỳ dị của tạo hóa từ hàng nghìn năm qua tạc trên nền trời xanh thẳm.

Từ sau một bụi cây xanh tươi, một cái cổ dài thò ra lấp ló, hóa ra hai chú hươu cao cổ đang lững thững vật lá cây từ bụi này sang bụi khác. Cả thân hình khổng lồ cao tới vài thước mà chúng bước đi uyển chuyển như đang trình diễn vũ điệu. Chạy xe thêm vài kilomet, chúng tôi bất chợt bắt gặp một hồ nước lớn. Từ đây tất cả diễn ra như một thước phim quay chậm. Trên nền vàng sẫm của cỏ savannah, đàn ngựa vằn thông thả gặm cỏ bên cạnh lũ linh dương nhớn nhơ giữa đám cây khô, phía xa

đám lợn rừng chậm chạp đi thành một hàng.

Xe đã tắt máy, chúng tôi lặng im ngắm nhìn khung cảnh thơ mộng của thiên nhiên, cảm tưởng như chỉ khẽ lay động một chút thôi, khung cảnh huyền ảo trước mắt sẽ tan biến. Vài chú voi lững thững tiến đến mép hồ uống nước, chú hoẵng nhỏ ngơ ngác ngược lên nhìn những người khách lạ rồi chạy biến về bên mẹ. Không gian thanh vắng tới lạ kỳ, chỉ có tiếng gió rung cây, tiếng khua nước nhẹ nhẹ. Một con chim sặc sỡ bay vút từ đâu đậu xuống một cành khô giữa hồ mãi mê rửa lông rửa cánh.

Về trưa, sau bữa sáng kiếm mồi, những con vật đã lùi vào bóng cây nghỉ ngơi. Dưới tán cọ bên sông, đàn trâu rừng với những cặp sừng cong veo như lưỡi hái nhẵn nhụi hóng mát. Bên vệ đường hai chú sư tử đang nằm ngủ ngon lành, bộ lông vàng óng lẫn vào trong cỏ. Chúa sơn lâm bình thường oai hùng là thế mà bây giờ trông hiền lành như những chú cún con mèo con? Thấy vậy nhưng tôi cũng chỉ dám chiêm ngưỡng từ xa, không dám lại gần ngộ nhỡ làm chúng thức giấc.

Khi chiều buông, những con vật lại bắt đầu hành trình kiếm ăn trong hoàng hôn. Bầy hà mã phì phò tắm bên bờ suối. Ở một vũng nước mưa lớn, lũ voi con tinh nghịch quạt nước trên đầu, xa xa lừng lững bóng một con tê giác đơn độc. Mặt trời đỏ ối từ từ rớt xuống trên thảo nguyên bao la. Cánh rừng ban trưa vốn im ắng là thế mà nay bỗng trở nên sống động, chim rộn ràng gọi nhau về tổ, những con vật săn mồi đổ ra từ trong những bụi cây chuẩn bị tìm thức ăn, có thể sẽ là một chú dê rừng hay hoẵng cho bữa tối nay.

Những ngày ở Kruger nối tiếp nhau đi qua, mỗi ngày như một giấc mơ. Chưa ở đâu tôi được sống với thiên nhiên gần gũi và sống động như thế, chưa bao giờ tôi thấy màu sắc và âm thanh của thế giới hoang dã giao hòa với nhau đồng điệu hơn thế. Thật lạ kỳ, đôi khi ở một nơi xa Hà Nội tới hàng ngàn kilomet, lại khiến tôi có cảm giác thân thuộc như ở nhà. Chẳng phải hàng ngàn năm trước những tán cây này, cánh rừng, dòng sông này đã từng là nhà của chúng ta sao? Tôi ngỡ như mình

được trở về những năm tháng tuổi thơ chưa bao giờ thôi mơ về những miền đất lạ, những câu chuyện núi đồi và rừng thẳm, những buổi bình minh trong lành hay hoàng hôn xa xăm, có đàn chim bay về tụ chân trời.

Xuân, hạ, thu, đông rồi lại xuân... Cuộc sống vẫn trôi theo dòng, bốn mùa ở Kruger vẫn tiếp diễn như hàng ngàn đời nay vẫn thế. Chẳng mấy nữa, rồi mùa xuân sẽ về, cây cối sẽ ra lá xanh um, những dòng suối cạn rồi sẽ đầy ắp nước, mặt đất thôi khô khốc và mềm mại hơn dưới cơn mưa đầu mùa. Những con linh dương ăn lá rồi đến lượt chúng trở thành mồi cho đàn sư tử đi săn. Hoàng hôn buông để ngày mai lại bắt đầu buổi bình minh mới. Những mùa trăng nối tiếp nhau và cuộc sống giống như một bài ca vô tận...

Giương buồm lên hay những suy nghĩ ở Mũi Hảo Vọng

Năm lên sáu, khi bắt đầu biết nhận mặt chữ cái, tôi đọc cuốn sách đầu tiên trong đời có tên “Giương buồm lên”, kể về hành trình khám phá thế giới của những nhà hàng hải vĩ đại trong lịch sử. Cuốn sách khổ lớn với những câu chuyện lôi cuốn và hình ảnh minh họa bay bổng đã in sâu vào tâm trí tôi để rồi kể từ đó những cái tên như Ferdinand Magellan, Vasco da Gama, James Cook, Vitus Jonassen Bering, Marco Polo, Christopher Columbus đã trở nên thân thuộc và khơi gợi niềm cảm hứng vô biên trong tôi về những cuộc phiêu lưu tới những miền xứ lạ.

Sau này, cuộc sống hào phóng đã cho tôi đặt chân tới nhiều địa danh khác nhau trên thế giới, theo dấu những nhà hàng hải năm xưa mà tôi hằng ngưỡng mộ. Tôi đã tới Genoa, nơi sinh thành của Columbus, tới Trinity House, London nơi James Cook gắn bó trước khi bắt đầu hành trình khám phá Thái Bình Dương, tới nhà thờ San Lorenzo ở Venice, nơi chôn cất của Marco Polo. Và hôm nay, tôi may mắn có mặt ở một tọa độ nổi tiếng: 34°21'23 vĩ nam, 18°29'15 kinh đông, nơi gắn bó với tên tuổi của hai nhà thám hiểm xứ Bồ Đào Nha Bartolomeu Dias và Vasco da Gama.

Tôi đang ở Mũi Hảo Vọng, cực Nam châu Phi.

Nằm cách trung tâm thành phố Cape Town chừng một giờ lái xe, đây là địa danh mà bất kỳ du khách nào cũng muốn được một lần đặt chân trong đời. Con đường từ Cape Town xuôi theo hướng Nam dọc bờ biển Đại Tây Dương có lẽ là một trong những cung đường lãng mạn nhất trên thế giới mà tôi từng đi qua. Một bên là núi non trùng điệp, một bên là biển xanh miên man. Phía xa, những dãy núi đá uy nghiêm vững vàng in bóng

trên nền trời xanh thẳm. Chớm xuân, hoa đã lác đác nở trên triền núi, những vạt hoa dại vàng len lỏi vườn mình trên vách đá, mỏng manh mà kiêu hãnh, mặc cho những đợt gió lồng lộng từ biển thổi vào. Ngoài khơi, sóng nổi đuôi nhau tấp vào bờ tung bọt trắng xóa. Xe chúng tôi chạy qua Chapman's Peak, cung đường với những khúc cua tay áo liên tiếp men theo vách đá ven biển, qua vịnh Camps, vịnh Hout, vịnh False đẹp tới mê hồn, qua những bờ biển rục rờ như biển Clifton, biển Boulders nổi tiếng với những chú chim cánh cụt châu Phi lạch bạch chạy trên cát.

Càng tới gần mũi Hảo Vọng, không gian càng trở nên khoáng đạt. Con đường nhỏ chạy dài tới miên man, ngoài xa, đường chân trời mờ mờ xa ngái. Một chú chim đà điểu nhún nhảy bước thấp bước cao bên bờ biển. Trước mắt chúng tôi, ngọn hải đăng trên đỉnh Cape Point đang dần hiện ra. Và một lần nữa thôi, tấm biển báo "Cape of Good Hope" đã hiện ra trước mắt.

Trời đổ về chiều, gió lạnh hơn, mặt trời trút những ánh vàng lai láng cuối cùng nhuộm vàng rực đá lộ xô hướng đầu ra biển, hải âu bay thành từng đàn, tạo thành những vệt đen dài trên nền trời đầy mây cuộn lại. Tôi hít một hơi thật sâu, ném trong gió vị mặn mòi của đại dương, lắng nghe những con sóng gầm gào vỗ vào ghềnh đá.

Theo vạt đường mòn từng in dấu chân bao du khách, tôi leo lên mũi đá cao nhất, phóng tầm mắt ngút ngàn về phương xa. Ngắm nhìn đại dương mênh mông vô tận, trong lòng tôi tràn đầy niềm cảm phục vô bờ đối với những nhà thám hiểm vĩ đại. 500 năm trước đây, họ đã giông bão ra khơi trên những con thuyền gỗ, vượt qua những hành trình lênh đênh trên biển cả, đón bao mùa trăng lên chỉ để thỏa mãn ước mơ khám phá và chinh phục những mảnh đất nơi miền viễn xứ xa xôi.

Người đầu tiên đi vòng từ châu Âu qua khu vực này là nhà hàng hải người Bồ Đào Nha Bartolomeu Dias vào năm 1488 với hy vọng mở đường tiến tới vùng Viễn Đông. Sóng dữ và địa

hình khắc nghiệt của vùng nước này khiến Dias đặt cho nó tên gọi Cabo das Tormentas (Cape of Storms - Mũi Bão Táp). Tuy nhiên nhà vua Bồ Đào Nha John II khi ấy đã tin rằng nếu vượt qua được mũi Bão Táp, đến vùng phương Đông trù phú thì sẽ có hy vọng mang về được những hàng hóa quý giá như vàng, tơ lụa, những loại hương liệu hiếm như quế và tiêu. Vì vậy ông đổi tên mũi đất này thành mũi Hảo Vọng (Cape of Good Hope).

Sau đó không lâu, một nhà thám hiểm Bồ Đào Nha khác là Vasco Da Gama đã vòng qua mũi Hảo Vọng thành công, đi vào Ấn Độ Dương và cập bến Calicut, Ấn Độ. Ông trở thành người châu Âu đầu tiên đến Ấn Độ bằng đường biển, người đầu tiên kết nối châu Âu với châu Á qua chuyến hành trình xuyên đại dương, mở ra con đường quý giá đưa phương Tây và phương Đông xích lại gần nhau. Thế giới đã hoàn toàn thay đổi nhờ những phát kiến địa lý vĩ đại ấy của những người như Dias và Da Gama.

Phong cảnh nơi tôi đứng hôm nay gần như không khác gì so với 500 năm trước. Trước mắt tôi, biển dạt dào như hàng ngàn năm vẫn thế. Dias và Da Gama đã chinh phục biển thành công, nhưng tôi biết, ẩn trong lòng đại dương còn là câu chuyện về hàng ngàn thủy thủ không tên, hàng trăm con tàu đắm đã bỏ mạng trong những hành trình không mệt mỏi của con người trên biển khơi. Không phải vô cớ mà mũi Hảo Vọng lại là nơi bắt nguồn của câu chuyện bí ẩn về con tàu “Người Hà Lan bay”, theo truyền thuyết, con tàu được điều khiển bởi những bóng ma thủy thủ cứ phải đi luẩn quẩn trong vùng nước mênh mông mà không bao giờ cập vào được bến bờ.

Có lẽ con tàu “Người Hà Lan bay” chỉ là một ảo ảnh, một sự tích dân gian được thêu dệt nên, nhưng tôi tin rằng mũi đá chơi vơi bên bờ biển này là minh chứng cho những ước mơ rất thật của con người nhằm chinh phục đại dương mênh mông và khám phá những miền đất bí ẩn.

Chiều buông dần, gió lạnh hơn, sóng gào lên dữ dội. Trên núi, chỉ còn lại mình tôi với trời nước mênh mông. Một niềm vui

nhỏ nhỏ len vào tâm trí tôi giữa khung cảnh tuyệt đẹp của hoàng hôn nơi cực Nam châu Phi khi chỉ còn “một mảnh tình riêng ta với ta”. Vọng về trong tôi là hình ảnh những cánh buồm đỏ thắm trong trang sách khi xưa. Tôi biết rằng những cuộc phiêu lưu của mình chỉ vừa mới bắt đầu!

Khi viết lại những dòng này, tôi đã chia tay miền đất Nam Phi đầy gió, trở lại với cuộc sống bận rộn thường ngày ở Hà Nội. Mỗi sớm mai tôi đều dành thời gian uống một tách trà và ngắm nhìn cuộc sống từ ban công tầng ba. Dòng đời vẫn chảy đi hối hả, những em bé tât bật cặp sách cho một ngày mới đến trường.

Chợt nhớ lại tuổi thơ tôi những ngày xưa cũ say mê bên những trang sách vỡ lòng. Tôi tin rằng với những cô bé, cậu bé lên năm, lên sáu vừa chập chững những bước đầu tiên tới trường này, ba chữ “Giương Buồm Lên” quả là câu thần chú kỳ diệu.

Ngắm cá voi ở Hermanus



Sau một tuần say sưa với những con thú hoang ở Kruger, chúng tôi trở về một thị trấn nhỏ khác của vùng Western Cape có tên Hermanus để ngắm một điều kỳ diệu khác của thiên nhiên: Những chú cá voi phương Nam, người khổng lồ của biển Đại Tây Dương.

Hermanus là một thị trấn nhỏ thơ mộng nằm bên bờ biển, cách mũi Hảo Vọng - cực Nam châu Phi chừng ba giờ lái xe. Con đường dẫn từ trung tâm thành phố Cape Town xuôi về hướng Tây qua vùng Somerset West tới Hermanus uốn mình như một vành khăn hững hờ choàng lên bờ biển. Chốc chốc một chú hải âu bay vút khỏi mặt nước rồi nhanh chóng biến ra ngoài tầm mắt. Xe chúng tôi chạy qua vùng Stellenbosch với những cánh đồng nho ngút ngàn, qua mũi Hangklip ngắm sóng gầm gào vỗ vào ghềnh đá. Đôi lúc, chúng tôi lại hạ kính xuống chỉ đủ để những cơn gió lạnh táp vào mặt một chút, cảm nhận trong gió hương muối mặn mòi của biển khơi và vị lôi cuốn kỳ diệu của những chuyến đi cứ thôi thúc chúng ta lên đường.

Mải vui với những cảnh trí bên đường, chúng tôi dừng chân ở Hermanus khi đã gần trưa. Nắng đầu xuân vàng sánh lại, trên trời mây trắng nhõn nhờ bay!

Nằm ở lối vào Hemel-en-Aarde, thung lũng Thiên đường và Trái đất, Hermanus vốn là một ngôi làng nên thơ nơi người dân kiếm sống bằng nghề chài lưới như bao vùng ven biển khác ở xứ này. Người ta từng xây dựng một nhà ga xe lửa tại đây nhưng cư dân trong làng đã quyết định không xây thêm đường ray cho tàu chạy vì e ngại như thế sẽ khiến cho Hermanus phát triển và trở nên thương mại hơn. Vẻ cổ kính và thanh bình của Hermanus vì vậy vẫn được gìn giữ qua năm tháng, với những ngôi nhà sơn màu trắng nổi bật trông ra đại dương xanh biếc một màu.

Nếu nhìn qua, có lẽ Hermanus không khác gì với bất kỳ một địa danh du lịch bên bờ biển duyên dáng nào khác ở châu Âu. Trong cái nắng hiem hoi đầu xuân, cả thị trấn dường như bừng tỉnh; trên khắp các con phố, những quán café tràn ra ngoài đường đông nghẹt khách; những nhân viên bồi bàn chuyên nghiệp hối hả chạy từ quầy bar tới bàn ăn với những khay rượu vang đầy ắp. Nhưng Hermanus đặc sắc ở một điểm duy nhất.

Mỗi khi có một hồi tuýt dài vang lên, tất cả những tiếng cười nói rộn ràng kia bỗng dừng chững lại, những chiếc dao đĩa phút trước còn va vào nhau lách cách nay bỗng nằm im ắng trên bàn, những lời chuyện trò rôm rả ngưng bật nhường chỗ cho tiếng thì thầm “kìa, trông kìa...!!!”, những ánh mắt dõi theo chăm chú nhìn ra biển khơi, những chiếc ống nhòm cùng hướng về một phía, máy ảnh bấm tách tách liên hồi.

Lúc ấy chính là khoảnh khắc kỳ diệu khi thiên thần của Hermanus - những chú cá voi phương Nam xuất hiện. Dõi theo hướng chỉ tay của người bạn đồng hành, tôi ngược nhìn ra biển xanh mênh mông. Không dễ gì có thể định vị ngay chú cá voi giữa một màn nước xanh bao la tưởng chừng chỉ toàn những cánh sóng xô vào bờ tí tấp. Nhưng rồi kìa, tôi đã thấy một vòi phun nước nhô lên, tấm lưng đen như cánh phản từ từ trườn khỏi mặt nước rồi thoáng chốc một chiếc đuôi cong hình chữ V quẫy mạnh, nước bắn lên trời thành cột.

Tôi đứng lặng yên trong kinh ngạc. Không phải chỉ một, hai, ba mà bốn chú cá voi đang cùng lúc trình diễn những vũ điệu hoành tráng giữa sân khấu thiên nhiên bao la.

Chốc chốc chúng lại phun nước thành cột qua những lỗ nhỏ trên lưng. Cả tấm thân to lớn có khi lướt nhẹ nhàng trên mặt nước, có lúc lại thông thả trượt đi. Biển mất rồi đột ngột nhô lên chiếc đuôi như một cánh quạt khổng lồ. Thật khó có thể tin được trước mắt tôi là chúa tể của Đại Tây Dương. Những chú cá voi này có thân hình nặng trung bình 60 tấn, chiều dài từ 6 tới 7 mét và có thể sống tới hàng trăm năm tuổi. Hàng năm, loài cá voi phương Nam này thường rời vùng biển băng giá phía

Nam Cực và di chuyển tới nơi có khí hậu ấm hơn. Trong những tháng mùa đông từ tháng Sáu tới tháng Mười Hai, chúng tập trung về Hermanus để đón mùa sinh sản, tìm kiếm bạn tình, kết đôi, sinh con rồi dành cả tháng trời chơi với bầy con nhỏ. Số lượng cá voi ở Hermanus có khi lên tới hàng trăm con, biến nơi này thành “thánh địa” cho những người muốn chiêm ngưỡng loài động vật khổng lồ này.


Chính vì thế ở Hermanus có một nhân viên đặc biệt - Người báo hiệu cá voi - “The Whale Crier”. Truyền thống được đông đảo khách du lịch đặc biệt yêu thích này bắt nguồn từ năm 1991 khi một khách thăm quan đã tuyên bố rằng những chú cá voi ông vừa ngắm giữa đại dương là “bí mật tuyệt vời nhất của vùng Cape”. Sau đó người ta bắt đầu cử một người sẽ thổi một hồi kèn dài báo hiệu khi nào cá voi xuất hiện. Một trong số những người báo hiệu cá voi, Wilson Salakuzana được cho là “người được chụp ảnh nhiều nhất Nam Phi sau [Nelson Mandela](#) *”. Ngày nay, bạn có thể dễ dàng bắt gặp nhân vật đặc biệt này đội một chiếc mũ da rộng vành và đeo một chiếc kèn ống dài trên vai cùng những tiếng tuýt dài quen thuộc.

**Nelson Mandela (1918-2013), là Tổng thống Nam Phi đầu tiên được bầu cử dân chủ từ 1994 -1999, là nhà hoạt động chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apartheid, ông đạt giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1993.*

Chiều tím dần ở Hermanus, chúng tôi tìm cách bước xuống một mũi đá lô xô sát đại dương. Ở đây vắng vẻ hơn, không còn những tiếng ồn ào của du khách, chỉ còn nghe tiếng sóng biển va vào đá gầm gừ dội những thác nước trắng xóa lên trời. Ngoài xa, những chú cá voi phương Nam vẫn đang miệt mài trong một màn trình diễn không ngừng. Tôi nắm chặt tay một người bạn tri kỷ, nhấp một ngụm rượu của vùng Constantia, thứ rượu “ngọt ngào như đôi môi những kẻ đang yêu” theo lời thơ của Baudelaire, dõi mắt về biển khơi bao la thấp thoáng những cú quẫy đuôi mạnh mẽ. Hoàng hôn buông dần trên biển Đại Tây Dương. Gió lồng lộng thổi về từ những miền xa tắp.

Và tôi biết những buổi chiều kỳ diệu ngắm cá voi trên đại dương bao la như thế chỉ đi qua một lần trong đời!

Cape Town - Bảo tố và Hy vọng

ùa xuân đến với *Thành phố Mẹ 1** khá muộn. Cuối tháng Chín, khi nắng đã rải chan hòa khắp đất Nam Phi thì ở đây trời còn lạnh. Những chậu hoa gầy guộc nở sớm trước hiên nhà tôi ở vẫn run rẩy vì rét. Mặc dù trời mưa rả rích từ đêm trước, tôi vẫn quyết định sẽ đi bộ một vòng quanh thành phố, bắt đầu từ khu Bo Kaap.

1 Một tên gọi khác của Cape Town.*

Nằm thoải thoải trên sườn đồi Signal, Bo Kaap thực sự là một khu đa văn hóa với những ngôi nhà xây từ thế kỷ XVII được sơn màu rực rỡ từ xanh cỏm, vàng, cam, hồng, tím sậm, những hàng chấn song được cách tân yếu điệu và ban công treo đầy hoa. Rất nhiều cư dân sống trong khu vực này là thế hệ cháu chắt của những nô lệ đến từ Malaysia, Indonesia và nhiều quốc gia châu Phi khác, từng được thực dân Hà Lan đưa tới đây từ thế kỷ XVI, XVII. Những người nô lệ này được biết đến với cái tên “Cape Malays”, do vậy khu vực này còn được gọi là quận Cape Malay. Ngôi nhà cổ nhất ở đây được xây dựng từ năm 1760 và giờ trở thành một bảo tàng tái hiện cuộc sống gia đình người Malaysia điển hình. Đi thẳng về phía Dorp Street, bạn sẽ bắt gặp Auwal, nhà thờ Hồi giáo đầu tiên của Nam Phi.

Bo Kaap, cũng giống như nhiều khu vực khác ở Cape Town, từng trải qua những ngày tháng chia rẽ đau thương dưới chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid. Nếu như trong quá khứ, đây là nơi dành riêng cho những người theo đạo Hồi thì ngày nay, cả khu vực này đang chuyển mình trong một cuộc hàn gắn vĩ đại. Nhiều nhà hàng, quầy bar, studio nghệ thuật mọc lên khiến cho Bo Kaap trở thành một nơi thời thượng vừa hiện đại vừa cổ kính mà khách du lịch ai cũng phải ghé qua một lần.

Con phố Buitengracht trải dài đưa tôi tới với The Victoria Alfred (VA) Waterfront - khu vực cảng rộng lớn đồng thời là trung tâm ẩm thực, mua sắm, giải trí hàng đầu ở Cape Town.

Về trưa, mưa đã tạnh dần, mặt trời ló ra rạng rỡ. Trên quảng trường Nobel, một ban nhạc truyền thống trình diễn những bài hát cuốn hút trong tiếng trống rộn ràng. Cũng tại đây có bốn bức tượng đồng tạc chân dung bốn người con kiệt xuất của Nam Phi đó là [Albert Luthuli 2*](#), linh mục [Desmond Tutu 3*](#), cố Tổng thống Nelson Mandela và [FW de Klerk 4*](#).

*2*Albert Luthuli (1898-1967): Thường được gọi là Zulu Mvumbi, là một giáo viên người Nam Phi, nhà hoạt động, chính trị gia, từng đạt giải Nobel Hòa Bình.*

3 Linh mục Desmond Tutu (sinh ngày 7/10/1931), là nhà hoạt động chính trị người Nam Phi và là tổng giám mục Anh giáo nghỉ hưu, trong thập niên 1980, ông nổi tiếng thế giới với tư cách là người đối đầu chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apartheid ở Nam Phi.*

4 FW de Klerk (sinh ngày 18/3/1936), là chính trị gia Nam Phi, từng là tổng thống Nam Phi và là người phá bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apartheid ở Nam Phi.*

Từ khu vực này có thể phóng tầm mắt nhìn không gian rộng lớn xung quanh, phía trước là biển Đại Tây Dương âm âm sóng vỗ, vịnh Table tuyệt đẹp và núi Bàn sừng sững sau lưng.

Núi Bàn có lẽ là kỳ quan nổi bật nhất ở Cape Town với chiều cao trên 1.000m và hai đỉnh Devil's Peak và Lion's Head ở hai đầu. Đôi khi một dải mây trắng bao phủ trên ngọn núi như một chiếc khăn trải bàn mềm mại. Từ trên đỉnh núi có thể ngắm toàn cảnh khu trung tâm thành phố sầm uất và phóng tầm mắt ra đại dương mênh mông.

Xuôi về phía Nam chừng 60km là một địa danh không kém phần nổi tiếng: Cape Point và Cape of Good Hope. Nhiều người vẫn nhầm tưởng rằng đây chính là nơi hợp nhất của Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương, tuy nhiên trong thực tế, ít ai biết rằng cực Nam của châu Phi phải là mũi Agulhas nằm cách đó 150km. Với đông đảo du khách, việc trèo lên ngọn hải đăng trên mũi Cape Point, sờ tay vào cây cột chỉ hướng tọa độ tới những địa danh lớn trên thế giới như London, New Dehli,

Jerusalem, Beijing... là một may mắn lớn trong đời.

Thập niên 70, 80 của thế kỷ trước đánh dấu một thời kỳ đen tối trong lịch sử của Cape Town với nạn phân biệt chủng tộc Apartheid mà cho tới nay sự chênh lệch giàu nghèo rõ rệt vẫn còn hiển hiện ở nhiều nơi trong thành phố. Những khu “township” - khu ổ chuột chủ yếu của người da màu hình thành từ những túp lều ghép lại bằng những tấm tôn cũ, thùng carton, rèm cửa rách nát tồn tại bên cạnh những ngôi nhà sang trọng và đắt tiền ngang với những thành phố lớn châu Âu.

Nhắc tới lịch sử của thành phố này không thể không nhắc tới một trong những nhân vật nổi tiếng nhất trong lịch sử Nam Phi - cố tổng thống Nelson Mandela, người anh hùng đã góp phần chấm dứt nạn Apartheid và có sự gắn bó chặt chẽ với thành phố này. Trên đảo Robben, một hòn đảo cách thành phố 10km vẫn còn di tích nhà tù nơi giam giữ Nelson Mandela trong suốt 18 năm. Cựu tổng thống Kgalema Motlanthe và tổng thống đương nhiệm Jacob Zuma cũng nằm trong danh sách những tù nhân nổi tiếng của nhà tù này, nơi ngày nay đã trở thành một di sản thế giới UNESCO.

Chỉ vài giờ ngay sau khi được trả tự do vào ngày 11 tháng 2 năm 1990, Mandela đã có bài phát biểu đầu tiên trước công chúng từ ban công tòa thị chính thành phố. Bài phát biểu của ông đánh dấu một kỷ nguyên mới cho cả đất nước. Bốn năm sau người dân Nam Phi được tham gia vào cuộc bỏ phiếu tự do đầu tiên. Hai mươi năm đã qua từ những ngày tháng lịch sử ấy, hôm nay Cape Town đã thay đổi rất nhiều và thực sự trở thành một đô thị quốc tế sầm uất sánh ngang với London, Paris... Những ký ức của quá khứ đau thương đã lùi xa, giờ đây khách du lịch từ mọi nơi trên thế giới nườm nượp đổ về để được ngắm những buổi hoàng hôn bình yên trên đỉnh núi Bàn, mua sắm ở khu V&A Waterfront, nghe nhạc jazz tại những quán bar trong khu Bo Kaap, ngắm hoa trong vườn Botanical Garden...

Năm 1836, trong một lá thư gửi em gái, nhà tự nhiên học người Anh Charles Darwin đã so sánh Cape Town như “một

quán trọ tuyệt vời trên một hành trình tuyệt vời về phương Đông”. Với tôi, không có sự so sánh nào hợp lý hơn thế để kết thúc một bài viết về Cape Town - Thành phố Mẹ.

Zanzibar - Tình ơi là tình



Thứ Hai là ngày đầu tuần! Khi cả thế giới hồi hả bắt đầu một tuần làm việc mới thì tôi đang gà gật ngủ trên chuyến bay từ Kilimanjaro tới Zanzibar. Những chặng bay mệt mỏi khiến tôi chẳng buồn ngắm đỉnh núi hùng vĩ phủ tuyết. Tôi giữ nguyên tình trạng mắt nhắm mắt mở ấy trên quãng đường đầy ổ gà xóc nảy lửa từ sân bay về tới khách sạn. Xuống xe, dụi mắt đôi ba lần thì cứ như có điều kỳ diệu xảy ra. Trước mặt tôi là màu xanh ám ảnh và nhức nhối của biển Đại Tây Dương. Tôi không còn nằm mơ nữa, tôi đã thực sự ở đây rồi, “hòn đảo thiên đường”!

Zanzibar – Cái tên nghe đã rất tình! Nó gọi cho người ta nhớ tới những hòn đảo châu Phi xanh mượt một màu. Biển ở đây tuyệt đẹp, phẳng lặng, êm đềm như một dải lụa. Có mấy con thuyền lơ đãng dềnh dang. Tôi bước chân trần trên cát, dụi mắt ngắm hoàng hôn buông. Mặt trời rực rỡ như một quả cầu lửa chìm dần xuống biển. Trời không tối hẳn mà là những dải màu xanh lam xen lẫn màu cam đan nhau thành từng vệt, rồi bóng tối từ từ lấn dần lúc nào chẳng biết. Nhắm mắt một tí, mở ra đã thấy những dải màu cam mờ dần rồi mất hẳn. Màn đêm xanh như nhung, trắng buông lơ lửng một góc! Cả một góc bãi biển vừa ồn ào tiếng trẻ trẻ địa phương nô đùa đá bóng, giờ yên tĩnh lạ thường. Chỉ còn mình tôi bơi giữa làn nước menh mông trên biển, khi triều từ từ lên, trăng từ từ buông! Cảm giác thật là thần tiên.

Hôm sau tôi dậy từ tờ mờ sáng để đi một tour blue safari ngắm cá heo ở Kizimkazi. Chặng đi cano lúc đầu thật dễ chịu. Tôi miên man phóng tầm mắt ra xa, bốn bề là mặt biển phẳng lặng lúc sắc xanh thẫm lúc xanh lơ. Nhưng chỉ chừng sau mười phút ra xa bờ, biển không còn hiền hoà nữa. Những con sóng chồm lên khiến tôi chao đảo mặt mày. Đúng khi ấy, có tiếng ai

reo lên “Cá heo kìa”. Ngay bên phải mạn thuyền của chúng tôi, là một đàn cá heo lên tới gần chục con. Lũ cá heo dễ thương bơi thành từng cặp, tung mình trên những con sóng. Có lúc đàn cá heo áp sát vào gần cano khiến tôi có cảm giác chỉ khoát tay xuống nước là sờ thấy được.


Sau ba ngày nghỉ ngơi ở biển, chiều nay tôi mới vào thị trấn. Thay vì gọi taxi, tôi quyết định đi bộ ra đường lớn và vẫy xe minibus như dân địa phương. Chiếc xe nhỏ xíu đã chật kín người nhưng phụ xe vẫn dừng cho tôi lên. Trên xe, những người phụ nữ theo đạo Hồi mặc váy dài tới gót và đeo khăn che kín mặt nhìn tôi bằng ánh mắt xa lạ, tỏ rõ rằng tôi không thuộc về trong số họ, tôi là người ngoài. Nhưng chính những người phụ nữ ấy, dù im lặng không nói nửa lời, đã sẵn sàng ngồi nép lại, thu chân, bế đứa trẻ lên lòng, dẹp bớt cái bu gà vào một góc để tôi có một chỗ ngồi giữa bọn họ. Lần đầu tiên đặt chân tới một xứ sở mà đa phần người dân theo đạo Hồi, tôi thực sự cảm kích sự khiêm nhường ấy.

Stone Town - thủ phủ của Zanzibar là một nơi đặc biệt. Nằm bên bờ biển Ấn Độ Dương, nơi đây từng là cửa ngõ giao thương nhộn nhịp. Các công trình ở đây là sự pha trộn những nét văn hóa đặc sắc của Ba Tư, Ấn Độ, Ả Rập và châu Âu. Trung tâm của thị trấn có rất nhiều con hẻm nhỏ, đan xen vào nhau giống như một mê cung. Tôi thích cảm giác đi bộ trên những con đường nhỏ ở Stone Town, mỗi một ngã rẽ lại mở ra những điều bí ẩn. Đó có thể là một người phụ nữ mặc váy xanh biếc ngồi lơ đãng trên bậc thềm như thể một cảnh trong phim, một tiệm tạp hoá nhỏ bán đủ loại gia vị mà tôi ưa thích, những cửa hàng lưu niệm mang dấu ấn châu Phi, hay là lạc bước vào một xưởng mộc nhỏ nơi người thợ gần chín mươi tuổi chia sẻ với tôi ông đã đi từ Ấn Độ, sang Anh rồi tới Zanzibar như thế nào, hoặc ngõ ngàng khi bước vào một khu vườn bí mật sau cánh cửa gỗ. Sau mấy ngày ở trong thị trấn, tôi thấy yêu Thành phố Đá lạ kỳ. Không phải những gì xa hoa, mà tôi yêu những mảng tường vôi cũ kỹ, những hoa văn trên tấm vải trải bàn, yêu những cánh cửa gỗ chạm khắc tinh xảo, mấy thứ hoa quả xếp

gọn gàng ở chợ, yêu luôn cả người đàn bà điên chọc ghẹo mình trên phố...

Zanzibar với tôi ngọt ngào như mật ong. Người ta đến đây để say sắc xanh của biển, say chút men rượu cocktail pina colada, say ít nắng rực rỡ, say chút tình mơ màng. Là nơi để người ta yêu nhau, để khi xa nhau thấy thương thương, nhớ nhớ, để người ta “chết ở trong lòng một ít”. Để khi về nhà thì biết rằng trong tim mình ít nhiều đã có một nơi đặc biệt, một nơi cho ký ức lẫn trốn, nơi cho những xao động trong lòng nung nấu, để thỉnh thoảng có ai nhắc tới Zanzibar dù chẳng có gì đâu mà trong lòng vẫn cứ rộn lên một tí, mặt tươi lên một tí và nụ cười thoáng nở trên môi. Cái ngày hôm ấy biển xanh ời là xanh và trời và mây và gió. Và tình ời là tình, là hoàng hôn làm cho lòng người menh mang, khiến kẻ lữ khách vốn đã quen với những chuyến đi xa bỗng thấy chùng lại, thấy cô đơn hơn một tí và cần trái lòng mình với ai đấy, cho rượu vui đi, cho lòng bớt sâu, cho mắt thêm trong, cho tình thêm nồng, cho lửa thêm đượm và đời thêm yêu.

Tản mạn ở Nairobi

ó nằm mơ tôi cũng chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ đặt chân tới mảnh đất châu Phi những ngày đầu năm này. Châu Phi xa xôi, châu Phi huyền bí vốn nổi danh qua những trang văn đậm chất phiêu lưu của Ernest Hemingway. Vậy mà chuyến đi một mình tới Kenya đã tới đây bất ngờ và hứa hẹn nhiều điều thú vị. Qua cửa sổ máy bay, đỉnh núi Kilimangaro quanh năm tuyết phủ hiện lên hùng vĩ và tráng lệ... Nairobi không còn xa!!!

Những ấn tượng ban đầu

Chiếc minibus đưa chúng tôi từ sân bay quốc tế Jomo Kenyatta về chỗ ở tại Nairobi phải mất tới hơn hai giờ đồng hồ vì tắc đường. Nhiều phen tôi còn đứng tim sợ hãi vì cách lái xe rất ẩu của anh tài xế. Phương tiện đi lại chủ yếu ở thành phố này là những chiếc minibus, được gọi là murtatu: không điều hoà, không tiện nghi, chất lượng không tốt nhưng giá vé rẻ và rất thuận tiện. Bên cạnh đó, một loại hình xe bus công cộng cỡ lớn khác được gọi là City hoppa, mang màu xanh lá cây đặc trưng cũng đang trở nên phổ biến.

Cuộc sống hàng ngày của Nairobi thật sự bận rộn. Trên vỉa hè tấp nập người đi bộ, còn dưới đường xe cộ nối đuôi nhau. Những chiếc murtatu chả cần biết đến luật lệ tìm mọi cách vượt lên trước, nhả lại phía sau một làn khói bụi mù. Nairobi đặc biệt một phần có lẽ bởi sự đa dạng của nó. Mỗi một góc thành phố là một bộ mặt khác nhau. Bên cạnh những tòa nhà cao tầng hiện đại của Nairobi là những người ăn xin nghèo khổ. Bên ngoài những khu trung tâm thương mại đất đỏ vẫn còn những khu chợ nghèo nàn với vài mẹt xoài, cam chỏng chơ của những người đàn bà mặc váy hoa sặc sỡ. Gần đó, một quán bar sang trọng vẫn đang vọng ra thứ âm thanh sôi động và mạnh mẽ. Ở bên này là hình ảnh cao vút của khách sạn Hilton, trung tâm hội

ngại quốc gia KICC, phía bên kia là khu vực chợ Masai tấp nập kẻ bán mua, là những tòa nhà liêu xiêu, tội nghiệp.

Nếu so với sự đông đúc và náo nhiệt ở trung tâm Nairobi thì khu vực ngoại ô Kasarani có vẻ khá buồn tẻ. Dân cư thưa thớt, những cánh đồng cỏ dại bát ngát, những con đường gập ghềnh màu nâu đỏ.

Ngoài phố, chỉ thấy manh mún vài cửa hiệu nhỏ. Cửa hàng đề biển “Beauty Salon” trông rúm ró như một căn nhà ổ chuột. Người đàn ông bán hàng rau quả ngồi cả giờ trong im lặng và bóng chiều sập xuống buồn tẻ. Những con quạ bay đảo đảo trên không trung.

African Dance - Sôi động và nóng bỏng

Nairobi những ngày này nắng thật đẹp. Vàng tươi như mật! Trời xanh biếc đến tận cùng. Và mây xốp từng đám vờn vợi! Có lẽ sống giữa một không gian rộng lớn và mệnh mông như thế, giữa bầu trời đầy nắng và gió như thế nên tâm hồn dường như trở nên nồng nhiệt và khoáng đạt hơn, cuộc sống vui tươi và đầy màu sắc hơn! Âm nhạc dường như hiện hữu ở khắp mọi nơi trong cuộc sống của người dân Kenya. Hành khách lúc nào cũng được nghe những bản nhạc rộn ràng trên xe bus. Còn trên vỉa hè là những nghệ sĩ đường phố say sưa với ngón đàn của mình.

Nairobi hiện nay được coi là trung tâm về âm nhạc của khu vực Trung và Đông Phi. Tôi đặc biệt ấn tượng khi xem những điệu nhảy hip-hop tại Khu Liên Hợp thể thao Moi International Sports Centre. Trong nhịp trống sôi động và nóng bỏng, những nghệ sĩ biểu diễn hết mình, thuần thục từng động tác, say mê và đầy nhiệt tình. “Không nhất thiết phải là ‘dân chuyên nghiệp’, bạn mới nhảy múa giỏi”, một anh bạn Kenya chia sẻ: “Dường như bản thân mỗi người Kenya chúng tôi đều biết múa từ khi sinh ra. Đó là một phần trong cuộc sống”. Chẳng phải thế mà khi tôi đến thăm các lớp học nhảy Salsa tại trường Đại học Quốc tế hoa Kỳ (USIU) đều thấy đông nghẹt người. Trish - sinh

viên đại học tại Nairobi nói “Mỗi khi mệt mỏi, chỉ cần bật nhạc lên và xoaay người. Những điệu nhảy này giúp tôi cân bằng và yêu đời hơn rất nhiều”.

Những người tôi đã gặp


Có ba thứ tôi sẽ không quên khi rời xa thành phố này. Tôi sẽ nhớ bầu trời xanh ngập nắng của Nairobi; nhớ những chiếc xe bus murtatu xóc nảy cả người, nhiều phen khiến tôi say lử đử; nhớ những lời hát, điệu nhảy sôi động của các chàng trai, cô gái bản xứ. Và trên hết tôi nhớ những người bạn thân thiện tôi đã gặp nơi đây, dù chỉ một lần tình cờ trên đường phố, những người đã khiến cho chuyến đi của tôi trở thành một kỷ niệm đẹp đẽ và sâu sắc! Có thể nói không ngoa rằng từ đầu đến cuối chuyến đi tôi đã may mắn gặp toàn người tốt. Từ anh em cậu bé Douglas nhiệt tình chỉ đường, anh lính gác tốt bụng ở khu vực chúng tôi trọ, cho tới bà đầu bếp hiền hậu và người bạn đồng hành trên xe bus đã giúp đỡ thật nhiệt tình.

Liều! Đó là từ chính xác nhất để nói về chuyến đi của tôi tới thành phố xa lạ và đầy cuốn hút này. Một mình tới Nairobi để có cơ hội khám phá biết bao điều mới mẻ và thú vị, để thấy những góc cạnh đa dạng trong khối rubic muôn màu của cuộc sống. Lẽ dĩ nhiên, mọi mặt đều có cái hay của nó. Và hạnh phúc là được trải nghiệm những cảm giác, cảm xúc khác nhau.

(Khách sạn Greton - Phố Tsavo - Nairobi)

Copenhagen - Dịu dàng quá, dịu dàng không chịu nổi

(Viết tặng ai đó cũng yêu những thành phố biển, giống tôi)

 ước làm cho một thành phố dịu dàng! Tôi yêu Copenhagen vì lý do như thế.

Lần nào đến thành phố cảng thanh bình này, tôi cũng đi bộ men theo dòng kênh đảo Nyhavn 300 năm tuổi, một trong những khu vực sống động nhất của thành phố. Dọc hai bên bờ kênh là những ngôi nhà cổ lâu đời và sặc sỡ sắc màu mà người ta thường in trên bưu thiếp. Giữa trưa hè mà mỗi khi gió thổi, vẫn thấy hơi se se. Copenhagen là thế đấy, để sau này khi đến những nơi có mặt trời tung bùng, tôi lại da diết nhớ mùa hè 15°C của xứ Bắc Âu.

Trời đổ về chiều, tôi lòng vòng ra bến cảng Amaliehavn thơ mộng và thanh vắng tới lạ kỳ. Con đường từ lâu đã trở nên thân thuộc, đến mức nhắm mắt lại, tôi cũng tưởng tượng ra từng chi tiết. Đây nhé đây là đài phun nước hoành tráng gần cung điện Amalienborg, tháp thoáng qua màn nước là mái vòm xanh như ngọc của nhà thờ Marble. Nhìn sang phía bên kia bờ là nhà hát opera lộng lẫy. Chếch sang bên tay trái, một con thuyền nhỏ cổ kính neo lại chẳng biết tự bao giờ. Chỉ thêm mấy bước chân thôi là tới trụ sở chính của A. P. Moller Maersk với màu xanh nước biển truyền thống. Tập đoàn tàu thủy lớn nhất thế giới này không chỉ là niềm tự hào của Copenhagen mà còn là một trong những thương hiệu nổi tiếng của quốc gia xứ Bắc Âu này, bên cạnh trò chơi trí tuệ Lego, bia Carlsberg, các thiết bị nghe nhìn Bang & Olufsen.

Tôi làm việc cho Maersk Việt Nam không lâu, nhưng cứ mỗi lần đứng trước tòa nhà ấy, với ngôi sao xanh bảy cánh quen

thuộc bay phấp phới trong gió, bao giờ lòng cũng thấy bùi ngùi, nhớ lại lần đầu tiên ngư ngắc tới đây. Mới có hai năm thôi mà cứ như những ngày rất xa về trước. Tôi nhớ ngày ấy đã vòng qua đài phu nước Gfion, ghé vào giáo đường St Alban nhỏ xíu kê bên. Một bà cụ hiền từ ở cửa hỏi tôi từ đâu tới, bà quay vào tìm trong kệ tài liệu một lúc rồi bối rối xin lỗi vì không có tờ giới thiệu nào bằng tiếng Việt.

Lần này, tôi đến muộn, giáo đường đã đóng cửa từ lâu, quán cafe ngoài trời nằm đối diện cũng không đón khách. Những chiếc ô che nắng được cuộn lại, nằm im lìm trong một góc. Tôi vòng qua con đường sỏi, ngồi nghỉ dưới rặng liễu mùa xuân đang ra lá xanh um. Không có bất kỳ âm thanh nào ngoài loáng thoáng tiếng đập nước khế khàng của chú vịt con làm mặt hồ xao động. Ở ghế đá bên cạnh, một anh chàng da đen mặt buồn vời vọi chắc chỉ có thể vì cô nàng nào đấy ở phương xa!


Từ St Alban, ngược lên phía Bắc, là nơi đặt bức tượng nàng tiên cá nổi tiếng của nhà điêu khắc Edward Eriksen, người đã lấy cảm hứng từ chính vợ mình là Eline Eriksen để tạo nên kiệt tác độc đáo này. Kích thước bé nhỏ của bức tượng làm những ai đến xem lần đầu không khỏi ngạc nhiên nhưng có lẽ chính vì thế mà càng thêm phần duyên dáng. Tượng được Carl Jacobsen, con trai người sáng lập ra hãng bia Caslsberg, đặt làm năm 1909 sau khi ông bị vỡ ba lê về truyện cổ tích “Nàng tiên cá” mê hoặc. “Nàng tiên cá” của Hans C.Andersen có lẽ không chỉ cuốn hút riêng gì Jacobsen, nó còn là câu chuyện gắn liền với tuổi thơ tôi và biết bao em nhỏ trên thế giới.

Đi dạo trên những con đường lát gạch cổ kính của Copenhagen, nơi mà mỗi ngã tư mỗi con đường đều như đang dẫn đến xứ sở thần tiên nào đó, tôi chắc hẳn rằng chính những cung điện, lâu đài, sắc màu đậm thắm của trời biển hay tinh thần phóng khoáng từ thời Viking xa xưa ở nơi này là ngọn nguồn cảm hứng cho trí tưởng tượng phong phú của Andersen khi sáng tác những câu chuyện như “Bà Chúa Tuyết”, “Nàng công chúa và hạt đậu”, “Giày đỏ”, “Bộ quần áo mới của hoàng

đế"... Dù sinh trưởng ở Odense, nhưng về cuối đời mình, Andersen gắn bó nhiều với Copenhagen. Ông sống trong nhiều năm tại nhà số 67 Nyhavn và qua đời lặng lẽ tại một ngôi nhà có tên "Bình Yên"!

Còn rất nhiều điều mà tôi muốn viết về Copenhagen. Từ tình yêu xe đạp đến tính cách hơi "điên khùng" của người dân nơi đây (dân Copenhagen đạp xe quanh năm trong mọi thời tiết), về con đường đi bộ Strøget dài nhất châu Âu, về món bánh mì smørrebrød đặc biệt, về một buổi tối ấm áp nhân ngày Lễ mùa hè... Nhưng có lẽ chỉ viết ngắn vậy thôi vì tôi cũng nên giữ lại cho riêng mình một ít kỷ niệm; để có khi nào lang thang giữa một thành phố đông đúc và bận rộn người xe, lại thấy Copenhagen như ở trước mắt. Thấy lòng mình cũng đang hoài nhớ!

Tháng ba Aarhus - mùa xuân có lầy lội lắm không em?

arhus chào đón tôi lạnh lùng và khắc nghiệt. Đi từ sân bay về nhà, chỉ thấy tuyết. Tuyết ở khắp mọi nơi! Trắng trời trắng đất. Tuyết phủ đầy mái nhà, tuyết ngập trong rừng thưa. Tuyết vun thành những đồng lớn dọc hai bên bờ sông. Khắp không gian chỉ một màu trắng, thấy trong lòng mình cũng trống trải đến sợ. Những ảo ảnh của hai năm trước về những thành phố cổ tích, mơ màng bên bờ biển của Đan Mạch bỗng rụng tan biến như hơi sương. Cuộc sống ở Aarhus của tôi bắt đầu với hiện thực tuyết như thế.

Có tiếng là thành phố lớn thứ hai ở Đan Mạch, nhưng dân số Aarhus chỉ vền vẹn hơn 300.000 người. Nơi đây không giống với nhiều địa danh lãng mạn khác ở xứ Bắc Âu này. Aarhus không có vẻ quyến rũ như thị trấn nhỏ Silkeborg, chẳng xinh xắn bằng Helsingør, và thiếu hẳn nét dịu dàng của København. Người ta thích đến vùng Silkeborg đi thuyền trên những khu hồ xanh thắm thắm như ngọc, thích ghé qua Helsingør ngắm lâu đài Hamlet - khởi nguồn cho vở bi kịch vĩ đại của Shakespeare, đến København tìm nàng tiên cá và đi tàu qua Oresund - cây cầu đẹp như huyền thoại nối liền hai đất nước Đan Mạch và Thụy Điển.

Không lâu đài, không cầu lớn, không hồ xanh, Aarhus không có thói quen làm dáng khiến người ta mê mẩn, hay trang sức lộng lẫy để ai phải trầm trồ.

Ở Aarhus, chỉ có những tòa nhà mái ngói dốc, gạch đỏ, gạch vàng vuông chần chặn. Ở Aarhus chỉ có những con phố nhỏ như bàn tay con gái, đi một thoáng là hết, mà một loáng lại thấy như lạc đường. Ở trung tâm là phố Vestergade nơi có nhà thờ Vor Frue Kirke cổ kính, nhà thờ đá lâu đời nhất của vùng

Scandinavia, được xây dựng từ những năm 1060. Cách đây không xa là phố Rådhuspladsen nơi có tòa thị chính tiêu biểu cho kiến trúc Đan Mạch do kiến trúc sư nổi tiếng Arne Jacobsen thiết kế. Đi thêm một chút nữa là khu cổ thành Den Gamle By nơi có bảo tàng ngoài trời đầu tiên trên thế giới. 75 ngôi nhà cổ ở đây nằm duyên dáng cạnh nhau tái hiện chân thực một góc không gian giống như dưới thời Hans Christian Andersen. Ở Aarhus còn có những quán cafe nằm sát con kênh nước sẫm màu, đủ cho dân tình sáng chủ nhật kéo nhau ra phơi nắng, nhâm nhi một ly Capuccino và thấy đời mình cứ mãi thế này thì bình yên quá.

Aarhus với tôi còn là những ngôi nhà nhỏ ấm cúng của bạn bè, buổi tối ngồi bên nhau, thấp nến, uống vang đỏ và bật một bản nhạc rất dịu. Đêm mùa đông, tuyết làm cho mọi thứ yên ắng hơn và con người như muốn gần nhau thêm một chút.

Không tỏ ra nồng nhiệt với người ngoài, thành phố cuộn mình trong một phong cách riêng. Aarhus là mảnh đất kỳ lạ! Lạnh lùng và ấm áp! Bận rộn và yên tĩnh! Nghiêm nghị và tự do, văn minh và hoang dại! Ở Aarhus là sự pha trộn hài hòa giữa sự trẻ trung và năng động của một thành phố lớn và nét xinh xắn của một thị trấn nhỏ.

Aarhus giống như một cô gái! Không đẹp. Lại còn kiêu! Cơ mà đôi khi người ta lại yêu nhau vì những cái dừng dừng như thế! Tôi đã quen với sự ồn ào và bận rộn ở những thành phố lớn, khi đặt chân tới Aarhus cứ ngỡ như về làng. Nhưng khi đã quen, sự nhỏ bé và tĩnh lặng ở đây lại đem tới cho tôi cảm giác bình yên tới lạ kỳ. Rồi từ quen tới yêu lúc nào không biết.

Tới một ngày, mùa đông Aarhus dài như không thể có ngày mai rồi cũng qua.

Ngày đầu tiên của mùa xuân, bạn hàng xóm đến chơi tặng tôi một cái vòng đeo tay “Vòng mùa xuân” và dặn “nhớ đeo cho hết tháng ba nhé”. Tháng ba, có người nhắc “ngước lên trời mà xem, nếu không phải mùa xuân, bình minh sẽ không xanh thắm

thế này”.

Tháng Ba Aarhus, tuyết đã tan gần hết. Những quán cafe ngoài trời bắt đầu đông khách. Đi dọc theo con kênh trong thành phố, bắt đầu thấy người ta bày bàn ghế trên hè đường để dân tình tới uống cafe và sưởi nắng.

Tháng ba, ngày mưa, tôi bắt xe bus ra chơi ven hồ Årslev Engssø, cuộc bộ vu vơ dọc theo những con đường nhỏ. Đất trời ẩm ướt dịu dàng. “Xuân về rồi, ngoài kia có lầy lội lắm không em?”

Tiểu kết:

Kết thúc khoá học Đối thoại nghệ thuật, cô giáo đưa ra đề tài mỗi sinh viên phải vẽ một “bản đồ cảm xúc” về Aarhus để cho triển lãm cuối học kỳ. Bạn tôi Chiara vẽ một bản đồ “mùi Aarhus”: mùi của thức ăn khi đi qua phố Stroget, mùi mặn mòi của biển khi ra gần bến cảng, mùi bia và khói thuốc toả ra từ những quán rượu Ailen. Ilaria vẽ một bản đồ “nén”- cô bảo đấy là ấn tượng đầu tiên khi đặt chân tới Aarhus vào buổi đêm, thấy ánh nến lung linh trong những căn nhà nhỏ.

Phil có một bản đồ của các bảo tàng ngoài trời trong thành phố. Sonja vẽ bản đồ của các nhà vệ sinh công cộng. Soren vẽ bản đồ các nhà hàng còn mở cửa lúc hai giờ đêm, phục vụ những kẻ hay chơi khuya về muộn. Laura vẽ bản đồ của tuổi thơ, con đường cô đi từ nhà trung tâm thành phố tới chỗ bà ngoại ở phía Nam... Chưa bao giờ tôi thấy chân dung Aarhus hiện ra đa dạng và gần gũi đến thế.

Với tôi, bản đồ Aarhus chỉ có hai màu đơn giản: màu trắng của tuyết và màu vàng của bồ công anh. Ở giữa là con đường mùa xuân đi qua khu rừng nhỏ. Phía cuối rừng là nhà số 8 Brabrand - nhà tôi ở Aarhus nơi những ngày tháng Ba tôi ngồi trên bậc cửa ngắm những ráng vàng của một ngày dần trôi và hoa bồ công anh của mùa xuân nở vàng khắp chốn. Bao giờ cho đến ngày xưa!



Đi tìm hoàng tử thành Rome

Ngày xưa ngày xưa, khi xem bộ phim “Kỳ nghỉ lãng mạn” (Roman Holiday), tôi cũng thầm ước mình sẽ giống như nàng công chúa may mắn kia, tình cờ gặp anh chàng ký giả lãng tử đẹp trai giữa thành Rome cổ kính, ngồi sau chiếc Vespa của anh phóng vút giữa những con đường lịch sử. Tôi mơ màng nghĩ tới ngày sẽ gặp hoàng tử của riêng mình để viết nên câu chuyện cổ tích thành Rome. Mà đâu phải chỉ riêng mình tôi, cô gái nào chẳng có ước mơ về hoàng tử của lòng mình như thế.

Cái thời xưa xưa xưa xưa ấy rồi cũng qua. Ai biết rằng rồi cho đến ngày này ngày nay, bước chân phiêu lãng tình cờ đưa tôi đến Rome và ước mơ thuở nào tự dưng vọng lại.

Hoàng tử đầu tiên tôi gặp là anh chàng Francesco làm lễ tân tại khách sạn sát ngay ga Termini. Vừa đưa bút khoanh tròn những điểm tôi nên đến thăm trên bản đồ, anh vừa nhiệt tình kể câu chuyện đầy huyền bí về sự hình thành của Rome.

Nằm trên hợp lưu của sông Aniene vào sông Tiber, Rome là tên ghép của hai anh em sinh đôi là Romulus và Remus, con của thần chiến tranh. Theo truyền thuyết cặp song sinh này sẽ được thừa kế vương quốc Anpơ nhưng bị cướp mất ngôi và thả trôi sông Tiber. May mắn thay, hai đứa trẻ được chó sói cho bú và chim gõ kiến cho ăn. Romulus và Remus lớn lên trở thành những người hùng mạnh và tìm ra một mảnh đất trù phú để xây dựng thành Rome. Bởi thế biểu tượng của Rome chính là hình ảnh con sói cho hai đứa trẻ bú. Sau khi giết người em Remus, Romulus trở thành vị vua đầu tiên của La Mã và còn cai trị vương quốc 38 năm sau cho tới khi biến mất trong một cơn bão.

Francesco còn nói nhiều chuyện dài hơn thế nhưng tôi nghe câu được câu mất. Như muôn ngàn người Ý khác, Francesco ăn mặc bảnh bao như người mẫu, nói tiếng Anh pha ngữ điệu Ý đặc sệt. Anh nói chuyện bằng cách ra hiệu với hai bàn tay đầy lời cuốn, thỉnh thoảng dường như còn cố tình đưa tay vén những lọn tóc xoắn lưa thưa vừa xòa xuống hai bên má. Thú thật, mọi khi cử chỉ “nữ tính” ấy thường làm tôi khó chịu, nhưng có lẽ các chàng trai Ý có phong cách làm điệu đến tự nhiên khiến tôi chỉ biết cười trừ.

Bước ra khỏi cửa khách sạn, tôi tìm đến điểm đầu tiên Francesco đã đánh dấu trên bản đồ - đài tưởng niệm Vittorio Emanuele II, vị vua đầu tiên của nước Ý thống nhất. Nằm giữa quảng trường Venezia và đồi Capioline, đài tưởng niệm này được thiết kế bởi Giuseppe Sacconi từ năm 1885, là một công trình kiến trúc khá mới so với vô vàn những kiến trúc hàng nghìn năm tuổi ở Rome. Chất liệu đá hoa cương trắng dùng cho xây dựng khiến công trình này có màu sắc nổi bật hơn trong cả khu vực. Có lẽ chính màu sắc ấy mà nhiều du khách khi tới đây đã gọi Vittorio Emanuele II là “chiếc bánh cưới” còn dân Roma cho rằng hình dạng tòa nhà gần giống với một “chiếc máy đánh chữ”.

Khi tôi còn đang cùng một nhóm khách du lịch Mỹ tạo dáng chụp ảnh trên quảng trường Venezia thì phía bên kia đường, một đoàn hàng nghìn người đông đảo, chủ yếu là thanh niên đang diễu hành với khẩu hiệu, cờ quạt rực rỡ và hàng chục xe cảnh sát hộ tống theo sau. Tính tò mò trời dậy, tôi hòa cùng nhóm người đang hát hò vui vẻ. Một thành viên dúi vội vào tay tôi một lá cờ và nói với tôi một tràng tiếng Ý. Sau phút đầu ngỡ ngác, nhìn lá cờ đủ bảy màu sắc cầu vồng, tôi mới nhận ra mình đang tham gia vào một cuộc tuần hành lớn ủng hộ quyền của người đồng tính trên đất Ý.

Vậy là tôi bỏ dở hành trình mà Francesco đã vẽ cho, đi bộ cùng những người bạn Ý một quãng dài qua trung tâm thành phố. Vệt nắng chiều vàng ruộm chiếu lên bao kỳ quan mà tôi đã

thuộc lâu trên mặt bưu thiếp du lịch: Đấu trường La Mã (Colosseum), Khải Hoàn Môn, đền Pantheon, khu quảng trường La Mã (Roman forum)... Trong một phút giây nào đó, tôi có cảm giác như mình đang sống ở cả hai thế giới. Ngoài kia, những đền đài hàng nghìn năm tuổi tưởng như chìm trong sự yên tĩnh vĩnh hằng, còn ở đây là những con người ngập tràn tinh thần tuổi trẻ, đang lên tiếng vì những giá trị mới.

Chiều muộn, khi đoàn diễu hành về tới điểm cuối, tôi chia tay họ và liếc nhìn bản đồ, tìm đường vòng lại quảng trường Tây Ban Nha, nơi có những bậc thang nổi tiếng rộng nhất châu Âu, Spanish Steps dẫn từ Piazza di Spagna ở dưới chân lên tới Piazza Trinità dei Monti và nhà thờ Trinità dei Monti trên đỉnh. Nhớ năm xưa, cô diễn viên xinh đẹp Audrey Hepburn từng ăn cây kem ngọt lịm trên những bậc tam cấp này, hình ảnh khiến cho dân Mỹ mê như điên đổ về một cuộc sống tươi đẹp theo phong cách Ý.

Khi tôi đến, trời muộn thêm, khách du lịch đã tản đi hết, chỉ còn từng nhóm thanh niên Ý ngồi hò hẹn chuyện trò râm ran. Tôi leo 135 bậc thang lên cao để ngắm nhìn thành phố. Phía dưới, những giỏ hoa đỗ quyên đang rung rinh trong gió; bên tay trái tôi là ngôi nhà màu hồng nơi thi sĩ Anh lừng danh John Keats đã qua đời lặng lẽ ở tuổi 25. Tôi ngồi trên bậc tam cấp vắn vương hồi lâu. Chỉ vài tuần trước đó thôi, tôi đã từng thăm ngôi nhà xinh xắn của Keats ở làng Hampstead, phía Bắc London. Bây giờ tôi đang đứng trước cửa một ngôi nhà lịch sử khác. Cuộc đời thi nhân tài hoa bạc mệnh, nhưng những vần thơ của Keats còn sống mãi với thời gian “Beauty is truth, truth beauty, - that is all ye know on earth, and all ye need to know” (Cái đẹp là chân lý, chân lý là cái đẹp, nhân gian bao điều chỉ thế và người cần biết thế thôi)!

Ngày hôm sau, tôi dậy từ sớm, đi lòng vòng ra đài phun nước Trevi. Thành phố dường như còn ngái ngủ, thỉnh thoảng chỉ thấy một chiếc Vespa vèo qua. Trevi có lẽ là một trong những điểm đến nổi tiếng nhất ở thành phố này. Tôi nghĩ người

Rome làm du lịch quá giỏi khi “sáng tác” ra truyền thuyết “Để có cơ hội quay lại Rome, hãy ném một đồng xu xuống đài phun nước”. Để cho câu chuyện thêm kỳ bí, người ta còn yêu cầu bạn phải quay mặt lại, ném xu bằng tay phải vòng qua phía vai trái. Đài BBC từng đưa tin rằng mỗi ngày, ước tính có tới 3.000 Euros được ném xuống đây, số tiền này sau đó được tài trợ cho Caritas, một tổ chức từ thiện của Ý. Riêng lượng tiền “ném xuống giếng” này đủ cho thấy khách du lịch tới Trevi đông cỡ nào.

Chia tay thần Nepturn và những cô gái mang biểu tượng bốn mùa xuân, hạ, thu, đông của ngài, tôi đi vào khu Quảng trường La Mã.

Từng là kinh đô của đế chế La Mã hùng mạnh, cho tới nay qua 2.800 năm lịch sử, Rome còn lưu giữ vô vàn những di sản quý giá về văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, khoa học từ thời kỳ này. Vì thế, không thể nói là đã đến Rome nếu chưa tới thăm khu Quảng trường La Mã. Nơi đây từng là khu trung tâm hành chính, tôn giáo và sinh hoạt thương mại của đế chế La Mã với vô vàn những hội trường lớn để hội họp, những đền thờ, cung điện, chợ búa phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của dân chúng.

Nằm trong một thung lũng nhỏ, xen giữa đồi Capitoline và Palatine, ngày nay, khu quảng trường này là một khối kiến trúc đồ sộ ngoạn mục, một di chỉ khảo cổ còn dang dở. Ai biết được ở dưới sâu trong lòng đất, người La Mã cổ xưa còn ẩn giấu những gì? Có thể là một hệ thống dẫn nước chằng chịt, đôi chiếc bình gốm cổ, vài bức điêu khắc lớn, những đường hầm ngang dọc hay còn nhiều kho báu giá trị hơn thế? Cả một khu quảng trường rộng lớn từng là nơi ca khúc khải hoàn mừng chiến thắng, nơi tổ chức những buổi tế lễ, cầu nguyện, nơi giao thương buôn bán rộn ràng, nay chỉ còn là những mảng tường vỡ, dăm hàng cột dựng cao và những chú mèo đi hoang nhẩn nhơ đùa giỡn cùng ánh trăng lai láng.

Đời thực không như mơ, những ngày ở Thành Phố Vĩnh Hằng trôi thoảng qua như gió, tôi vẫn không tìm ra hoàng tử

đâu cả, chỉ thấy đấu trường La Mã vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt. Và Rome vẫn ở đó như một “người tình nghìn năm tuổi còn đợi chờ”.

Nhưng cuộc sống thật nhiều tình cờ. Tôi đã gặp hoàng tử của mình ở một nơi cách Rome 60km xuôi về phương Nam. Mà có lẽ ở đây, tôi chỉ kể về Rome thế thôi. Để tôi kể chuyện hoàng tử của mình và cái nơi cách Rome một giờ đi tàu ấy vào một dịp khác.

“Mọi con đường đều dẫn tới thành Rome”! Tôi muốn mượn lời của một bạn lữ hành vừa gửi cho tôi một vài phút trước để kết thúc bài viết này, chính lá thư của anh là cảm hứng để tôi cầm bút.

“Gửi người độc hành lặng lẽ!

Tôi đang viết cho em từ một quán café nhỏ của thành Rome. Chắc em đã từng tới đây vài lần, tôi biết thế. Từ duy nhất tôi có thể nghĩ về thành phố này là một áng anh hùng ca, một thiên sử thi diễm lệ. Những vương cung thánh đường trên quảng trường Thánh Peter, Khải Hoàn Môn, bảo tàng Vatican, và hàng nghìn nhà thờ lớn nhỏ, thành quách, cung điện, tượng đài, công trình tôn giáo... Tôi đã tham dự một buổi hành lễ tại một nhà thờ Thiên Chúa giáo theo nghi thức truyền thống với tất cả sự huyền ảo và mê hoặc của nó. Đẹp tới không tin nổi.

Và tôi nghĩ tới em. Chắc em sẽ trở lại Rome chứ?”

Phải rồi, chắc chắn tôi sẽ quay lại thành phố chứ, vì tôi đã trót ném xu xuống đài phun nước Trevi. Tôi sẽ tới Rome để còn được lên đồi Palentino, đi dạo dọc bờ sông Tiber, thăm Castel Sant’Angelo - lăng mộ Hoàng đế Hadrian, ngồi nghỉ trên những bậc tam cấp Tây Ban Nha hay chỉ đơn giản được ném một que kem hay ăn chiếc bánh pizza margarita giữa cái nắng tháng sáu ngọt ngào và hát bài Cuộc sống tươi đẹp - La Dolce Vita.

Thành Milan hoa lệ và nỗi buồn mang tên nước Ý

(Viết cho các cô gái ở Milan và câu chuyện trên những chuyến tàu của chúng ta)



ành trình tới Milan của tôi quả thực không dễ chịu chút nào.

Từ Aarhus, Đan Mạch tôi đi xe bus bốn tiếng đồng hồ xuôi xuống Copenhagen, đi phà qua Hamburg rồi dành nguyên ngày đi xuyên nước Đức tới Köln, từ đó bắt một chuyến tàu đêm qua Basel. Qua cửa sổ toa tàu, ngắm bao nhiêu hồ xanh, rừng biếc, núi non trập trùng của đất nước Thụy Sĩ xinh đẹp, bao nhiêu lần nhắm mắt và mở mắt, bao nhiêu lần quay sang hỏi người bạn đồng hành bên cạnh: “Chúng ta đang ở đâu thế nhỉ?”. Sau 36 tiếng tàu xe xuyên châu Âu, tôi đã đặt chân đến Milan hoa lệ.

Ấn tượng đầu tiên của tôi khi xuống ga Milan Centrale là “người ở đâu ra mà lấm thế”. Khi bạn đã sống hàng năm cạnh một khu rừng vắng ngập tràn hoa bồ công anh ở một thị trấn nhỏ xứ Bắc Âu, bạn sẽ có cảm giác giống tôi lúc ấy.

Đã quen với mùa hè dịu dịu 15°C của xứ lạnh, tôi đến Milan trong trang phục giống như của người Eskimo với ủng da, áo khoác mùa hè, khăn quàng cổ trong khi cô bạn ra ga đón tôi mặc quần short, áo hai dây, chân đi flip-flop. Trong phút chốc, cái nóng bức choàng lấy tôi tựa như những trưa hè oi nồng của Hà Nội.

Nước Ý đã chào đón tôi như thế. Với những chuyến tàu đông, ngọt ngào và nóng bức, tiếng cười nói ríu ran như chim, tiếng nhạc và kèn rộn rã, chuông nhà thờ lạnh lốt, chim bồ câu ngập tràn quảng trường Duomo, và nắng. Rất nhiều nắng.

Milan, trong mắt tôi, quả không hổ danh là chốn ăn chơi nhất nhì nước Ý.

Đây là thành phố lớn thứ hai của đất nước hình chiếc ủng và là thủ phủ của vùng Lombardy. Ngay từ thời Trung Cổ, Milan đã nổi bật là một trung tâm giao thương bận rộn và tới bây giờ đã trở thành một thành phố toàn cầu, trung tâm tài chính, thương mại và công nghiệp hàng đầu của Ý.

Với những kẻ du lịch bụi như tôi, Milan không phải chốn làm ăn, không phải nơi mua sắm (vì hàng hiệu ở Milan đắt cửa cổ). Milan là nơi tôi... ngắm người ta đi mua sắm.

Là kinh đô của ngành thời trang và thiết kế thế giới, một năm hai lần, Milan làm giới thời trang chộn rộn với tuần lễ thời trang Milan huy hoàng. Những nhãn hiệu đã làm nên tên tuổi của thời trang Ý đều đóng đô ở đây từ Valentino, Gucci, Versace, Prada, Armani cho tới Dolce & Gabbana.

Nằm ở trái tim của thành phố là Galleria Vittorio Emanuele II - một trong những trung tâm mua sắm lâu đời nhất trên thế giới được đặt theo tên vị vua đầu tiên của Vương quốc Italy. Công trình kiến trúc đặc sắc này được thiết kế bởi kiến trúc sư Giuseppe Mengoni bao gồm hai dãy các cửa hàng bằng kính nối với nhau bởi một kiến trúc hình bát giác ở giữa. Trung tâm của công trình này là một mái vòm kính lớn, dưới mái vòm này là bốn bức tranh gốm miêu tả đặc trưng của bốn thành phố trung tâm của vương quốc Italy là Milan, Turin, Florence và Rome.

Cách gallery chỉ vài phút đi bộ là khu tứ giác thời trang Fashion Quadrangle, tên người ta đặt cho các khu phố thời trang sang trọng: Via Montenapoleone, Corso Venezia, Via Della Spiga và Via A. Manzoni, đây là nơi có mặt của các cửa hàng thời trang sang trọng như Hermès, Bvlgari, Moschino, Tods, Vuitton, Emporio Armani, Viktor & Rolf...

Tôi nhớ một nhiếp ảnh gia nổi tiếng từng thực hiện một bộ ảnh với tên gọi “Những quý bà trên Đại lộ 5” miêu tả những phụ nữ ăn mặc thời trang, quý phái trên con phố mua sắm The 5th Avenue nổi tiếng của New York, thì ngay giờ đây trên những con phố của Milan như Via Montenapoleone, Via Della Spiga, tôi cũng có cảm giác như đang được xem một bộ ảnh tương tự. Đường như nơi đây mỗi người khi bước xuống đường, đều có ý thức họ phải ăn mặc đẹp, đẹp từ cách chọn kiểu váy, cách phối màu sắc, cách cầm túi xách tay, cách đeo một chiếc vòng cổ phá cách. Tôi ngẩn ngơ nhìn dân Milan tham gia vào một cuộc triển lãm thời trang đường phố phóng khoáng, tự do và đầy màu sắc. Anh bạn đi cùng tôi buột miệng: “Ở Bắc Âu mọi người ăn mặc đơn giản, toàn màu xám, màu đen, sang Milan thấy dân tình diện quá trời. Chỉ đi ngoài đường ngắm người cũng thấy thích rồi”.

Bỏ mặc anh bạn thi sĩ còn đang ngơ ngẩn ngắm những “nàng thơ” trên phố, tôi đi bộ lòng vòng về quảng trường trung tâm Piazza del Duomo với những đàn chim câu rợp trời níu chân du khách.

Nổi bật trên quảng trường này là nhà thờ Duomo di Milano, một kiệt tác kiến trúc và nghệ thuật có thể chứa đến 40.000 người. Đây là nhà thờ lớn thứ tư ở châu Âu chỉ sau thánh đường St Peter ở Vatican, Saint Paul ở Anh và nhà thờ Seville của Tây Ban Nha. Thánh đường này cao 157m, kiến trúc theo kiểu Gothic được bắt đầu xây dựng từ năm 1386 và phải tới năm 1965, chiếc cổng cuối cùng dẫn vào thánh đường mới được dựng lên. Mất tới hơn 500 năm để hoàn thành kiệt tác kiến trúc này, những người thợ Ý tài hoa đã khắc họa những chi tiết điêu khắc tuyệt mỹ tạo thành một “tác phẩm thi ca bằng cẩm thạch” như lời ngợi khen của nhà văn nổi tiếng Mark Twain.

Dưới mái vòm của Piazza del Duomo vẫn còn hình chú heo rừng, loài vật được coi là biểu tượng của Milan. Theo truyền thuyết, người Celtic, những cư dân đầu tiên của thành phố xem heo đực là con vật thần thoại đã chỉ đường dẫn lối cho họ đến

đây làm ăn sinh sống. Trên đỉnh chóp của nhà thờ là bức tượng đồng của Đức mẹ đồng trinh Maria được đặt vào năm 1774 và ngày nay trở thành hình ảnh quen thuộc của Milan.

Milan cũng là thánh đường của những người say mê hội họa, đặc biệt là những ai yêu thích các tác phẩm của danh họa Leonardo Da Vinci. Da Vinci đã có nhiều thời gian sống và làm việc ở thành phố này. Ông có nhà riêng ở Porta Orientale trong quận Santa Babila. Tài sản quý giá nhất mà họa sĩ lừng danh này trao tặng cho thành phố có lẽ là kiệt tác “Bữa tiệc cuối cùng” (The Last Supper) - bức tranh tường mô tả cảnh bữa ăn cuối của Chúa Giêsu với các tông đồ, hiện còn được lưu giữ tại tu viện Santa Maria delle Grazie. Đây được coi là bức tranh tôn giáo được sao chép nhiều nhất của mọi thời đại.

Chia tay với Duomo và tu viện Santa Maria delle Grazie, tôi hẹn anh bạn nhà thơ tới nhà hát Teatro alla Scala hay còn được gọi tắt là La Scala, một trong những nhà hát opera hàng đầu trên thế giới. Theo truyền thống, mùa biểu diễn của La Scala thường được bắt đầu vào ngày 7 tháng 12 hằng năm - Ngày Thánh Ambrose, vị thánh bảo trợ của Milan. Tất cả các buổi biểu diễn trong ngày ra mắt này đều phải kết thúc trước nửa đêm và vì thế những vở opera dài có khi được bắt đầu diễn từ thời điểm rất sớm trong ngày.

Tôi đến với La Scala vì từng có thời gian dài say mê thứ âm nhạc vừa dữ dội, vừa da diết của Verdi và Puccini. Nhà hát này chính là nơi công diễn hàng loạt tác phẩm opera lừng danh của hai nhà soạn nhạc này như vở “Otello” vào năm 1887, vở “Edgar” (1889) và “Madama Butterfly” của Puccini (1904).

Milan là điểm dừng chân đầu tiên của tôi trên hành trình chinh phục nước Ý, cũng là điểm dừng chân cuối cùng trước khi tôi lên tàu ngược về Thụy Sĩ, qua Pháp rồi về đến Anh. Những ngày hè dài nóng nực của nước Ý rồi cũng dần trôi. Ngày tôi rời Milan, trời chuyển sang dịu mát. Trên những chuyến tàu dài, tôi vẫn còn thấy thấp thoáng bóng những con phố bận rộn, những cô gái Ý trẻ xinh tươi trong những bộ váy

mùa hè rực rỡ sắc màu, tháp thoáng nhà thờ Milan và tu viện cổ, vọng về những lời hát say sưa của Verdi... Những ngày rất Ý đã qua nhưng tôi biết rằng với tôi tình yêu nước Ý sẽ còn đọng lại.

Tiểu kết:

Một ngày giữa tháng 6, Milan đông đúc và ngọt ngào, tôi thần tha ở góc ngã tư cạnh Galleria Victor Emmanuel II, chờ đợi buổi chiều hè nóng nực của nước Ý trôi qua một cách lười biếng và nhàn hạ. Trên phố, dân tình tấp nập trong cơn mua sắm điên cuồng cuối mùa sale. Toàn bộ ma-nơ-canh trong các cửa hàng đeo một tấm biển duy nhất “Saldi”. Ở một quán bar gần đó, người ta ồn ào trò chuyện giữa tiếng guitar rất ngọt của một nghệ sĩ không chuyên.

Giữa đám người cười nói ấy, tách biệt một cô gái đứng lạc lõng hút thuốc, ngửa mặt thả khói bay lên trời. Đôi mắt buồn lơ đãng.


Tôi không hút thuốc. Cũng không có ý định lãng mạn hóa hình ảnh phụ nữ hút thuốc. Nhưng hình ảnh cô gái cạnh tấm biển có chữ taxi đỏ rực ấy tôi chưa khi nào quên.

Sau này, có dịp đi qua nhiều vùng của nước Ý, tôi có dịp gặp lại dáng hình ấy nhiều lần: Trên một quảng trường nhỏ ở Verona, một bức họa trên vách tường Assisi, bên cửa sổ ở Siena, bậc cầu thang một ngôi nhà nhỏ ở Rome.

Ý để lại ấn tượng trong tôi là mảnh đất rất con gái! Và có một giây phút nào đó trong cuộc đời, bạn và tôi, cũng giống như cô gái ấy, “tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì”!

Lòng ngỡ như nắng qua đèo!

Những ngôi làng cổ tích vùng Cinque Terre

 a năm trước tôi nhận được một bưu thiếp in hình những ngôi nhà rực rỡ sắc màu cheo leo trên vách đá gửi từ miền Bắc nước Ý. Phía sau là nét bút quen thuộc: “Gửi em từ Riomaggiore, một ngôi làng nhỏ ở Cinque Terre. Nơi này đẹp như một giấc mơ, rồi em sẽ thích nó”.

Vậy đấy, có những chuyến đi của bạn bắt nguồn đơn giản từ một tấm bưu thiếp. Một sớm mai cầm chiếc vé tàu trong tay, máy ảnh quàng qua cổ, gửi một tin nhắn vu vơ: “Em đang trong những ngày rong ruổi trên đất Ý”, thế là lên đường, thấy lòng mình nhẹ tênh. Tuổi trẻ hào hứng và bông bột, chỉ cần tích lũy những chuyến đi làm thứ tài sản có giá trị duy nhất cho mình!

Nước Ý là một xứ kỳ lạ! Tôi vẫn luôn cho là như thế. Tôi yêu nơi này bởi những công trình kiến trúc đồ sộ, những pho tượng được chạm khắc tỉ mỉ, những pháo đài nghìn năm nhưng vùng đất Ý nhất với tôi lại là ở những nơi mà vẻ đẹp đến từ những điều tự nhiên, từ đám cây dại mọc theo sườn đồi, từ giỏ hoa treo hững hờ bên cửa sổ, từ dây quần áo chằng pháp phới trên ban công, những ngôi nhà lô xô bên sườn núi, cửa hàng sơn màu lộn xộn, tiếng cười nói ríu ran trên quảng trường, dăm con thuyền chòng chành neo trên bến... Cinque Terre là nơi tiêu biểu cho vẻ đẹp Ý như thế. Và vì vậy mà người ta dễ yêu cái xứ này như phải lòng một người con gái từ cái nhìn đầu tiên.

Nằm trên bờ biển Riviera thơ mộng, Cinque Terre là cái tên được người dân địa phương đặt từ thế kỷ XV, dịch theo tiếng Italy nghĩa là “năm vùng đất”, bởi nơi đây có năm ngôi làng xinh đẹp gồm: Monterosso, Vernazza, Corniglia, Manarola và Riomaggiore. Năm ngôi làng với hàng trăm ngôi nhà nhỏ nằm chênh vênh trên núi. Đi lại giữa các làng có thể sử dụng tuyến

đường sắt địa phương, phà hoặc đi bộ trên những con đường mòn tuyệt đẹp quanh co men theo vách núi.

Cách dễ nhất để khám phá Cinque Terre là cuộc bộ theo con đường mòn Sentiero Azzurro ngoạn ngoạn nổi từ Riomaggiore tới Monterosso để được thỏa sức ngắm nhìn các ngôi làng từ trên cao khi chênh vênh giữa một bên là núi, một bên là biển. Dọc con đường này, qua nhiều thế kỷ, người ta đã xây dựng những thửa ruộng bậc thang để trồng nho và ô liu, giờ đây, chúng tạo thành những cảnh quan độc đáo.

Từ bao đời nay, người dân nơi đây đã vui với cuộc sống chài lưới và nghề sản xuất rượu vang. Chính họ đã làm ra sản phẩm rượu Sciacchetrà ngọt ngào. Ngày nay, khi du khách đổ về ngày một đông hơn, những quán cafe, khách sạn nhỏ, nhà hàng cũng xuất hiện ngày một nhiều hơn... nhưng không vì thế mà nơi này đánh mất vẻ hoang sơ và cổ kính của mình.

Một ngày mới ở Riomaggiore bắt đầu với nhịp sống thật chậm. Những người phục vụ uể oải kéo bàn ra trước hiên một quán cafe, tụi trẻ con í ới trên đùa nhau trên phố nhỏ, vài cụ già lững thững đi dạo đầy nhàn tản.

Tôi men theo con đường nhỏ dẫn thẳng ra bến cảng và dừng chân trên một mỏm đá hướng ra biển. Gió từ ngoài khơi Địa Trung Hải thổi vào ve vuốt. Vài chú hải âu sải cánh bay là là trên mặt nước rồi đậu trên ghềnh đá. Từ góc này có thể ngắm nhìn toàn bộ ngôi làng trên núi. Nhà cửa ở đây đều xây theo hình ống, nhà sau chồng cao hơn nhà trước để cửa sổ luôn hướng ra biển, mỗi ngôi nhà đều được sơn màu khác nhau từ hồng, cam tới đỏ; mới nhìn qua tưởng như lộn xộn mà tổng thể chúng duyên dáng tới lạ kỳ.

Vẻ đẹp của Riomaggiore nằm ở những chi tiết nhỏ: những con thuyền du lịch màu sắc sặc sỡ được chằng dây níu vào bờ đá, trông xa cứ như một tác phẩm sắp đặt, đôi bức tranh đã cũ bên ngoài một cửa hàng, tấm poster điện ảnh tình cờ dán trên lan can, và hoa, cơ man nào là hoa, hoa mọc trong chậu, hoa

treo trước cửa nhà, hoa tràn trên tường, hoa rủ xuống từ ban công.

Tôi dừng lại ở Riomaggiore không lâu rồi lại bắt đầu di chuyển sang ngôi làng Manarola qua con đường nổi tiếng La Via dell'Amore. Con đường thơ mộng này dài chừng 1km chạy dọc theo sườn núi ven biển. Những người dân ở đây kể lại rằng trước kia Cinque Terre tương đối biệt lập và vì thế thanh niên trong vùng hiếm khi kết hôn với người ở nơi khác cho tới khi những tuyến đường đất đầu tiên xuất hiện. Tới đầu thế kỷ XX, trong quá trình hiện đại hóa tuyến xe lửa Genoa - La Spezia, những người công nhân đã làm một con đường mòn nối liền Riomaggiore và Manarola để thuận tiện cho việc xây dựng một đường hầm. Con đường mòn này trở thành nơi gặp gỡ, hẹn hò của các đôi nam nữ yêu nhau từ hai làng và do vậy được đặt tên là Đường Tình Yêu. Ngày nay, rất nhiều những đôi tình nhân vẫn còn cùng nhau khóa những ổ khóa ở đây rồi vút chía xuống biển.

Ở Manarola có những vịnh nước nhỏ trong veo ăn sâu trong lòng núi, nơi người dân địa phương và du khách có thể sưởi nắng và tắm biển trong làn nước êm đềm. Tôi đã đi qua nhiều thành phố biển khác nhau nhưng màu biển Địa Trung Hải của xứ này, cái màu xanh biếc của trời mây non nước hùng vĩ hòa cùng sóng biển dưới chân làm tôi không thôi mê mẩn.

Nằm giữa Cinque Terre là Corniglia, ngôi làng duy nhất không nằm gần mép biển, nhỏ hơn và cũng yên tĩnh hơn. Từ ga tàu Corniglia phải trèo 365 bậc để lên tới làng nằm trên đỉnh đồi, mỗi bậc tượng trưng cho một ngày trong năm. Con đường đá đi qua những vườn chanh, ruộng nho, những vườn rau và hoa đủ loại, thoang thoảng mùi hương trong mát. Còn Vernazza và Monterosso Al Mare là hai ngôi làng cuối cùng ở phía Bắc. Nếu như Corniglia là nơi tuyệt vời nhất để ngắm Cinque Terre từ trên cao thì Monterosso là ngôi làng lớn nhất với bãi biển dài, cát trắng mịn giống như một thành phố nghỉ dưỡng nhỏ với rất đông khách sạn, nhà hàng và các cửa hàng bán đồ lưu niệm.

Trời ngả về chiều cũng là lúc tôi phải nói lời chia tay với vùng Riviera của nước Ý, lên tàu về lại Milan.

Với những ngôi làng nằm cheo leo trên núi, giữa menh mông sóng nước và màu xanh đậm thắm của trời biển, Cinque Terre đem đến cho người ta cái cảm giác vừa bình yên, vừa phóng khoáng để những ai từng đến đây một lần đều nhớ mãi. Từng ngôi làng lướt qua cửa sổ toa tàu đang lao đi vun vút nhưng chúng mãi lưu lại êm đềm trong tâm trí tôi như ký ức ngọt ngào của một giấc mơ cổ tích “1, 2, 3, 4, 5 Cinque Terre, Cinque Terre”.

London - Ký ức những ngày xuân hạ thu đông

(Trích những bức thư gửi từ bờ Bắc sông Thames)

Tôi sinh ra ở làng quê. Rồi một ngày tôi rời cái làng nhỏ xíu của mình ở ngoại thành Hà Nội và chuyển tới một ngôi làng toàn cầu, to và rộng hơn có tên là London.

Trong những năm qua London đã thành nơi tôi sống và viết với tất cả yêu thương, nhiệt huyết và ước mơ của tuổi trẻ. Bài viết này là những trích đoạn ngắn trong những lá thư tôi gửi cho người yêu, cho bạn bè và cho chính mình để mong lưu giữ những ký ức đẹp về London khỏi trôi theo gió mây ngàn.

Tháng Ba - mùa xuân đầu tiên



ôi đang viết cho bạn từ bờ Bắc sông Thames, để tôi kể cho bạn nghe mùa xuân xứ này có gì lạ.

Mùa xuân nước Anh đến thật khế, từ khi những bông hoa chuông tuyết bắt đầu nhú ra khỏi mặt đất còn lốm chớm tuyết những ngày tháng giêng trên đồi Hampstead, đến tháng hai lác đác những bông hoa anh thảo. Rồi dường như chỉ trong nháy mắt tới những tuần cuối tháng ba, hoa anh đào đã nở trắng trên đường tôi đi học, và thủy tiên vàng rực khắp ven hồ công viên St James's Park. Đợi một chút thôi nhé sẽ thấy bạt ngàn hoa chuông xanh, hoa cúc bờ, hoa bồ công anh vàng óng ả. Trong rừng, lũ sóc bắt đầu nhảy múa trên những cây sồi già. Và dòng sông mùa xuân miệt mài chảy!

Ở xứ lạnh, mùa xuân đến thường làm con người cởi mở và thân thiện hơn. Không còn thấy nhiều khuôn mặt lạnh lùng, cau có và những dáng người co ro trong chiếc áo dạ sù sụ của mùa đông nữa. Những nếp nhăn trên mặt giãn ra, ánh mắt hồ hởi và

lấp lánh. Những quán cafe ngoài trời bắt đầu đông khách. Trong quán rượu Wilmington Arms gần bến Angel, người ta vui vẻ hỏi nhau về kết quả của trận bóng ngày Chủ nhật.

Tôi sẽ không bao giờ quên được buổi chiều này, ngồi nhâm nhi một cốc café nóng trong quán Gallipoli trên phố Upper Street, thấy mùa xuân tràn ngập trong lòng. Tôi cũng sẽ không quên những ngày mùa xuân lặn lội đi hái nấm ở rừng Epping phía Đông thành phố hay một buổi chiều gió thổi se se nhân ngày lễ Phục sinh bắt tàu xuôi về phía Tây tới vườn bách thảo Kewes ngắm hoa chuông xanh. Dưới những tán sồi cổ thụ, khắp mặt đất ngút ngàn một thảm hoa chuông mơ màng, để rồi khi về nhà vẫn thấy biêng biếc cả những giấc mơ.

Tháng Sáu ngày mưa

Chiều mùa hè trời London đột ngột đổ mưa, cũng may chỉ mưa có chút xíu rồi tạnh. Sau cơn giông, trời quang và hơi hừng nắng. Gần nhà thờ St Paul's vừa mới xuất hiện một chiếc đàn piano rất sặc sỡ, tôi đoán là một dự án nghệ thuật đường phố mới có tên "Street Pianos". Tôi đứng lại nghe họ đàn một lúc, một cô gái giọng trong veo hát "Part of your world", rồi đi vòng lên cầu Millenium. Cây cầu này còn có tên gọi đáng yêu khác là "Wobbly Bridge" được xây dựng vào năm 2000 để nối liền thánh đường Saint Paul cổ kính bên bờ Bắc và bảo tàng nghệ thuật hiện đại Tate Modern ở bờ Nam; "Wobbly Bridge" thường được ví như một sợi dây nối liền quá khứ và hiện tại của London.

Tôi không nhớ là trong những năm qua, tôi đã đi dạo trên con đường ven sông này bao nhiêu lần, mà lần nào cũng thấy rất cảm xúc. Khi đi xa, tôi có viết tôi nhớ London, cũng là nhớ cái góc nhỏ này với con sông đục ngầu màu đất. Cuối ngày, mây dồn ứ về trên mái vòm nhà thờ, phía xa rơi rớt một ráng chiều tím lịm. Tôi trốn vào bảo tàng Tate xem tranh Picasso rồi lên quán café trên tầng bảy nơi có thể ngắm nhà thờ St Paul và quang cảnh phía bờ Bắc London qua cửa kính. Ngoài kia, dòng Thames trôi mờ như một ảo ảnh.

Tháng Mười - bình minh đầy sương

Mùa thu thứ ba ở London, tôi đã thấy quen thuộc với những góc phố dịu dàng, những nếp nhà nhỏ xinh với những lẵng hoa treo quynh rũ, những khu vườn ngập tràn hoa hồng nước Anh, con sông êm đềm chảy, hàng cây đến mùa thay lá và những tháp chuông kiêu hãnh trên vòm trời xanh thẳm.

Sớm mùa thu, tôi dậy từ năm rưỡi sáng bắt chuyến tàu đầu tiên trong ngày đi đón mặt trời. Ra khỏi nhà, trời vẫn tối đen như mực, sương thu ướt những con đường ngập lá.

Khi đến sông Thames, trời bắt đầu xanh hơn. Màn đêm lui dần và bình minh từ từ hé rạng. Tôi đứng trên cầu Golden Jubilee đợi mặt trời lên, ngắm những chú chim hải âu bay lướt trên mặt nước tĩnh lặng. Phía xa tháp chuông Big Ben chìm trong sương và nắng, đẹp huyền ảo như trong cổ tích. Trên cầu Waterloo, những chiếc xe bus đỏ hai tầng nối đuôi nhau chạy vào thành phố trong khi đoàn kị binh với mũ áo chỉnh tề đang nhịp bước trên cầu Westminster hướng về phía Whitehall.

Tôi vẫn vương nhớ lại Ella Fitzgerald đã da diết hát về London một ngày đầy sương,

“A foggy day in London Town

Had me low and had me down

I viewed the morning with alarm

The British Museum had lost its charm

How long, I wondered, could this thing last?

But the age of miracles hadn't passed,

For, suddenly, I saw you there

And through foggy London Town

The sun was shining everywhere”.

Một ngày mù sương ảnh thành phố London

Khiến em man mác, khiến em u buồn

Buổi sáng ấy em ngắm nhìn trong thốn thức

Bảo tàng anh chẳng còn nét yêu kiều

Sẽ kéo dài bao lâu, em muốn biết

Những ngày kỷ niệm vẫn chưa khép lại đâu

Vì đột nhiên, em thấy người nơi đó

Và qua lớp sương mù phủ kín London

Em thấy một vầng dương rực rỡ, đang chiếu rọi khắp muôn nơi.

Tháng Mười hai - mùa đông ấm

London bắt đầu lạnh rồi, ngoài phố thấy dân tình choàng lên áo khoác, rồi khăn, rồi mũ; ai cũng lạnh lùng và vội vã. Ở London đôi khi thấy những ngày mùa đông u ám thật dài. Nhưng mùa đông cũng là mùa lễ hội, vào tháng Mười hai, chợ Giáng sinh bắt đầu mở trải dài dọc theo South Bank. Cả khu chợ lấp lánh sắc màu, rộn ràng tiếng cười nói, phảng phất trong không khí là mùi thơm của bánh quy nướng, của rượu vang nóng nồng nàn quế và hồi. Tôi yêu không khí tưng bừng của đêm giao thừa ở London tay trong tay với người mình yêu trên quảng trường Trafalgar, đợi thời khắc thiêng liêng nhất trong năm, ngắm pháo hoa bùng lên trên nền nhạc hùng tráng của bản Chariots of Fire.

Mùa đông này là mùa đông thứ tư của tôi ở xứ lạnh này, nơi nhiều mưa ít nắng. Trong những mùa qua, tôi đã miệt mài khám phá những góc nhỏ bí ẩn mà quyến rũ của thành phố. Từ làng Crouch End thì vị ở phía Bắc cho tới khu Forest Hill xinh đẹp ở phía Nam với bảo tàng động vật kỳ thú Horniman ít người biết tới, từ vùng Hampton Court thơ mộng ở phía Tây với lâu đài Hampton Court Palace tráng lệ gắn liền cùng cuộc đời đầy biến động của Vua Henry thứ VIII, cho tới ngôi làng Rotherhithe cổ kính ở phía Đông với quán Mayflower - quán rượu cổ nhất trên dòng Thames nơi khi xưa thuyền trưởng Christopher Jones bắt đầu chuyến viễn du tới Tân Thế giới.

Tôi đã say mê tìm hiểu London như cách người ta tìm hiểu người mình yêu. Từ những buổi ban mai sương lạnh mỏng manh như khói dạo bước trên vạt cỏ băng giá trong công viên Richmond tới những lần đạp xe qua cầu Tower Bridge giữa màn đêm huyền bí như nhung, cứ ngỡ như đang đặt chân vào một lâu đài cổ kính.

Từ những ngày mùa xuân xanh mơn man bên hồ Serpentine tới những ngày mùa thu vàng óng trên đồi Primrose. Từ buổi chiều mùa hè đi xem kịch “Hamlet” ở nhà hát Shakespeare’s Globe cho tới một ngày đông lạnh giá viếng thăm nghĩa địa Highgate, nơi có ngôi mộ Karl Marx im lìm trong sự yên tĩnh tựa như ngàn đời.

Ngày hôm nay tôi đang ngồi viết những dòng này trong căn phòng nhỏ bé của mình nhìn ra sông Thames êm đềm, con sông “được yêu nhất trong số những đứa con của đại dương”. Để một mai giữa những thành phố lạ, nhắm mắt lại tôi thấy mình đang trên cầu Westminster. Gió. Và ngoài xa bóng chiều đang lặn xuống trên dòng Thames lặng ngắt!

Ngoài kia mùa xuân đang đi ngang cửa!

Lặng lẽ mùa đông Edinburgh



ó những thành phố khiến ta yêu ngay từ cái nhìn đầu tiên. Với tôi, Edinburgh là một nơi như thế!

Bước ra khỏi ga Waverly, thấy trước mắt sừng sững tượng đài Walter Scott cổ kính, xa xa trên đỉnh đồi, lâu đài Edinburgh kỳ vĩ theo năm tháng, những mệt mỏi của một chuyến tàu dài tan biến đi mất, tôi để bản thân lặng lẽ hòa mình trong sự yên bình của thành phố phương Bắc này. Edinburgh. Mùa đông. Gió. Tuyết. Lâu đài. Sự mịn màng trên những chiếc áo len cashmere. Màu kẻ ô xanh trên những chiếc váy caro. Điệu kèn túi văng vẳng. Và những tháp chuông nhà thờ cao vút tạc trên nền trời xám. Có lẽ nào tôi không yêu cho được?

Không ồn ào lộng lẫy, không khoa trương cầu kỳ, Edinburgh cuộn mình trong vẻ đẹp thâm trầm của quá khứ. Những phiến đá trầm ngâm nhuộm màu thời gian nhắc tôi biết rằng đây không phải một thành phố trẻ. Trong phút chốc, tôi có cảm giác như mình đang trên tàu trở về những thời xa xăm nào ở một thị trấn xưa lắm. Edinburgh tôi đến hôm nay có lẽ không khác gì lắm với Edinburgh thế kỷ XIX trong những tiểu thuyết của Scott hay Edinburgh những năm 1776 khi nhà kinh tế học mà tôi yêu thích Adam Smith viết cuốn “Của cải của các quốc gia”.

Như muôn vàn các thành phố khác ở châu Âu, khu trung tâm lịch sử của Edinburgh được chia làm hai bởi khu vườn Princes Street. Nhìn về hướng Nam là lâu đài Edinburgh cùng với khu phố cổ (Old Town) kéo dài xuống cung điện Holyrood. Nhìn về phía Bắc là phố Princes và khu phố Mới (New Town) được thiết kế từ năm 1766 bởi một kiến trúc sư trẻ James Craig khi ấy mới 27 tuổi.

Nếu như khu phố Mới có đặc trưng là những tòa nhà mang kiến trúc Georgian với khung cửa sổ cao thanh thoát thì khu

phố cổ được ví như hình xương cá nhờ con đường Royal Mile nằm ở chính giữa, tỏa ra hai bên sườn là những ngách rộng chỉ vài *feet* ^{1*}, dẫn vào những ngôi nhà nhỏ thoai thoải trên sườn đồi. Trên đỉnh đồi tọa lạc cung điện Edinburgh uy nghi, được xây dựng trên một ngọn núi lửa đã không còn hoạt động từ hàng trăm năm trước. Nơi chứng kiến sự thăng trầm của biết bao bậc quân vương trong các chương về lịch sử Scotland từ thời Trung Cổ đến hiện đại từng có lúc được biến thành nhà tù trong cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất rồi ngày nay trở thành điểm hút khách du lịch số một của xứ này.

1 1feet bằng 0,3048m.*

Bước xuống từ lâu đài, tôi lạc bước giữa những ngõ nhỏ vòng vèo của Edinburgh, để mình rẽ tình cờ vào những quết, những ngách, những hẻm, mỗi nơi lại mở ra một khung cảnh đầy màu sắc điện ảnh: vài ngôi nhà im lìm như thêm thiếp ngủ, những viên gạch cũ kỹ lặng im không nói, dăm khóm hoa trước hiên nhà trơ trụi, sương tím lại trong góc chiều mùa đông xám xịt. Mùa đông trầm lắng và u hoài xứ này khiến người ta có cảm giác muốn cuộn mình hơn bao giờ hết. Trên phố, những nhóm du khách vội vàng kéo nhau vào một quán pub nhỏ tránh cái giá lạnh cuối ngày, vài khách bộ hành vội vã tới bến xe bus. Gió lạnh thêm, con đường vắng hơn dưới ngọn đèn vàng vọt và ánh trăng yếu ớt.

Có một giây phút nào đó trong cuộc đời, bạn cảm giác như được trên cỗ máy thời gian trở về quá khứ không? Tôi nghĩ rằng trong buổi tối hôm đó, tôi đã có cảm giác sống trong hoài niệm như thế. Cứ như thể chỉ đâu đó thôi, có thể tôi đã nghe tiếng xe ngựa chạy lộc cộc trên con đường đá gập ghềnh và từ đó bước ra một Robert Burns, một *John Adams* ^{2*}, hay có lẽ nào ngài *William Bruce* ^{3*} đang mỉm cười với tôi từ trong cung điện Holyrood?

*2*John Adams (1721 – 1792): kiến trúc sư Scotland. Robert Burns (1759-1796): Thi hào người Scotland.*

3 William Bruce (1630-1710): Kiến trúc sư người Scotland, người sáng lập ra phong cách kiến trúc cổ điển ở Scotland, là người thực hiện việc tái thiết cung điện Holyrood*

vào những năm 1670.

Trong những tour quảng cáo về Edinburgh, người ta thường nhắc nhiều tới ba chữ “castle, tartan haggis”. Castle là để chỉ lâu đài hoành tráng xứ này; tartan là những chiếc khăn kẻ đặc trưng của Scotland bày bán đầy trong các cửa hàng lưu niệm; còn món haggis truyền thống được làm từ nội tạng cừu nhồi cùng hành tây, bột yến mạch và các loại gia vị, được coi là món ăn “quốc hồn quốc túy” của dân vùng phía Bắc.

Tôi yêu thích tất cả những thứ ấy ở Edinburgh, nhưng nếu được chọn, tôi sẽ nói về tình yêu của mình với nhịp sống chậm rãi trên những con đường đá cổ kính và mùi vị trầm ngâm của quá khứ hiện diện trên từng góc phố, ngôi nhà của thành phố này. Trên những con ngõ lát đá xám, những ban công sắt đã rỉ màu, vài ba chiếc cốc vintage được sắp đặt ngẫu nhiên trên cửa sổ một nhà ven đường.

Hôm nay giữa xe cộ ngược xuôi của một thành phố xa lạ và đông đúc, tôi nhớ quay quắt những giây phút một mình ở Edinburgh. “Khi không còn chỗ cho sự cô đơn, thành phố không còn chỗ cho tôi nữa”. Tôi nhớ sự cô đơn của mình như nhớ những phút giây lang thang ở Edinburgh trong những ngày mùa đông, khi sự bình yên từ từ xâm chiếm lấy tôi giống như khi đã ngấm những ngụm whiskey nồng vị khói.

Trong giấc mơ, tôi thấy mình lặng lẽ đi trên con đường Royal Mile cổ kính dẫn từ lâu đài Edinburgh rẽ qua bao nhiêu ngõ hẻm để lên đồi Calton tuyết trắng mênh mông. Buổi sáng trên đồi, tuyết lạnh còn đọng từng vạt, những tượng đài sừng sững như nhắc nhở con người về vĩ nhân và dấu ấn thời gian. Dưới chân tôi, những vạt hoa dại cứng cỏi vươn mình trong tuyết, đầu cành nở nụ vàng óng ả, cuộn mình trong những giọt sương mai đã đóng băng. Đôi khi có những vẻ đẹp giản dị mà thường ngày mình cứ vội vã mà quên mất. Hạnh phúc với tôi lúc bấy giờ là hít thở bầu không khí trong lành của ban mai trên đồi Calton và ngấm nhìn những bông hoa bé xinh đang vươn mình giữa sương tuyết trong tiếng nhạc bay bổng của Norah Jones.

“Come away with me and we’ll kiss

On a mountaintop

Come away with me

And I’ll never stop loving you”.


Hãy đi với em và mình sẽ hôn nhau

Trên đỉnh đồi

Đi với em

Và em sẽ không ngừng yêu anh.

Pangbourne - ngôi làng mộng mơ

ức thư đầu tiên của Andy, một người bạn cũ đến với tôi ngày hôm qua, được viết vội giữa những cuộc phiêu lưu của anh: “Tôi viết cho em từ một xó nhỏ trên trái đất, một nơi nào đó ở gần cực Nam châu Mỹ, sáng nay tôi có thể ngắm một dòng sông băng chảy qua, còn tuần trước, chúng tôi đã ở một thị trấn nhỏ xinh đẹp của Argentine có cái tên thật kỳ quặc - Ushuaia. Người ta còn gọi nó là ‘nơi tận cùng của thế giới’. Tôi nhớ tới em và thế giới yên ả ở Pangbourne”.

Tôi không còn ở Pangbourne nữa nhưng tấm postcard của Andy khiến cho tôi nhớ ngôi làng nhỏ vùng Đông Nam nước Anh này hơn bao giờ hết.

Tôi biết rằng Pangbourne không phải một cái tên phổ biến trên bản đồ du lịch thế giới, càng không gọi ra những điều gì đó cuốn hút như Ushuaia hay muôn vàn những địa danh bí ẩn khác ở châu Mỹ xa xôi, nhưng là nơi cho tôi cảm giác thanh bình hiếm có sau những chuyến đi xa.

Lần đầu tiên tôi đến Pangbourne là khi tình cờ nghỉ lại đây trên những hành trình khám phá sông Thames từ hạ nguồn Greenwich, phía Đông London nơi con sông xuôi dòng đổ ra biển, ngược lên phía Tây vùng gần Kemble, quận Gloucestershire. Tôi dừng chân ở đây, yêu mảnh đất này, tiếp tục trở lại và sau đó có may mắn sống ở đây một thời gian đủ dài để đi xa thấy nhớ.

Điều ngạc nhiên hơn cả là tôi nhớ nơi này với cảm giác như nhớ nhà. Nhớ con đường đi dạo bên bờ sông, những chiếc ghế gỗ, bãi cỏ hay picnic cùng bạn bè, cây cầu Whitchurch thường đi xe đạp qua, nhớ những ngày chớm thu ngắm cây lá bắt đầu chuyển màu trong công viên Beale Park, nhớ nỗi buồn mùa đông, nhớ nhà thờ St James the Less, quán rượu Con Thiên

Nga, những buổi tối ẩm cúng nhâm nhi một ly rượu vang với cá nướng trong lò, khoai tây chiên, đậu hầm, và sốt tartare.

Pangbourne sở hữu tất cả những vẻ đẹp hiền hòa và duyên dáng mà người ta có thể tìm thấy ở vùng đồng quê phía Nam nước Anh với những ngôi nhà lợp mái rạ dày đen bóng, dòng sông xanh thẳm chảy hiền hòa và hàng liễu trầm ngâm soi bóng xuống mặt gương lấp lánh.

Nơi đây còn lưu giữ cây cầu nổi tiếng Whitchurch nối liền giữa Pangbourne và làng Whitchurch-on-Thames. Cây cầu sắt sơn trắng thanh tú này có nguồn gốc từ năm 1792. Nó là một trong hai cây cầu duy nhất ở nước Anh nơi mỗi lần lái xe qua, bạn phải trả 40 pence tiền phí. Người dân ở đây không thấy phiền hà với việc này, mà trái lại, còn vui vẻ nộp tiền vì họ muốn góp phần bảo tồn và lưu giữ cây cầu độc đáo này.

Nằm cuộn mình bên dòng Thames, Pangbourne này là nguồn cảm hứng cho nhiều nghệ sĩ trong đó có Kenneth Grahame, tác giả của “Gió qua rừng liễu”. Ông sống ở đây nhiều năm trong một ngôi nhà có tên Church Cottage. Câu chuyện thấm đẫm hương vị đồng quê của ông bắt nguồn từ những năm tháng gắn bó với mảnh đất bên bờ sông Thames và có dịp quan sát tinh tế cuộc sống đa dạng của những cư dân và thiên nhiên sông nước nơi này từ chuột nước, lũ chồn, rái cá, chim hoàng yến cho tới rừng liễu và đập nước.

Tôi đã từng say mê những nhân vật thân thuộc của “Gió qua rừng liễu” như Chuột Chũi, bác Lửng, Chuột Nước cùng ngài Cóc từ thuở nhỏ và bây giờ khi ở Pangbourne, tôi nhận thấy những người bạn ấy đang ở gần mình hơn bao giờ hết. Tôi yêu con đường nhỏ nằm sát bên mép nước, rẽ từ phía sau nhà thờ St James the Less, nơi mỗi buổi chiều sau khi viết xong một thứ gì đó, tôi thường dành hàng giờ đi dạo. Dòng Thames ở đây dịu dàng và hiền hậu, soi bóng những rừng liễu mùa hạ ra lá xanh um. Thật khó tưởng tượng được rằng dòng sông nhỏ, mềm mại này cũng chính là con sông rộng và đục ngầu màu đất phía hạ lưu London. Trời càng về chiều càng vắng. Không hiểu sao, tôi

cứ tin rằng hẳn Grahame cũng đã đi trên con đường này nhiều lần để tìm nguồn tài liệu sống cho những trang sách của mình.

Con đường trở nên thân thuộc với tôi hơn mỗi ngày. Thậm chí tôi đã quen với việc phải tinh mắt để tránh không giẫm phải những cây tầm gai vốn mọc nhiều trên những triền cỏ bên sông, và nếu lỡ chạm phải, cũng biết cách tìm lá cây chút chút để xoa cho khỏi ngứa. Tôi lặng lẽ ngắm nhìn những rặng cây xanh mướt mát, lắng nghe lũ vịt trời và thiên nga quạt nước lười biếng trên sông, bình thản như thể không gì ngăn nổi chúng thưởng thức một buổi hoàng hôn êm ả. Và có thể nếu tôi chăm chú nhìn một chút thôi, thì sẽ thấy phía sau rặng cây kia là lâu đài nguy nga của ngài Cóc, có tiếng ô tô bíp bíp vọng lại, Chuột Nước đang say mê chèo thuyền trên sông và đi xa một chút nữa thôi là có thể tôi sẽ lạc vào Rừng Hoang và sẽ gõ cửa hỏi thăm nhà bác Lửng.


Cuộc sống ở Pangbourne diễn ra đều đặn và yên ả như trong cổ tích khiến cho ký ức về những ngày sôi động ở London mờ dần. Tôi hạnh phúc sống giữa những ngày hè thanh bình của Pangbourne, cảm nhận cái im lìm, tĩnh mịch từ bao đời giữa những đêm dát đầy trăng, ngắm nhìn những hàng cây xanh rì, một cơn gió nhẹ, bầu trời khoáng đạt và đón nhận thứ hương trong lành, dịu dịu, mát mẻ của trời đất.

Nhưng rồi, chuyện cổ tích nào cũng kết thúc. Sau những tháng mùa hè, tôi phải trở lại với công việc bận rộn của mình ở thành thị, tạm biệt Pangbourne và dòng sông hiền hòa. Từ trên cầu Whitchurch, tôi phóng tầm mắt xuôi về hướng Tây, ngắm nhìn con sông vẫn miệt mài chảy, để ngày mai hòa vào biển lớn.

“Giống như dòng Thames, cuộc đời mỗi người cũng như một dòng sông, luôn vượt qua mọi thác ghềnh để vươn ra biển lớn của tình yêu”. Tôi đã viết cho Andy như thế: “Hẹn khi nào anh về lại Pangbourne, chúng ta sẽ cùng nhau đi dạo dọc bờ sông Thames, sưởi nắng trong công viên Beale, uống bia tươi ở Swan và xem phim, những hạnh phúc giản dị thường ngày

trước khi anh hoặc em, chúng mình lại bắt đầu những cuộc
phiêu lưu mới”.

Castleton - trên trời, tuyết vẫn mãi miết bay!

 Trong phòng tôi có treo một tấm bản đồ nước Anh, được ghép lại từ những tấm ảnh tôi chụp trong những chuyến lữ hành dọc ngang đảo quốc sương mù.

Có lần, Chris, bạn tôi xem ảnh rồi bảo tôi chọn top 3 địa danh mà tôi thích nhất ở Anh, không do dự, tôi đáp ngay “Durham, Chichester và Castleton”. Chris nghe thế mà bật cười “Trời, ba cái vùng nhỏ xíu đó có gì mà thích? Lý do gì mà em loại cả thành phố cảng Liverpool với Edinburgh - trung tâm văn hóa châu Âu thế?”

Ừ, có gì mà tôi lại thích mấy nơi “phố nhỏ như làng” ấy đến thế?

Hình như những chuyến đi của tôi bây giờ thiên nhiều về những cái vu vơ và bất chợt. Những thánh đường nguy nga, lâu đài và thành quách vẫn đẹp, nhưng không còn nhiều cuốn hút.

Tôi thích Chichester vì cái mùi nồng nồng của bùn đất và cây lá khi đi dạo lúc ban chiều ở một vùng ven biển! Tôi nhớ Durham vì khi chúng tôi vừa chui ra khỏi ga tàu, ngược mắt lên thấy thành phố nhỏ xinh tắm mình trong một màu vàng rất đượm - vạt nắng muộn hiếm hoi của một ngày cuối thu!

Với Castleton, ấn tượng đọng lại với tôi là bình minh sương lạnh mỏng manh như khói; một cốc trà nóng cho ngày đầu đông. Mà hình như không phải, tôi nhớ những ngôi nhà bình dị, những con đường sỏi im lìm men theo núi và thánh đường nhỏ với một nghĩa địa tĩnh lặng như thể thời gian đang ngừng trôi.

Castleton không phải một cái tên nổi tiếng với khách du lịch ngoại quốc. Nhưng với những người yêu thích dã ngoại, leo núi, ngắm cảnh đồng quê thanh bình, đây là nơi không thể bỏ qua. Ngôi làng nhỏ xinh ở miền Trung nước Anh này nằm cuối một thung lũng có cái tên rất nên thơ – Thung lũng Hy Vọng, bao quanh bởi đỉnh núi Dark Peak về phía Bắc và đỉnh White Peak về phía Nam. Được mệnh danh là “viên ngọc” của vùng Peak District, hàng năm Castleton thu hút hàng chục nghìn khách du lịch từ những người mê trekking, thích leo núi, muốn đạp xe đường dài, đến những người bắt chọt ghé qua chỉ vì muốn trốn tránh sự xô bồ nơi phố thị, tìm kiếm chút yên bình nơi vùng quê hẻo lánh.

Với những ai mê khám phá hang động, Castleton là một nơi kỳ thú với bốn hang động kỳ vĩ từ động Peak Cavern, Speedwell Cavern cho tới động Treak Cliff Cavern và Blue John Mine. Điều đặc biệt là một trong bốn hang động này sẽ được mở cửa quanh năm, kể cả những ngày đông lạnh giá để đảm bảo bất kỳ ai tới đây cũng có cơ hội được khám phá.

Về mùa hè, Castleton trở nên bận rộn hơn nhiều, đặc biệt trong ngày 29 tháng 5, bởi lượng khách du lịch đông đảo tới tham dự ngày hội Oak Apple Day. Tất cả du khách tới làng trong dịp này đều được đề nghị đeo một chiếc vòng lá sồi và tham dự vào một cuộc diễu hành qua các đường phố trong làng. Trong dịp này một cặp nam nữ thanh niên sẽ được trôn đồ vào vai Vua và Hoàng Hậu. Một vòng hoa kết bằng hoa dại và lá cây nặng tới 25kg được gọi là vòng Garland sẽ được đặt lên vai “nhà vua” để sau đó rước tới tháp nhà thờ Saint Edmund.

Trái ngược với không khí tưng bừng vào mùa hè, Castleton mùa đông vô cùng lạnh lẽo. Cái giá rét cắt da cắt thịt hôm ấy khiến cho ước muốn đầu tiên của tôi khi đặt chân đến đây là được quay lại xe bus, về nhà ngủ tiếp! Nhưng dường như mấy chú chim chuyền cành lách chích ở một bụi cây gần đó đã níu bước tôi ở lại.

Đã sắp sang trưa nhưng cả làng vắng lặng dường như đang ngái ngủ; chỉ có tiếng khua nước nhẹ nhẹ của bầu thiên nga trắng muốt trên kênh nước nhỏ trong veo.

Chúng tôi đi thăm Peak Cavern rồi đi dạo trên những con ngõ nhỏ; rồi lòng vòng leo lên sườn đồi vẫn còn lác đác tuyết phủ, chỉ có những chú cừu hiền lành đang gặm cỏ, chắc cũng hơi bức mình vì sự ồn ào thái quá của chúng tôi!

Bạn hỏi làm gì mà tôi cứ thích leo mãi lên cao trên đỉnh đồi thế, trên ấy có gì đâu! Thú thật là cảm xúc của một ngày trong veo, một mùa nghiêng nghiêng khi ấy, khiến tôi tưởng tượng rằng chỉ cần lên tới đỉnh đồi kia thôi là sẽ gặp ngay anh ấy - cái anh chàng chăn cừu của Alphonse Daudet!

Vậy đấy, tôi đã qua cái tuổi mê cổ tích từ lâu rồi, thế mà đôi khi những cảm xúc bất chợt vẫn khiến tôi tin rằng chìa tay ra có thể hái được cả những vì sao!

Đàn cừu vẫn im lìm ở đó, nhưng anh chàng mục đồng của Daudet bị gió cuốn đâu rồi!

Trên trời, chỉ riêng những bông tuyết vẫn mãi miết bay! Còn dưới chân tôi, Castleton vẫn im lìm trong sự yên tĩnh tựa như ngàn đời.

Chichester - Giáng sinh quê



ống ở London quanh năm, tôi đã quen với những ồn ào, bận rộn của thành phố này. Càng tới gần lễ Giáng sinh, những con phố chính như Oxford Street, Regent's street, Kings Road cho tới cả đoạn phố Holloway nơi tôi ở bỗng trở nên nhộn nhịp hơn bao giờ hết. Người ta hối hả trong cơn mua sắm quay cuồng nhằm chuẩn bị cho ngày lễ lớn nhất trong năm. Tôi yêu London là thế mà những ngày này, tôi thường nhìn những dòng người chen chân trong siêu thị, cửa hàng, hội chợ, bến tàu điện ngầm mà thấy ngán ngẩm trong lòng, đếm từng giây đợi đến kỳ nghỉ.

Chờ mãi rồi cái ngày ấy cũng đến. Đã thành lệ, cứ vào ngày 24 tháng Mười hai hàng năm, tôi chia tay mọi ồn ào phố xá, lên tàu về quê nghỉ Giáng sinh. Tôi nghĩ những cô cậu học trò xứ Việt hằng năm hứng khởi đón tàu về quê ăn Tết thế nào thì tôi cũng rộn ràng chia tay London như thế. Quê tôi là Chichester, một thành phố nhỏ nằm ở phía Nam nước Anh, chỉ cách London chưa đầy hai giờ đi tàu. Gọi là quê vì đây là nơi có bố mẹ nuôi của tôi sinh sống, nơi tôi trở về trong những kỳ nghỉ lễ dài, nơi tôi có căn phòng sơn trắng phủ đầy hoa hồng leo bên cửa sổ, nhìn ra cánh rừng thưa thấp thoáng lũy hươu nhớn nhoe, nơi tôi đi dạo cùng cô chó Maggie lên đỉnh đồi từ đó trông ra thung lũng xinh đẹp của vùng Sussex.

Giáng sinh của tôi ở Chichester thực sự bắt đầu vào chiều ngày 24 khi mọi thành viên trong gia đình đã về nhà đông đủ. Khi ấy, tôi cùng hai cô em gái Katherine, Jessica và cậu em trai Matthew trang trí cây thông Noel bằng cách gắn các quả bóng thủy tinh, các đồ trang trí bằng thiếc hoặc những hộp kẹo sô cô la với các hình thù ngộ nghĩnh.

Các món quà xếp dưới gốc cây đã đính sẵn tên cho mọi người trong gia đình, không quên quà cho Maggie - thành viên

đặc biệt. Bốn đứa chúng tôi còn một nhiệm vụ nữa là trang trí bánh Giáng sinh. Chiếc đế bánh đã được Gillian - mẹ nuôi tôi làm từ trước, giờ chúng tôi chỉ việc phủ lên một lớp kem và mỗi đứa trang trí một góc tùy theo ý thích. Katherine vẽ hình cây thông, tôi đắp người tuyết, Jessica cố gắng xếp hình những chú tuần lộc, riêng Matthew thì cắm vào một ông già Noel to đùng.

Khác với nhiều quốc gia ở châu Âu, người Anh tổ chức tiệc mừng chính vào ngày Giáng sinh (ngày 25 tháng Mười Hai). Tuy vậy vào đêm Giáng sinh, tôi vẫn thường cùng cả gia đình tới nhà thờ Fisbourne dự lễ đêm khuya (mid-night mass). Nhà thờ Fisbourne không rộng lớn và không có kiến trúc cầu kỳ như thánh đường Chichester ở trung tâm thành phố. Tuy nhiên tôi rất thích nhà thờ cổ kính này với khu vườn nhỏ và những tấm bia liêu xiêu chìm dần vào lòng đất, những dãy ghế gỗ nâu bóng màu thời gian và vị linh mục hiền hậu thường chào đón tôi nồng nhiệt. Giữa đêm khuya giá lạnh, không khí buổi lễ ở đây càng trở nên trang nghiêm và ấm cúng hơn bao giờ hết.

Tôi là người không theo tôn giáo, nhưng rất thích có mặt tại nhà thờ vào thời khắc đặc biệt ấy trong năm để hòa cùng những bản thánh ca rộn ràng và nghe những lời chúc phúc tốt đẹp của cha xứ. Kết thúc buổi lễ chúng tôi trao tặng nhau một vòng ôm thật chặt và nói “Mừng Giáng sinh hạnh phúc. Mong bình yên đến với bạn!”. Trong giây phút ấy, tôi quên đi mọi bận rộn lo toan của cuộc sống đô thị thường ngày, thanh thản đón chào một năm mới tươi đẹp, trong lòng rộn ràng niềm hạnh phúc được chia sẻ thời khắc đặc biệt này với những người mà tôi yêu quý.

Buổi sáng hôm sau là khoảng thời gian được trông đợi nhất. Khi bốn đứa chúng tôi vào phòng khách đã thấy ông già Noel gửi quà là những chiếc tất to treo lủng lẳng cạnh lò sưởi.

Ông già Noel thật hào phóng khi tặng tôi hàng đồng thứ tỉ mẩn mà con gái thường thích; một chiếc cốc uống trà, vòng đeo cổ, đôi khuyên tai, một cái ô điếu đà, bộ gương lược, cuốn lịch năm mới, hai quyển sách giới thiệu du lịch đến Scotland và Đan

Mạch (ông cụ tinh quái, còn biết trước kế hoạch đi lại của tôi nữa), cộng với rất nhiều bánh bích quy gừng. Ông cũng không quên bỏ vào một quả quýt theo đúng truyền thống vì ngày xưa ngày xưa, quýt là một thứ quả xa xỉ rất khó kiếm ở nước Anh.

Sau đó cả nhà sẽ cùng chuẩn bị cho bữa tiệc chính sẽ diễn ra vào buổi trưa. Cũng như những dịp lễ Tết của người Việt, người Anh thường dành nhiều thời gian và công sức vào việc ăn uống trong dịp Giáng sinh. Bà Gillian thường đi chợ từ cả tháng trước để bắt đầu mua rượu và các loại đồ uống khác, làm bánh pudding, đặt mua một con gà tây khổng lồ 5-7kg từ siêu thị, tích trữ các loại rau quả.

Trong ngày này, khi bà Gillian chuẩn bị món chính, tôi và Katherine sẽ thái các loại rau củ, Jessica thích nướng bánh sô cô la, còn ông Gordon và Matthew sẽ chuẩn bị bày bàn ăn theo đúng kiểu cách, xếp sẵn các ống pháo giấy. Trước khi bắt đầu bữa tiệc chính, mỗi người sẽ nắm tay người bên cạnh, kéo mạnh để nổ pháo. Bên trong mỗi ống pháo thường là một câu đố vui hoặc một câu chuyện cười thú vị để mọi người chia sẻ, cùng một món quà nhỏ xíu khi là chiếc ruy băng, lúc là một cái kẹp nhựa.

Bữa tiệc Giáng sinh của người Anh thường gồm gà tây nướng có kèm sốt việt quất, ăn cùng khoai tây, các loại rau củ đặc trưng mùa đông ở Anh như Brussel sprouts, parsnip, cà rốt và món xúc xích nhỏ cuốn thịt lợn muối, riêng món ăn này mang cái tên rất kỳ lạ mà mỗi lần nhắc tới tôi đều phì cười, món “lợn đắp chăn” (pigs in a blanket). Có tới vài loại bánh tráng miệng nhưng tôi thích nhất là bánh pudding Giáng sinh được làm từ các loại hoa quả khô. Matthew sẽ rót một chút rượu whiskey lên trên bánh và châm lửa đốt, theo phong tục, đây chính là cách để trừ ma quỷ và mang lại những điều tốt lành.

Buổi chiều, cả nhà thường quây quần chơi trò chơi, đón xem thông điệp của nữ hoàng Anh được phát trên ti vi lúc ba giờ chiều rồi vào rừng đi dạo. Dù nắng hay mưa, chúng tôi đều yêu những phút giây thanh bình này khi đi dạo trên con đường đất

vắng vẻ, nghe tiếng cười đùa ríu rít của Katherine và Jessica, ngắm nhìn đôi chú hươu đang nhẩn nha và xa xa là sương nắng chan hòa trên biển Sussex.

Có dịp đi nhiều nơi, tôi may mắn vì có Chichester là chốn quay về sau những ngày bận rộn. Tôi yêu Chichester một phần vì cái mùi nồng nồng của bùn đất và cây cỏ lúc ban chiều thế này. Cái mùi “quê” đặc trưng ấy khiến tôi chợt nhận ra rằng những Giáng sinh quê như thế này rồi ngày mai sẽ còn theo tôi mãi. Một đêm xuân nào đó giữa phố thị đông người, tôi lại mơ màng nhớ tới gà tây quay, rượu mạnh và chiếc bút tất đỏ rực rỡ đựng quà của ông già Noel.

Những phiên chợ thành London

London nổi tiếng là thành phố có mật độ camera giám sát CCTV nhiều nhất trên thế giới. CCTV cùng với hệ thống báo động, khoá chống trộm... đã trở thành những yếu tố khiến người ta nhận xét London là “Thành phố của sự sợ hãi” (City of Fear). Sự sợ hãi và dè chừng khiến con người giam mình trong những chiếc hộp, bốn bức tường ở nhà, bốn bức tường công sở, xe bus là chiếc hộp màu đỏ, tàu điện ngầm mang hình dạng một chiếc quan tài, mỗi mặt người lạnh tanh như xác chết...

May mà London còn có chợ. Người cười người nói, người bán người mua rộn ràng, tấp nập. Cùng với công viên và quảng trường, chợ là nơi giao lưu xã hội đặc sắc của London mà tôi đồ rằng, nếu thiếu nó, thành phố này chỉ hoạt động như một con rối đi cà kheo, cứng nhắc và què quặt!

Sống ở đô thị, những lần đi chợ gợi tôi nhớ về nếp sống quen thuộc của ngày cũ, con người gần gũi và chia sẻ với nhau trong những không gian công cộng sống động.

Dù bận rộn thế nào với công việc, chiều cuối ngày của tôi bao giờ cũng kết thúc bằng việc ghé vào một cái chợ nho nhỏ mua rau quả. Ông cụ bán hàng đã biết tôi từ lâu mà hôm nào cũng hỏi “Cô từ đâu đến?”, “Việt Nam à, thế hôm nay tôi bán rẻ cho cô người Việt Nam nhé”.

London là thành phố lớn ở châu Âu có nhiều chợ nhất mà tôi từng biết. Chợ đồ ăn và rau quả tươi ở Borough, chợ quần áo nhăng nhố và kiểu cách ở Camden, chợ đồ cổ ở Notting Hill, chợ hoa ở Columbia Road, chợ bán thịt Smithfields, chợ cá Billingsgate, chợ Covent Garden, chợ Leadenhall, chợ Leather Lane, chợ Greenwich, chợ Spitalfields, chợ Whitecross... Trong bài viết này, tôi chỉ điểm danh bốn khu chợ lớn nhất của

London.

Chợ cá Billingsgate

Chợ cá Billingsgate trước đây nằm ở khu Billingsgate ngay bên bờ sông Thames để thuận lợi cho việc chuyên chở cá bằng thuyền. Suốt thế kỷ XIX, đây là chợ cá lớn nhất trên thế giới tuy nhiên tới năm 1982, chợ này đã được chuyển tới khu Isle of Dogs phía đông của thành phố. Cá được vận chuyển tới đây từ những vùng xa như Cornwall hay Aberdeen.

Ngoài ra người ta cũng nhập khẩu tôm hùm từ tận Canada hay lươn từ New Zealand. Với những người yêu thích cá và hải sản, đây thực sự là một nơi lý tưởng để mua cá tươi với giá rẻ, tuy nhiên bạn sẽ phải có mặt ở chợ từ rất sớm bởi Billingsgate chỉ mở cửa tới 9 giờ 30 sáng.

Chợ thịt Smithfield

Smithfield là một trong những khu chợ lâu đời nhất London và đây là nơi buôn bán thịt gia súc từ hơn 800 năm nay. Từ xa xưa, Smithfield có nguồn gốc là một chợ gia súc. Nhà văn Daniel Defoe, tác giả nổi tiếng của cuốn tiểu thuyết “Robinson Crusoe trên đảo hoang” từng nhận xét vào năm 1726 rằng: “Không nghi ngờ gì, đây là chợ gia súc lớn nhất thế giới”. Người ta thống kê trong khoảng thời gian hơn 100 năm, từ năm 1740 tới 1750, đã có tới 74.000 gia súc và 570.000 con cừu được bán hàng năm ở chợ này.

Ngày nay, mục đích của chợ là để phục vụ các cửa hàng thịt và các nhà hàng trong trung tâm thành phố vì thế chợ chỉ mở cửa từ 4 giờ sáng tới 12 giờ trưa các ngày trong tuần. Ước tính có khoảng 120.000 tấn thịt được mua bán tại đây mỗi năm.

Chợ rau quả Covent Garden

Người ta lần đầu họp chợ Covent Garden vào năm 1654. Nhà vua Charles II khi ấy cho phép bá tước vùng Bedford được

thành lập một chợ bán rau và hoa quả tươi hằng ngày trừ ngày chủ nhật và lễ Giáng sinh. Trong khoảng thời gian này, dưa bắt đầu được trồng trong các nhà kính ở nước Anh và suốt hàng trăm năm sau đó, quả dưa được coi như biểu tượng của sự giàu sang và lòng hiếu khách. Chợ Covent Garden đặc biệt gắn bó với loại quả này. Khi đến thăm chợ, bạn hãy ngược nhìn lên và sẽ thấy mỗi ngọn đèn đều được trang trí một quả dưa.

Ngày nay Covent Garden đã mở rộng trở thành chợ tổng hợp nhiều gian hàng bán đủ mọi thứ từ những đồ nội thất trang trí nghệ thuật đến đĩa than cổ. Covent Garden không chỉ có một chợ nữa mà bao gồm ba chợ: chợ Apple, chợ Jubilee và chợ East Colonnade trong đó riêng chợ Apple tập trung vào các mặt hàng thủ công mỹ nghệ và đồ cổ của Anh. Khu vực quảng trường phía ngoài chợ giờ đây trở thành một địa chỉ quen thuộc để các nghệ sĩ đường phố biểu diễn âm nhạc và hài kịch.

Chợ ẩm thực Borough

Với những người yêu thích ẩm thực không thể không tới thăm chợ Borough ở khu Southwalk phía Nam sông Thames. Nơi đây tràn ngập các loại đồ ăn hấp dẫn, và đặc trưng từ mọi miền trên thế giới. Bạn có thể thưởng thức bánh mì và xúc xích Đức, pho mát Ý, món paella của Tây Ban Nha, rượu vang Pháp, hay món Falafel của Thổ Nhĩ Kỳ.

Với nhiều người, đi chợ Borough đã trở thành một niềm yêu thích vì họ có thể chọn mua nguyên liệu cho các món ăn độc đáo của mình trong khi trò chuyện cùng những người bán hàng mến khách. Những ai muốn mua hoa quả tươi thường tới quầy của Elsey & Bent trong khi khách hàng muốn mua bánh ngọt sẽ tới Artisan Bakers DeGustibus. Quầy của Furness Fish & Game Supplies cung cấp các loại cá và hải sản trong khi Peter Gott là nơi lý tưởng để mua trứng và các sản phẩm sữa.

Nhớ về chợ xứ mình

Đi chợ xứ người mà chợt nhớ tới xứ mình. Hà Nội của tôi góc nào cũng có chợ. Khu tập thể nơi tôi ở ngày xưa, mỗi sáng sớm là ồn ào tiếng họp chợ, huyên náo tới tận gần trưa, cứ như câu thơ của Nguyễn Duy:

“Có món ngon nào giá rẻ không em,


Gạo trắng, rau tươi, cá bơi, tôm nhảy”.

Thời mở cửa, đi siêu thị giờ thành mốt, những plaza, đại siêu thị hoành tráng mọc lên. Chợ cóc, chợ tạm bị phá bỏ vì nó là biểu tượng của cái cũ, cái nhà quê và lạc hậu.

Chợ là một hình ảnh xưa cũ. Đi chợ là một thói quen xưa cũ.

Nhưng thiếu những cái cũ ấy, con người đôi khi sẽ bơ vơ trong cái mới mà không biết vin vào đâu.

Paris - Còn chảy mãi dòng Seine

 ôi yêu Paris kể từ khi còn chưa đặt chân đến thành phố này. Khi tôi còn ở trong căn phòng nhỏ hẹp ở ngoại ô London, những ngày mưa buồn nhìn ra dòng sông mờ ảo, nghe vọng về những câu hát ngọt ngào của Ella Fitzgerald.

"I love Paris in the springtime.

I love Paris in the fall.

I love Paris in the winter when it drizzles,

I love Paris in the summer when it sizzles".

(Tôi yêu Paris mùa xuân

Tôi yêu Paris mùa thu

Tôi yêu Paris mùa đông những khi mưa bay

Tôi yêu Paris mùa hạ những ngày rực rỡ)

Rồi một ngày cảm lòng chẳngặng, tôi xách túi lên xe bus đi vòng vèo qua những con phố làng mạc miền Đông Nam nước Anh hướng xuôi ra biển. Chỉ cần nhìn ngắm những hàng cây hai bên đường cũng thấy thu đã về thật đậm ở xứ này. Tới cảng Dover, tôi lên phà đi qua kênh đào Anh, bên kia đã là Calais đất Pháp; chừng vài tiếng sau, tôi đã tới Paris.

Không giống như những dịp đi du lịch khác, tôi đến thành phố này không người đưa đón, không bản đồ trong tay, không tìm hiểu chi tiết sẽ đi đâu, xem gì, ăn thế nào. Tôi muốn để mình có những cảm giác về Paris mà không cần một sự chỉ dẫn, một kỳ vọng, một phán xét nào ảnh hưởng, có chăng chỉ

vọng về đôi lời thoại trong bộ phim “Trước bình minh, trước hoàng hôn” và những lời hát da diết của cô nàng Celine “Hãy để em hát anh nghe một điệu waltz/Chẳng phải đến từ đâu, đến từ suy nghĩ của em/Hãy để em hát anh nghe một điệu waltz” (“Let me sing you a waltz/Out of nowhere, out of my thoughts/Let me sing you a waltz”).

Từ bến Gallieni tôi lò dò tìm cách đi vào trung tâm. Sau những giờ lạc dưới lòng đất vì hệ thống tàu điện ngầm rối rắm của Paris, đến khi chui lên mặt đường, trời đã ngả sang chiều, tôi ngỡ ngàng thấy mình đang ở trên Đại lộ Champs-Élysées lộng lẫy. Trước mặt tôi, Khải Hoàn Môn đường bệ vững vàng cùng năm tháng, phía bên kia đường tọa lạc cửa hàng sang trọng của hãng thời trang cao cấp Louis Vuitton.

Người ta thường nói nhiều về những ấn tượng đầu tiên khi bạn tới một thành phố. Sau này khi ngẫm lại nếu tôi bắt đầu đến với Paris từ một cửa ngõ khác ví như khu nghệ sĩ Montparnasse hay khu thương mại mới La Defense, đôi Montmartre hay khu ngoại ô vắng vẻ Vincennes, có lẽ tôi đã nghĩ về “nàng” rất khác. Đằng này từ Champs-Élysées, với tôi, Paris giống như một quý tiểu thư điệu đà và tự nhiên đâm ra tôi lại thấy xa lạ. Cái chất “người nhà quê” trong tôi trỗi dậy, tôi rào bước tránh Champs-Élysées càng nhanh càng tốt, tôi lò dò tìm đường ra sông Seine khi “con trăng vừa nhú trên trời cao, hoàng hôn chìm dần vào mặt nước”.

Bên bờ sông, vài cụ già đang uể oải thu lại những chồng sách báo cũ cho vào chiếc hòm sắt sơn xanh, kết thúc một ngày thu dềnh dàng như mọi ngày. Tôi dừng lại trước một sạp hàng, xin phép ông cụ ngắm nghía những cuốn sách đã ố màu thời gian, tờ tạp chí LIFE từ những năm nào đã sồn gáy, cô đào Marilyn Monroe vẫn lộng lẫy trên những tấm poster quần mép, bên cạnh nụ cười ngạo nghễ của Che Guevara.

Ai đó từng nói rằng “Tôi yêu những gì đã cũ, sách cũ, rượu cũ, bạn cố tri”. Tôi tin rằng cái cách người Paris cố tình vương vấn những sạp báo cũ bên bờ sông Seine là để họ níu kéo lòng

mình với quá khứ, với hoài niệm, mà hoài niệm lúc nào chẳng đẹp, thay vì chỉ mãi miết chạy theo ánh đèn hào nhoáng trên Đại lộ Ánh Sáng Champs-Élysées hay những mặt hàng xa xỉ trong Galeries Lafayette.

Những ngày sau của tôi ở Paris gắn chặt với những con đường lát đá thơ mộng bên bờ sông Seine. Tôi đi bộ dọc theo Quai de l'Hôtel de ville ghé thăm Nhà thờ Đức Bà Notre-Dame cổ kính, ngồi trong thánh đường hồi lâu đợi những nhịp chuông rung huyền hoặc, chờ giây phút nhiệm màu nào đó chàng gù Quasimodo sẽ hiện ra cùng nàng Esmeralda xinh đẹp.

Tôi đi qua chín cây cầu bắc ngang dòng sông trong khu trung tâm thành phố từ bờ Đông sang bờ Tây trong những tiếng thì thầm của của Apollinaire - thi sĩ Pháp mà tôi yêu quý.

“Dưới chân cầu Mirabeau chảy mãi dòng Seine

Đêm cứ buông chuông giờ cứ điểm

Tháng ngày trôi, mình tôi đứng lặng yên”

Tôi đã say mê với những họa tiết trang trí kiêu hoàng gia cuối thế kỷ XIX trên cầu Alexandre III, ngẩn ngơ với những pho tượng cổ xưa trên Cầu Neuf, mãi mê ngắm những đôi tình nhân nắm tay nhau trên cầu nghệ thuật Pont des Arts - được người ta nhắc tới như “cầu khóa”, “cầu tình yêu”.

Tôi nhích bước dọc theo từ Quai Malaquais ngược lên Quai Voltaire vào thăm bảo tàng nghệ thuật Orsay - nơi từng là một nhà ga xe lửa cũ, xem tác phẩm của những bậc thầy trường phái Ấn Tượng từ Claude Monet, Paul Cézanne, từ Auguste Rodin, Pierre-Auguste Renoir cho tới Vincent van Gogh.

Tôi đã ngồi nhâm nhi một ly café thơm lừng tại một quán nhỏ ven sông Seine vào buổi sáng với chiếc bánh sừng bò tươi còn thơm mùi hạnh nhân, đã thưởng thức baguettes với phô mai Camembert béo ngậy khai vị cho bữa tối tiếp nối bởi một lát thịt

bò nướng sốt cùng Roquefort – loại phô mai xanh nổi tiếng xứ Pháp với cái mùi đặc trưng còn theo tôi vào tận giấc ngủ.

Tôi đã tìm đến hiệu sách Shakespeare & Company ở rue de la Bûcherie lúc ban chiều những mong gặp lại Hemingway, Scott Fitzgerald và một “thế hệ đã mất” của văn đàn thế giới. Tôi hẹn hò cùng Julie một cô bạn xinh đẹp khi trời chạng vạng, uống một ngụm bia Kronenbourg 1664 trong một quán bar cạnh khu Latin để thấy lòng mình say say và đời mình yêu yêu.

Tôi đã lòng vòng theo Quai d’Orsay đến ngắm tháp Eiffel, công trình sắt cao khổng lồ ấy chẳng hiểu sao cứ khiến tôi liên tưởng tới những viên đăng ten mềm mại trên chân váy của một nàng thiếu nữ. Tháp truyền hình này hằng năm thu hút tới hơn hai trăm triệu lượt khách tới viếng thăm ấy thế mà khi vừa khánh thành, nó bị không ít người ghét bỏ. Văn hào Maupassant thậm chí đã dằn dỗi: “Tôi rời bỏ Paris và cả nước Pháp bởi vì tháp Eiffel hoàn thành làm tôi quá chán nản”.

Tôi vốn yêu Maupassant nhưng không thể học theo ông mà chán Paris được. Bởi vì Paris với tôi là những tháng ngày hội hè miên man, là cảm giác say đắm với thơ và nhạc trên đồi Montmartre, là sự tò mò trước những tác phẩm nghệ thuật đương đại ở trung tâm Georges- Pompidou, là phút giây một mình ngắm những cột đèn soi bóng dưới dòng Seine tĩnh lặng, là thời khắc lãng mạn nắm tay một người trong vườn Tuileries đợi hoàng hôn buông xuống, là buổi sáng trong veo giữa Père Lachaise; nghĩa địa rộng lớn, đi hoài không hết, chỉ thấy mình lạc giữa không gian phiêu diêu và tiếng quạ xao xác, vừa thấy cô đơn, vừa thấy thanh thản đến lạ kỳ. Paris còn là những lần thơ thần đi dạo qua con phố không cần biết tên, những phố thừa người lắm về đêm; duy ở góc một ngã tư có cái quán “Con mèo” vẫn thấy những đôi tình nhân ngồi ngắm nhau say mê qua những ngụm rượu vang và rót vào tai nhau những lời thì thầm. Chợt thấy mình như gã nhà văn khờ khạo trong bộ phim “Nửa đêm ở Paris” của Woody Allen, chỉ cần nhắm mắt lại một chút thôi, bạn sẽ thiếp đi trong mùi hương dịu dịu của những

bông hoa hồng và lạc bước vào một thế giới kỳ ảo.

“Nếu bạn may mắn được sống ở Paris khi còn trẻ, thì rồi sau này bạn có đi đâu, quãng thời gian đó sẽ luôn bên bạn”. Hemingway đã viết về thành phố tình yêu này như thế. Sau những ngày tháng yêu dấu ở Paris, tôi về lại căn phòng nhỏ ở London, nghe tiếng mưa rơi lặng thinh. Căn phòng lặng lẽ với những cánh hoa freesia mỏng manh in thân hình gầy guộc trên nền tường trắng xóa, chỉ riêng tôi thấy lòng mình đầy ắp những hoài niệm. Ngoài kia mùa thu đang chậm chậm đi qua. Tôi nghe vọng về đâu đây lời hát *“I love Paris every moment, every moment of the year. I love Paris, why, oh why do I love Paris? Because my love is near”* (Tôi yêu Paris, yêu mọi lúc yêu từng khoảnh khắc, yêu trọn cả năm, mà sao tôi lại yêu Paris đến thế? Bởi vì tình yêu tôi luôn gần kề).

Bởi tình yêu thật gần, thế thì cứ đến Paris tận hưởng những ngày thơ mộng và cứ yêu đi tôi nhỉ?

Nice - thành phố Đẹp



Milan được ba ngày, tôi nhớ ra mình vẫn còn một vé tàu InterRail cho phép tôi đi tới bất kỳ điểm nào ở châu Âu. Mở bản đồ ra, điểm gần nhất và thu hút tôi nhất là một thành phố trên đất Pháp nằm phía bên kia biên giới nước Ý, cách Milan khoảng sáu tiếng và hai chặng đổi tàu. Ừ nhỉ, sao không thực hiện hành trình Milan - Genova - Ventimiglia - Monte Carlo để đến điểm cuối cùng có cái tên rất đẹp ấy - thành phố Nice la Belle (Nice - Người đẹp) ở miền Nam nước Pháp.

Vậy đấy, khi bạn 20 tuổi, có một vé tàu InterRail và một tài khoản trên CouchSurfing, bạn có cảm giác thế giới nằm trong lòng bàn tay và niềm vui hứa hẹn trong những hành trình mới cứ thôi thúc bạn lên đường rong ruổi.

Chuyến tàu dài đưa tôi qua nhiều địa danh với những cảm xúc khác nhau. Tôi đã đi qua những làng mạc nhỏ xinh thấp thoáng ngọn tháp chuông nhà thờ cao vút trên nền trời xanh thẳm, tôi cũng đã qua những thị trấn cũ kỹ của nước Ý nơi bên ngoài những tòa nhà xám xịt lủng lẳng những mắc treo quần áo sặc sỡ sắc màu. Giữa tiếng tàu chạy vun vút, tôi nghĩ về nước Ý của những mảng màu đối lập: Quá khứ vàng son và hiện tại tan vỡ. Tôi đã chuyển tàu ở Ventimiglia, khoảng thời gian ngắn ngủi đủ cho tôi dạo bước lên đồi thăm một thánh đường cổ kính. Tôi cũng dừng lại ở rẻo đất vàng Monaco, lướt qua những du thuyền sang trọng trên cảng, ngắm nhìn những khách du lịch sành điệu, những nhà quý tộc mới trong trang phục trắng xa hoa tính chuyện tiêu tiền qua những canh đở đen.

Gió mang theo phong vị của biển ulla vào qua cửa sổ toa tàu. Tôi biết Nice đã ở rất gần!

Tàu vừa dừng lúc bốn giờ chiều ở nhà ga Nice Ville, Francois, anh bạn người Pháp hẹn trước trên CouchSurfing

đã tươi cười đón tôi ở cửa. Francois sinh ra và lớn lên tại thành phố này, từng đi du lịch khắp nơi trên thế giới, kiếm sống bằng đủ nghề từ họa sĩ, nhạc công, nhiếp ảnh gia, buôn đồ thổ cẩm, dạy tiếng Pháp rồi cuối cùng thấy không đâu đẹp bằng non xanh nước biếc quê mình nên lại quyết định trở về Nice sinh sống. Anh vừa cho ba lô của tôi lên xe vừa đùa: “Thưa tiểu thư, cô muốn về nhà nghỉ ngơi hay khám phá Nice bây giờ?”. “Ồ, đi ngay chứ. Đi chơi thì không cần đợi”.

Năm phút sau, tôi lại thấy mình trên xe và trên những con đường mới. Gió thì thảo. Biển lấp loáng. Nắng vàng tươi. Người ta nói hạnh phúc nằm trên cả hành trình, không phải ở đích đến có lẽ là như thế. Francois dừng xe trên một bãi biển vắng nơi một nhóm bạn anh đang đợi với đồ picnic sẵn sàng cho một bữa tiệc cuối ngày. Phía xa, đỉnh núi đã tím lại, mặt biển không sẫm màu mà chuyển sang sắc xanh lơ êm ả, rơi rớt vài vệt ráng vàng của một ngày dần trôi, những cơn sóng nhỏ lăn tăn dịu dàng gồi đầu lên bờ.

Francois cầm cây guitar hát say sưa một tình khúc bằng thứ tiếng Pháp quyến rũ “chết người”. Cộng với rượu và hoàng hôn, Nice đón tôi bằng một buổi chiều ngọt ngào quá đỗi!

Nằm trong vùng biển Thiên Thanh Côte d’Azur ở vùng Đông Nam nước Pháp, Nice với nắng gió chứa chan được mệnh danh là bến xuân trên Địa Trung Hải. Từ thế kỷ XVIII, vẻ đẹp tự nhiên của thành phố này và điều kiện thời tiết lý tưởng đã thu hút tầng lớp quý tộc người Anh vượt qua eo biển Manche để dành thời gian nghỉ đông ở đây. Con đường đi bộ rộng lớn trong thành phố dọc theo bờ biển với những hàng cây thốt nốt cao vút vì thế được đặt tên là Promenade des Anglais (đường đi bộ của người Anh).

Tôi đã từng đi đến nhiều thành phố biển, nhưng màu biển của Nice làm tôi mê mẩn tới lạ kỳ. Cứ ngỡ như có ông họa sĩ nào tỉ mỉ tìm pha cho bằng được một màu xanh ngọc của cả mây trời núi non hùng vĩ rồi hòa vào vùng Vịnh Thiên Thần ấy (Baie des Anges) để tạo được một màu xanh vừa phóng

khoảng tự do vừa kiêu sa đài các, khiến cho một vùng ven biển nhìn từ trên cao nơi đồi Lâu Đài (Colline du Chateau) cứ ngỡ như một dải khăn biếc vắt hững hờ giữa trời núi. Ngồi trên dãy ghế băng dài hướng mặt ra phía biển, ngắm mắt lại và thả hồn theo mây gió, tôi hiểu lý do vì sao Francois quyết định quay lại quê nhà.

Tôi cùng Francois uống một ly café cappuccino nóng trước khi anh lên đường chuẩn bị chụp ảnh cho một bộ sưu tập thời trang mới còn tôi sẽ nhả nha ghé vào khu phố cổ.

Cùng với Promenade des Anglais, phố cổ cũng là điểm thu hút khách du lịch nhiều nhất ở Nice. Cũng giống như nhiều khu phố cổ khác ở châu Âu, phố cổ Nice ẩn chứa nhiều nét thật duyên dáng. Những con đường nhỏ vòng vèo dẫn lên đồi, những căn nhà cao tầng gối nhau san sát, những ngõ hẹp vừa lồi cuốn vừa bí ẩn, những bậc thang rớt đầy nắng, những mảng tường sơn hồng, sơn đỏ, sơn cam sậm màu thời gian, những ban công cũ kỹ, dầm khuôn cửa sổ khép hờ, vài giỏ hoa xinh xắn, thỉnh thoảng lại bắt gặp những cây leo vươn cành khẳng khiu. Một khu phố không lớn về diện tích mà có cảm tưởng như ẩn bên trong nó bao nhiêu là ký ức, bao nhiêu là cuộc đời. Có lẽ vì thế mà mỗi một lần dạo qua phố, bạn lại ngỡ như mình đang ở một góc khác, đang xem một bức tranh khác, một câu chuyện khác.

Lang thang trong khu phố cổ hồi lâu, tôi vòng theo tám biển chỉ dẫn ra tới khu chợ Cours Saleya nằm giữa quảng trường Massena và khu thành cổ. Xen giữa những hàng hoa là các sạp bán rau quả với những khay ớt ngọt tươi rói cùng với bí xanh, cà chua đỏ lựng... Mê mẩn với những màu sắc ở chợ, tôi chụp hàng trăm bức ảnh hoa trái trên các sạp hàng.

Khi trời chuyển về chiều, tôi thư thả đi bộ theo rue Rossetti, Montée Monica - Rondelly, rue Catherine Ségurane lên đồi Lâu Đài. Trên đồi còn rọi rớt dấu ấn của thời Hy Lạp chiếm đóng thành phố, nhưng điều tuyệt vời hơn cả là ở đỉnh ngọn đồi cao 92 m này, bạn được thỏa sức ngắm nhìn một vùng Vịnh Thiên

Thần rộng lớn, khu phố cổ, và khu cảng Nice.

Bên ly cà phê, những câu chuyện lịch sử dần trôi xa, tôi lặng im tận hưởng cảm giác thanh bình của gió biển mang lại. Francois từng nói với tôi rằng người Pháp có câu Joie de vivre để chỉ niềm vui sống mãnh liệt của họ.

Khi ấy tôi biết rằng, nếu có một điều gì tôi có thể mang về làm quà lưu niệm từ thành phố này, đó chính là tình yêu thiên nhiên và lòng yêu đời phơi phới mà hẳn ai dừng chân ở Nice cũng có thể cảm nhận rõ ràng.

Tôi không thể dành thời gian ở Nice được lâu nhưng thành phố này đem đến cho tôi sự thư thái tuyệt đối. Để đến khi lên tàu về lại Milan, nhắm mắt lại, tôi thấy Nice hiện ra đầy sống động với những mảng màu tươi tắn: màu xanh ngọc của trời biển, màu hồng cam trên những ngôi nhà cổ, màu vàng tươi của nắng, màu tím lam của hoàng hôn.

Và tôi nhớ nhiều tới những bức tranh của Henri Matisse, họa sĩ từng gắn bó nhiều với thành phố này.


Những màu sắc rực rỡ, ánh sáng, đường nét kỳ vĩ và thiên nhiên tươi đẹp của thành phố này là cảm hứng cho Matisse vẽ nên những bức tranh tuyệt tác với những mảng màu khỏe khoắn và ngôn ngữ tạo hình hồn nhiên chỉ riêng mình ông có được. Từ 1921, Matisse đã chọn Nice làm nơi sống và sáng tác. Tới khi mất, ông được yên nghỉ trên đồi Cimiez thơ mộng gần thành phố, để ông sẽ mãi mãi được ngắm nhìn nước, nắng, trời, biển Địa Trung Hải chan hòa dưới chân.

Hành hương về Barcelona

Nhiều người tới Tây Ban Nha vì đam mê điệu nhảy flamenco sôi động, có kẻ điên cuồng với những trận đấu bò tót gay cấn, người mơ màng với vật nắng chiều lơ lửng vùng Andalusia thơ mộng, kẻ đắm chìm trong thế giới nghệ thuật của bảo tàng Prado - Madrid, người mê mải với nắng vàng biển xanh cát trắng Địa Trung Hải.

Với riêng tôi, tôi say mê tất cả những thứ ấy. Nhưng có một lý do đặc biệt hơn cả khiến tôi đến xứ này.

Bởi vì ở Tây Ban Nha có Barcelona. Và ở Barcelona có... Gaudi.

 ới những kẻ say mê kiến trúc, mỗi lần đến với Barcelona được ví như một cuộc hành hương, bởi nơi đây còn lưu giữ đậm nét những công trình kiến trúc tiêu biểu của kiến trúc sư lừng danh mà mọi người đều yêu mến - Antoni Gaudi.

Những năm tháng tuổi thơ gắn bó với các hoạt động ngoài trời, chiêm ngưỡng những dáng hình của cây, cỏ, hoa lá, hình hài các loài động vật... những cấu trúc của tạo hóa và thiên nhiên tươi đẹp của vùng Địa Trung Hải sau này có những ảnh hưởng lớn tới các sáng tác của Gaudi. Say mê hội họa, kiến trúc từ nhỏ, Gaudi đã theo học đại học ngành Kiến trúc tại trường Kiến trúc Barcelona. Khi trao tặng ông tấm bằng tốt nghiệp, Elies Rogent, khi đó là hiệu trưởng của trường đã nói: “Chúng ta tặng bằng này cho một người hoặc là một thiên tài, hoặc là một kẻ ngốc. Thời gian sẽ trả lời”.

Có lẽ Rogent đã không phải đợi lâu để được tận mắt chứng kiến những không gian nghệ thuật lãng mạn, ấn tượng tới mức không tưởng của Gaudi.

Năm 1878, Gaudi tham gia thiết kế gian trưng bày cho nhà máy Esteban Comella tại Hội chợ triển lãm thế giới Paris và chính tại đây ông đã gặp gỡ Eusebi Guell, người sau này trở thành người bạn gần gũi thân thiết, nhà đầu tư tài trợ cho nhiều dự án lớn của Gaudi. Một trong những dự án tiêu biểu đó là Parc Güell, một quần thể công viên - khu dân cư được xây dựng theo phong cách thành phố vườn của Anh và ngày nay trở thành một trong những công viên ấn tượng nhất trên thế giới.

Công viên Güell được xây dựng trên một diện tích rộng lớn 17,18 ha gồm vô số những kiến trúc đá kỳ thú và những tòa nhà có kiến trúc lạ mắt.

Ngay từ cổng chính là hình tượng chú rồng đá trườn dài trên bậc tam cấp. Trẻ em vô cùng yêu quý con vật này và không thể nào bước vào công viên mà không quên chạm tay lên đầu rồng đầy thích thú. Những con đường xuyên suốt trong công viên được Gaudi thiết kế như những rặng cây lõi bằng gạch, ngoài phủ bằng đá để giữ vẻ đẹp tự nhiên của địa hình đồi núi bao quanh.

Trên khu vực sân thượng của công viên là một băng ghế dài được trang trí bằng những mảnh gốm đầy màu sắc, nơi dành cho mọi người giao lưu, trò chuyện, ngắm toàn cảnh thành phố, hay chìm đắm trong suy tưởng, trong cảm hứng sáng tạo mà Gaudi đã mang lại. Nhìn những băng ghế này, có người liên tưởng tới những dải lụa uốn khúc, kể cho là một con rồng biển đang cuộn mình, cá nhân tôi lại liên tưởng tới những làn sóng trên biển Địa Trung Hải. Kiến trúc của Gaudi là như vậy đó, vừa thực mà lại vừa mộng, vừa hợp lý cho công năng sử dụng, vừa bay bổng theo những giấc mơ. Phải mất tới 14 năm Gaudi mới thiết kế xong cụm công trình này, vài ý tưởng của ông cho Park Güell vẫn còn dang dở. Những dự định về mặt thương mại của mô hình dân cư này đã thất bại nhưng có lẽ cả nhà đầu tư Eusebi Guell và Gaudi không biết rằng họ đã để lại cho thế hệ sau một kiệt tác làm say lòng cả người lớn lẫn trẻ thơ.

Trong số các tòa nhà do Gaudi thiết kế, đáng chú ý nhất là Casa Milà và Casa Batlló. Người ta gọi Casa Batlló là “ngôi nhà của những khúc xương” bởi những hình thù kỳ quái của mặt tiền ngôi nhà.

Không nhiều màu sắc như Casa Batlló, Casa Milà đem đến ấn tượng nhờ những đường nét uốn lượn và ban công độc đáo với những lan can sắt đủ hình dạng khác nhau. Thú vị nhất ở ngôi nhà này là những ống khói xù xì với những hình thù lạ mắt. Đến thăm những ngôi nhà của Gaudi thiết kế, người ta có cảm giác như được lạc vào một thế giới huyền ảo của những giấc mơ, nơi ấy cổ tích thành hiện thực, những ý tưởng điên rồ nhất cũng hình thành, nơi những chú rồng hư ảo hiện ra và chúng ta được bao bọc bởi những dáng hình muôn màu, muôn vẻ của thiên nhiên kỳ thú.

Không giống như nhiều kiến trúc sư khác đi tìm vẻ đẹp trong sự hài hòa cân đối tới tuyệt mỹ, các công trình của Gaudi nổi bật về những điểm không giống ai. Đó có thể là mặt tiền bị “bóp méo”, chi tiết cách điệu trên các ô cửa sổ, ban công hoa sắt uốn tỉ mỉ, ống khói hình cây nấm, các vòm cuốn không cột trụ, những chi tiết đắp nổi kỳ dị, những đường lượn xoáy ốc, lối lổm, cao thấp tự do, mô phỏng như hang động tự nhiên. Có thể nói những thiết kế không theo tỉ lệ kiến trúc quy chuẩn thông thường, cách phối hợp màu sắc táo bạo và sặc sỡ, sự tương phản mạnh mẽ giữa các hình khối đã tạo nên những tác phẩm kiến trúc đặc sắc mang dấu ấn riêng chỉ mình Gaudi có được.

Nhắc tới Gaudi, không thể nào bỏ qua Sagrada Família - công trình nhà thờ còn dang dở. Nhà thờ này được khởi công xây dựng từ năm 1882 và Gaudi chính thức nhận trách nhiệm xây dựng vào ngày 18/3/1883 khi ông mới chỉ 31 tuổi. Từ đó cho đến những năm cuối đời, hơn bốn mươi năm Gaudi dành trọn vẹn tâm huyết để xây nên một trong những nhà thờ độc đáo nhất thế giới. Theo ý tưởng của Gaudi, nhà thờ Sagrada Família sẽ được xây dựng với 18 ngọn tháp, 12 tháp tượng trưng cho 12 vị thánh tông đồ, 4 tháp biểu tượng cho 4 vị thánh

đã truyền bá Phúc Âm là St.Luke, St.Mark, St.John và St.Matthew, 1 tháp biểu tượng cho Đức Mẹ Maria, còn tháp cao nhất 170m sẽ là hình tượng Chúa Jesus. Mặt tiền nhà thờ là vô vàn những cảnh tượng mô tả sự tích Giáng sinh và các truyền thuyết trong “Kinh thánh” với nhiều phù điêu cây cỏ hoa lá, dày đặc chi tiết. Cho đến nay, trải qua hơn một thế kỷ, công trình này vẫn chưa hoàn thành. Người ta dự kiến sẽ đầu tư để hoàn thiện nhà thờ này vào năm 2026 để kỷ niệm 100 năm ngày mất của Gaudi.

Những ngày của tôi ở Barcelona quá ít ỏi để lần theo dấu ấn của Gaudi, bởi trong số vô số di sản kiến trúc quý báu mà ông để lại cho thành phố này đâu chỉ có Casa Milà, Casa Batlló, Sagrada Família hay Park Güell. Gaudi còn để lại những thiết kế độc đáo từ chiếc đèn đường trên đại lộ LaRamba, một tượng đài linh mục Josep Torras i Bages, cây cầu Torrent de Pomeret cho tới khu vườn Artigas... Nhưng một lần được hành hương về Barcelona cũng đủ trọn vẹn cho tôi nghiêng mình trước những sáng tạo kỳ tài của Antoni Gaudi.


Người ta nói bên trong mỗi người nghệ sĩ tài danh đều có một ánh mắt trẻ thơ. Tôi nghĩ rằng tôi đã bắt gặp ánh mắt trẻ thơ ấy trong mỗi công trình của Gaudi.

Dồn hết tâm huyết cho những công trình, những ý tưởng thiết kế “không giống ai”, dường như với ngay cả cuộc đời mình, Gaudi cũng sống như một đứa trẻ. Vào một ngày ngoài tuổi 70, khi đi dạo trên phố Gran Via de les Corts Catalanes, ông không biết rằng một chiếc xe điện đang tiến tới từ phía sau. Khi gây ra tai nạn ấy, có lẽ người lái xe cũng không nhận ra rằng mình đã cán ngã một tài năng lỗi lạc. Không giầy tờ tùy thân, mặc một bộ quần áo cũ kỹ, Gaudi bị nhầm tưởng là một người ăn xin và không được cấp cứu kịp thời. Ông mất ngày 10 tháng 6 năm 1926 và được chôn cất hai ngày sau đó.

Trong giới kiến trúc, người ta nói với nhau: “Một vì sao đã bay đi!”



Segovia - thành phố của truyền thuyết

 Segovia không phải địa danh phổ biến với khách du lịch tới Tây Ban Nha, nhưng vẻ đẹp cổ kính và những công trình kiến trúc vượt thời gian của thành phố này khiến du khách phải sửng sò.

Như bao người khác, tôi đã dành tuổi thơ của mình say sưa trong thế giới truyện cổ tích, để rồi trong những giấc mơ thời thơ bé, tôi vẫn thường hình dung ra những xứ sở diệu kỳ với thành quách cổ kính, lâu đài huyền ảo và những nhà thờ điểm lệt với chiếc phong hướng tiêu nạm vàng kiêu hãnh trên đỉnh tháp chuông cao vút. Rồi một ngày đặt chân tới Segovia, một thành phố nhỏ phía Nam châu Âu, tôi cứ ngỡ như giấc mơ thuở nào đã được bày ra trước mắt.

Nằm trên bình nguyên rộng lớn của vùng Old Castile, Segovia là một thành phố cổ gắn liền với những truyền thuyết, trong đó người ta cho rằng thành phố này được xây dựng bởi thần Hercules hay bởi con trai của Noah - nhân vật đã cứu loài người thoát khỏi nạn đại hồng thủy kinh hoàng. Lịch sử lâu đời của Segovia bắt nguồn từ khi những bộ tộc Celtiberian đầu tiên khai phá những vách đá vôi lờm chờm, dựng đứng cao hơn 1.000m so với mặt nước biển, đặt nền móng cho một mảnh đất huy hoàng. Cái tên Segovia xuất phát từ Segobriga, theo tiếng Celtic nghĩa là “thành phố chiến thắng”. Mặc năm tháng trôi, thành phố này vẫn vững vàng trụ lại qua những cuộc chiến tranh cát cứ kéo dài, thoát khỏi sự chiếm đóng của người La Mã rồi lại nằm dưới sự thống trị của triều vua Alfonso, cứ suy tàn rồi lại hùng mạnh, chìm trong lãng quên rồi lại bừng lên thịnh vượng.

Vẻ đẹp của quá khứ hiển hiện khắp nơi ở Segovia. Tôi không còn nhớ chính xác mình đã đi bộ từ ga tàu vào trung tâm thành phố như thế nào, chỉ nhớ khi đến trước quảng trường Azoguejo

ở trung tâm, tôi đã giặt mình sửng sốt.

Trước mắt tôi là The Aqueduct, tháp dẫn nước kỳ vĩ của người La Mã giống như một chiếc lược đá khổng lồ cắm thẳng xuống mảnh đất đầy nắng và gió.

Được xây dựng vào cuối thế kỷ I dưới sự trị vì của Hoàng đế Nerva, và liên tục được sử dụng cho tới tận giữa thế kỷ XIX, công trình tiêu biểu cho kỹ thuật xây dựng điêu luyện của đế chế Roma này có chức năng dẫn nước từ dòng suối Fuenfria nằm trên ngọn núi cách đó 17km. Nước được đưa về thành phố sẽ chảy qua tháp Almenara, nơi khổng chế chỉ cho phép 20 lít nước chảy qua mỗi giây, sau đó chảy qua tháp thứ hai nơi nó được lọc sạch cát và các chất bẩn. The Aqueduct dài tới hơn 728m bao gồm hàng trăm kết cấu vòm ấn tượng làm từ 25.000 khối đá granite. Điều kỳ diệu là toàn bộ những khối đá này được ráp lại với nhau hoàn hảo và chính xác tới mức những người thợ cổ xưa không cần dùng tới một giọt xi-măng! Có lẽ vì thế mà cư dân nơi đây đặt tên cho công trình này là “the Puente de Diablo” hay “Chiếc cầu của Quỷ”.

Cái tên này bắt nguồn từ một truyền thuyết mà người ta đã truyền nhau từ bao đời rằng một con quỷ đã xây dựng The Aqueduct trong đêm để chiếm tâm hồn một người phụ nữ trẻ. Tuy nhiên tiếng gà gáy và những tia nắng bình minh đầu tiên đã khiến con quỷ không thể đặt phiến đá cuối cùng và đành bỏ cuộc. Sau này một vị mục sư đã ra lệnh đặt một bức tượng Đồng trinh và Thánh Stephen ở khoảng trống này, truyền thuyết cũng kể rằng những lỗ nhỏ trên bề mặt của đá là dấu vết bàn tay của quỷ khi xưa.

1.000 năm sau tuyệt tác của người La Mã, Segovia chứng kiến một công trình đặc sắc khác ra đời, cung điện hoàng gia Alcazar. Nằm trên đỉnh một khối đá hùng vĩ, Alcazar in bóng trên dòng sông Eresma và Clamores lững lờ chảy dưới chân. Trong lịch sử của mình, Alcazar có vai trò như một cung điện của các triều vua Castille; ngoài ra đây còn là một pháo đài phòng thủ, một nhà tù quốc lập, trường học quân sự và nay là

một bảo tàng. Trông xa, Alcazar tạo thành một quần thể vững vàng giống như một mũi tàu. Có lẽ vì thế mà chính tại nơi đây, nữ hoàng Isabel đã đồng ý tài trợ cho chuyến viễn du của nhà thám hiểm Christopher Columbus tới Tân Thế Giới.

Trên nền trời mùa xuân xanh biếc, những ngọn tháp ngạo nghễ vươn lên giữa những bức tường thành được xây cuốn vừa uy nghiêm vừa mềm mại. Dạo bước trong những căn phòng rộng lớn nơi đây mới hiểu vì sao cung điện tráng lệ này đã trở thành nguồn cảm hứng cho lâu đài cổ tích của nàng Cinderella trong những thước phim quen thuộc của hãng Walt Disney. Cứ ngỡ như chỉ cần lạc chân vào một căn phòng bí mật nào đó thôi là ta sẽ bắt gặp ngay những công chúa, hoàng tử bước ra từ cổ tích.

Từ trên đỉnh Alcazar, có thể phóng tầm mắt bao quát khắp một vùng đồng quê rộng lớn xung quanh. Dõi xuống dưới chân, sẽ thấy một công trình bề thế khác mang dáng dấp Gothic, đó chính là thánh đường Segovia. Được bắt đầu xây dựng từ thế kỷ XVI và mãi tới năm 1768 mới hoàn thành, thánh đường này thờ Đức mẹ Đồng trinh Mary và nằm trong số những nhà thờ lớn nhất Tây Ban Nha với vô vàn những tháp cao vút tỏa lên trời như những đợt măng non.


Từ thánh đường cho tới cung điện Alcazar hay Aqueduct, Segovia như dẫn người ta du hành vượt thời gian trở lại những thời kỳ xưa cũ. Qua thág năm, kết tinh của mỗi thời kỳ lịch sử đều để lại những dấu ấn sâu đậm lên kiến trúc của mảnh đất này, với những công trình cổ của người La Mã đan xen với kiến trúc hiện đại, những nhà thờ Thiên Chúa uy nghiêm theo lối Gothic nằm kề bên thánh đường Hồi giáo, những con đường nhỏ vắn xoắn lát gạch thời Trung Cổ dẫn lên những pháo đài phòng thủ kiên cố và những bức tường thành dài như mũi tên bay. Tất cả tạo thành những lớp lang chồng lên nhau, xen kẽ mà hòa hợp.

Phong cảnh trữ tình giảng giữa núi sông của mảnh đất này đã mang lại những hình ảnh so sánh đầy chất thơ “cái bóng

nghiêng của những công trình kiến trúc ở Segovia vẽ trên nền trời trong xanh của vùng Castilian giống như một con thuyền làm bằng đá, chỉ đang đợi hai dòng sông Eresma và Clamores chảy dưới chân dâng nước ngập vùng thung lũng và con thuyền sẽ rẽ sóng ra khơi”. Những truyền thuyết thấm đẫm trong từng phiến đá, hàng cây ở xứ này khiến người ta dễ dàng lạc bước vào cổ tích. Đêm Segovia bàng bạc ánh trăng, tôi dạo bước trên quảng trường Mayor lộng gió. Thánh đường lớn vẫn đứng đó như trăm năm qua.

Có một vì sao trên trời vừa đổi ngôi. Tôi nhắm mắt lại, thấy mình trở lại thời trẻ thơ, ngỡ như chỉ vươn tay lên trời là có thể hái được cả những vì sao và chạm vào “đường viền của những giấc mơ” như những lời thơ cũ của Antonio Machado, thi sĩ nổi danh của Segovia.

Xứ thanh bình Prenning

 iữa chuyến đi dài vòng quanh nhiều thành phố của châu Âu, bất ngờ Stefan, một người bạn thân thiết hỏi tôi: “Đã bao giờ bạn tới thăm một ngôi làng nhỏ xíu ở nông thôn nước Áo chưa?”. Sau câu hỏi ấy vài ngày, lịch trình của tôi đã có sự thay đổi. Bỏ qua những thành phố lộng lẫy, những phố phường tấp nập, những trung tâm mua sắm phồn hoa, tôi vác ba lô lên đường tới làng Prenning ngoại ô thành phố Graz, quê hương Stefan.

Trước đó tôi đã có dịp đến thăm thủ đô Vienna; đi nghe hòa nhạc ở Salzburg nhưng đây sẽ là lần đầu tiên tôi có dịp về một miền quê nước Áo. Vác balô lên đường, thấy lòng mình vừa háo hức vừa chông chênh đến lạ.

Từ ga trung tâm thành phố Graz, chúng tôi đi tàu thêm 20 phút nữa ngược lên phía Bắc để tới làng Prenning thuộc vùng Deutschfeistritz. Xuống ga tàu, Stefan đưa tôi vòng theo con đường đất mịn màng để tới The Cottage Feuerlöscher, căn nhà khách nhỏ nơi tôi sẽ trú ngụ trong những ngày sắp tới.

Đi chừng 20 phút, ngôi nhà mộc mạc hiện ra sau tán cây. Hàng rào gỗ trước hiên nhà vẫn còn đọng một lớp tuyết chưa kịp tan dưới làn nắng mỏng manh như khói. Những ngày cuối xuân, thời tiết đã hửng lên đôi chút, tuy khí trời vùng núi vẫn khiến tôi co ro trong chiếc áo lạnh. Rặng núi phía xa còn phủ nguyên màu trắng, cánh đồng vẫn xám xịt và lũ cừu ngoan ngoãn vẫn phải gặm cỏ khô dự trữ từ mùa trước.

Thoang thoang trong không khí là mùi nồng nồng của đất, của cỏ, mùi phân gia súc, rơm khô, mùi củ cháy trong lò sưởi, mùi khói, mùi sương và nắng sớm quyện vào nhau. Ở thành phố nhiều, cứ ngỡ như tôi đã quên cái mùi ấy từ lâu lắm. Thế mà bây giờ đi dạo trên con đường đất men theo sườn đồi thấy

lòng mình thật nhẹ nhàng và đầm ấm, cái mùi nông thôn thuần khiết ấy neo giữ con người ta bền chặt đến lạ. Bảo sao Gerald, đã sống ở nơi này từ khi còn thơ bé, tới tận bây giờ hơn 70 tuổi, ông vẫn gắn bó với nghề nông của mình.

Cũng giống như bao người dân khác ở vùng đất này, ông thích chia sẻ về cuộc sống nông trại, về đàn cừu lớn nhất trong vùng, về những thung lũng bình lặng, những nghề truyền thống đã bị phai pha, và bí mật của chuyện bếp núc. Ông tự hào khoe, cái món xúc xích này là từ thịt cừu của nhà nuôi này, súp bí ngô cũng là của nhà trồng này, salad khoai tây với xà lách cũng là của nhà này hết đây.

Căn nhà The Cottage Feuerlöscher nơi ông Gerald đang sống và coi sóc có lịch sử tương đối đặc biệt. Bắt nguồn từ năm 1884, một người thợ gốc Bohemian Daniel Baptist Feuerlöscher mua ngôi nhà này và mảnh đất xung quanh để xây dựng nên một nhà máy giấy. Ngôi nhà khi đó trở thành trụ sở công ty và cũng là nơi gặp gỡ của giới tri thức địa phương như họa sĩ Axl Leskoschek, nhà điêu khắc Walter Ritter hay chính trị gia Ernst Fischer.

Cái chết của Lilly Feuerlöscher, người sở hữu cuối cùng của ngôi nhà và việc đóng cửa nhà máy vào những năm 70 của thế kỷ XX đã khiến cho ngôi nhà chìm vào quên lãng. Năm 2004, Gabriel Hirnthaler mua lại tài sản này, khôi phục lại căn thận và mở cửa đón khách trở lại.

Ông chủ nhà chắc cũng là người hoài cổ nên trong nhà từ tranh treo tường ở phòng ăn, cho tới chiếc dương cầm và bộ salon trong phòng khách, chiếc lò sưởi khổng lồ bằng gốm xanh trong phòng ngủ đều toát ra vẻ trầm ngâm của quá khứ.

Tối hôm thứ hai, ông Gerald đã sắp xếp cho chúng tôi cùng một nhóm du khách tới thăm một trang trại gần đó để thưởng thức một vài đặc sản nổi tiếng của vùng Styria. Gọi là một “trang trại gần đó” theo lời ông Gerald, nhưng để tới nơi, cũng mất cả tiếng đồng hồ đi bộ. Trang trại nằm phía kia sườn đồi,

nên chúng tôi phải lòng vòng trên con đường đất vẫn còn đầy dầu tuyết và rải rác những quả thông rụng. Dưới bầu trời đêm đầy sao, không gian miền quê tĩnh lặng, chỉ có tiếng gió hơi lao xao và tiếng cười nói, trêu đùa của nhóm chúng tôi. Thỉnh thoảng trên đường gặp một vài căn nhà nhỏ bên sườn đồi hắt ánh đèn vàng ấm cúng giữa màn đêm dày và tối.

Bữa tối hôm ấy bắt đầu bằng món súp nấm và khoai tây đặc biệt, đồ uống có nước táo do nhà tự làm. Món chính có bánh cải bắp nướng và salad rau trộn với tinh dầu hạt bí ngô, tráng miệng với bánh sôcôla phết kem tươi. Riêng tinh dầu từ hạt bí ngô là đặc sản trong vùng này, thậm chí còn được mệnh danh là “thứ vàng đen của Styria”. Loại bí ngô này không phải bí ngô màu vàng cam như thường thấy mà là bí ngô có vỏ sọc vân hai màu xanh trắng, thích hợp với khí hậu ở đây. Tinh dầu từ hạt bí ngô có thể dùng để trộn salad, rưới lên món trứng cuộn ăn sáng, rưới lên kem vanilla, thậm chí một số người còn dùng để pha một loại cocktail đặc biệt.


Kết thúc bữa tối chay đơn giản mà ngon miệng, cả nhóm lại rong rảnh về nhà. Ông Gerald đã về từ trước, để lại cây đèn soi đường. Giữa đêm tối dày đặc, chúng tôi cứ bám theo dấu tuyết cũ trên con đường mòn mà đi, thảm sao trên trời càng ngày càng sáng. Dimitra, cô gái Đức có cái tên của một vị thần Hy Lạp chợt cất lên giọng hát cao vút “ I’ll never forget. In all of my life, I’ve never had this feeling before”...

Những ngày tươi đẹp ở Prenning trôi qua thoảng như gió! Chia tay Prenning tôi vẫn còn lời hẹn với ông Gerald sẽ trở lại đây vào mùa thu, đến thăm những trang trại trồng nho vào mùa thu hoạch và uống thứ rượu non của mùa mới. Tôi cũng hẹn Stefan sẽ quay lại vào mùa đông để cùng anh đi chợ Giáng sinh và lên núi trượt tuyết.

Trên đường từ sân bay về nhà, hai bên đường đã lại thấy những búp thủy tiên đang lên xanh mơn mớn. Rồi chẳng mấy chốc nữa lại tháng Tư, hoa thủy tiên nở vàng và mùa xuân sẽ về đầy ắp. Giữa cái giá lạnh của thời tiết London, bất chợt tôi thấy lòng

mình ấm áp. Cuộc sống vốn đẹp từ những điều giản dị; thế thì cứ cười lên đi thôi nhỉ, để thấy lòng hạnh phúc như những người nông dân ở Prenning thanh bình.

“Hoài” Salzburg

ôi không biết mình đã yêu âm nhạc của Mozart từ bao giờ. Có lẽ từ khi tôi chuyển đến sống ở một căn hộ nhỏ bên bờ Nam sông Thames, nơi có người hàng xóm lãng mạn hàng ngày đều đặn bật những bản nhạc du dương của Mozart. Hay từ lần đầu tiên tôi được xem trọn vẹn vở nhạc kịch opera hoành tráng “Cây Sáo Thần” ở nhà hát hoàng gia Covent Garden. Hình ảnh nữ hoàng bóng đêm lộng lẫy bước ra sân khấu ngân lên tiếng hát cao vút đem đến cho tôi một ấn tượng choáng ngợp đến khó tả. Mà có lẽ tôi yêu Mozart từ một đêm xem vở “Đám cưới Figaro”, để rồi tiếng hát lạnh lạnh “ding ding, dong dong” của nàng Suzana xinh đẹp còn theo trọn vào cả giấc mơ.

Cuộc đời thật nhiều tình cờ. Một ngày đẹp trời, bước chân phiêu lưu đưa tôi đến Salzburg, thành phố nơi Mozart đã sinh ra và sống một nửa quãng đời tài hoa bạc mệnh. Giống như muôn vàn những kẻ say mê opera trên cõi đời này, một lần về với Salzburg được xem như một cuộc hành hương, như người ta vẫn thường nói ‘Tôi yêu nước Áo vì nước Áo có Salzburg. Tôi yêu Salzburg vì Salzburg đã sinh ra Mozart’.

Một cảm giác êm đềm bao trùm ngay lấy tôi khi vừa bước ra khỏi ga tàu. Thành phố dịu dàng nép mình trong thung lũng dưới chân núi Festungsberg với pháo đài Hohensalzburg uy nghi; dòng sông Salzach xanh như một giấc mơ, uốn mình bao lấy những con phố nhỏ. Ngay bên sông là một tác phẩm nghệ thuật sắp đặt đương đại với những chiếc ghế được xếp hàng ngay ngắn mời bạn nghỉ chân trong tiếng nhạc du dương, bên cạnh là dòng chữ: “Hãy ngồi đây, nhắm mắt lại, quên đi chính mình và đánh mất cả những cảm nhận về thời gian”.

Đấy, một thành phố đón chào khách phương xa như thế, bảo sao không làm mềm lòng và níu chân du khách phương xa.

Theo một truyền thuyết, Salzburg có nghĩa là “Pháo Đài Muối”, bắt nguồn từ những chiếc thuyền chở muối trên dòng Salzach. Cái tên Salzburg bắt đầu xuất hiện trên văn bản giấy từ từ năm 755, từ đó đến nay, thành phố đã trải qua bao thăng trầm của lịch sử. Ngày nay, pháo đài Hohensalzburg, công trình kiến trúc lịch sử lớn nhất trong khu vực Trung Âu thời Trung Cổ được xây dựng từ thế kỷ XI và kéo dài tận sáu thế kỷ sau đó mới xây xong vẫn còn hiện diện sừng sững như một chứng nhân quan trọng cho lịch sử thành phố.

Dạo bước trên những con đường nhỏ quanh co trong khu phố cổ, đi qua phố Nonntal, Molln, tôi có cảm giác như những dấu ấn của quá khứ hàng trăm năm trước vẫn còn đọng lại đâu đây, trong những kiến trúc đặc sắc thời kỳ Trung Cổ, thời Phục Hưng, những nhà thờ mang đậm đặc trưng Baroque: nhà thờ lớn Salzburg, tu viện thánh Peter, nhà thờ của Đại học Salzburg, nhà thờ dòng Franxican, nhà thờ Michael...

Đi lòng vòng trong phố cổ hồi lâu rồi tôi cũng tìm thấy ngôi nhà của Mozart - Mozarts Geburtshaus. Nơi đây vào ngày 27 tháng 1 năm 1756 người nghệ sĩ thiên tài đã cất tiếng khóc chào đời và lớn lên trong sự dạy dỗ của người cha cũng là một nghệ sĩ violin danh tiếng. Một nhạc sĩ khác Joseph Haydn đã nhận xét về Mozart rằng “Hậu thế sẽ không nhìn thấy một tài năng như vậy một lần nữa trong 100 năm”. Hơn hai trăm năm đã qua đi, Mozart vẫn giữ một vị trí trang trọng trong lịch sử âm nhạc thế giới. Ngày nay, ngôi nhà với mặt tiền sơn vàng ươm của ông trở thành nơi thăm quan để người ta ngưỡng mộ và luyến tiếc một thiên tài đã ra đi khi tuổi đời còn quá trẻ. Trong bảo tàng độc đáo này về Mozart và gia đình, còn lưu giữ những bức thư và rất nhiều kỷ vật gắn liền với nhạc sĩ, bao gồm trong đó chiếc violin mini ông từng chơi khi là một cậu bé, một lợn tóc và chiếc khuy áo của ông.

Cách nhà của Mozart không xa là một địa danh khác cũng gắn liền với âm nhạc, giáo đường Stift Nonnberg, giáo đường cổ nhất thế giới dành cho các nữ tu theo dòng Benedictine bắt

đầu từ thế kỷ thứ VIII. Ngoài ý nghĩa về mặt tôn giáo, đây chính là một trong số các địa danh đã được chọn để quay bộ phim âm nhạc nổi tiếng “Tiếng tơ đồng” (Sound of the music) với nhân vật Maria von Trapp được lấy nguyên mẫu từ cô giáo trường dòng Maria Augusta Kutschera của Nonnberg sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tôi nán lại nơi giáo đường hồi lâu, tưởng tượng ra những giai điệu quen thuộc của bài hát “My favourite things” trong phim với những ca từ thật bay bổng: “Những hạt mưa trên bông hồng và sợi râu của mèo con... những con ngỗng hoang bay qua mặt trăng trên đôi cánh của mình... những bông tuyết đậu trên mũi và lông mi... Đó là những thứ mà tôi yêu thích”.

Cuối buổi chiều, sau khi đã mệt nhoài vì trèo lên đỉnh pháo đài Hohensalzburg để ngắm thành phố từ trên cao, sau khi đã đi dạo vài vòng quanh phố cổ, uống một cốc cafe trong một quán địa phương bài trí ấm cúng, tôi lững thững thả bộ dọc theo sông Salzach.


Có ai đó từng miêu tả một con sông thật gợi cảm thế này: “Con sông dùng dằng, con sông không chảy”. Tôi cũng mượn những lời như thế để nói về sự dụi dằng của dòng Salzach. Con sông làm cho thành phố thơ mộng thêm bao nhiêu và mang cho cuộc sống này thêm nhiều chất thơ lắm. Con sông đã chứng kiến bao đổi thay của thành phố này, đã nhìn thấy những đứa con của thành phố, những người như thiên tài Mozart, linh mục Josef Mohr, nhạc công Franz Xaver Gruber (tác giả của bài thánh ca “Đêm Thánh vô cùng” bất hủ) sinh ra, lớn lên rồi lại ra đi. Chỉ có dòng sông vẫn miệt mài chảy qua năm tháng.

Không gian buổi chiều thanh vắng tới lạ kỳ. Chỉ nghe lộc cộc tiếng những chú ngựa kéo xe chở du khách, tiếng nhạc cất lên từ cửa sổ một ngôi nhà nào đó, có lẽ một cậu bé nào cũng đang tập những nốt dương cầm đầu tiên. Một chiếc lá khe khẽ đậu xuống chân tôi. Tôi nhắm mắt lại, tận hưởng những phút giây bình yên và thi vị của Salzbug.

Có một nhà văn từng viết: “Rằng con người rồi ai cũng như ai, đều phải đi hết buồn vui của cuộc đời, chỉ khác nhau một chữ thôi. Chữ Hoài”. Tôi biết rằng rất nhiều năm sau nữa, dù khi đã đi đến nhiều thành phố khác, tôi sẽ không quên được thành phố êm ả này. Và vì thế, nếu để chọn một tên gọi cho bài viết này, tôi sẽ gọi đó là “Hoài Salzburg”.

Krakow - Cổ đô ngàn tuổi

Lâu lắm rồi tôi mới có cảm giác tỉnh dậy giữa tiếng âm thanh va vào đường ray lạch cạch của những chiếc tàu điện đã cũ, nắng sớm tràn qua cửa sổ, bình minh rực rỡ mời gọi phía trước. Từ cửa sổ khách sạn có thể thấy tháp thoáng ngọn tháp cao vút của lâu đài nằm trên sườn đồi Wavel thoai thoải. Một niềm vui dịu dịu nhẹ nhàng xâm chiếm lấy tôi. Không yêu sao được vì cuối cùng tôi đã tới đây như lời hẹn ngày nào với người bạn cũ Anna Wojna xinh đẹp. Tôi đang ở Krakow, cổ đô ngàn tuổi, thủ đô tinh thần của hàng triệu người dân Ba Lan.

a mươi (36) tiếng sau khi rời Hà Nội, tôi đã transit ở hai sân bay quốc tế, đi mấy lượt tàu hỏa, xe bus, đôi bạn nhăm tàu điện và dăm lần lạc bước, tôi mới có mặt ở Krakow. 6 giờ chiều, mặt trời đang buông dần trên dòng Vistula lấp lánh. Một cơn gió từ sông thổi vào mát dịu. Những mệt mỏi của việc di chuyển tàu xe theo gió bay mất. Tôi vội vàng bỏ ba lô ở khách sạn rồi cầm bản đồ lò dò vào trung tâm thành phố trong sự ngạc nhiên bối rối của cô bạn cùng phòng “chẳng lẽ cậu không cần nghỉ ngơi chút gì à?”. Khách sạn nằm ngay trung tâm thành phố nên chẳng khó gì tôi đã có thể đi bộ dọc theo con đường Hoàng Gia, con đường làm lễ đăng quang của các nhà vua Ba Lan, bắt đầu từ nhà thờ St Florian bên phía Bắc của khu thành cổ, đi qua Barbican đến khu Stare Miasto qua cổng Florian, xuôi xuống phố Florianska qua quảng trường lớn, tới lâu đài Wavel soi bóng xuống dòng Vistula.

Trong thoáng chốc tôi đã có mặt ở quảng trường trung tâm với tiếng ồn ào huyên náo của khách du lịch, những quán ăn đông kín khách, từng tốp thanh niên chăm chú xúm quanh những trò biểu diễn ảo thuật, vắng trong không gian là tiếng đàn sô nổi của những nghệ sĩ đường phố. Buổi tối hè trăng tròn, ánh trăng hòa cùng ánh đèn vàng ấm áp rọi xuống những

công trình kiến trúc đường bộ. Bên phải tôi, nhà thờ St Mary với ngọn tháp đôi rạng rỡ. Phía trước là tháp của tòa thị chính, còn bên tay trái là Cloth Hall với kiến trúc Phục Hưng cân xứng.

Tôi chọn một góc yên tĩnh nhất trên quảng trường lắng nghe một chàng trai chơi những bản tình ca rất ngọt, mãi sau mới được anh giải thích đó là những giai điệu Tango Địa Trung Hải. Người nghe đông dần lên cho tới khi vây kín quanh anh thành một vòng tròn, vài người trẻ dập gót theo điệu nhạc, những người già hơn nghe chăm chú, những du khách không thể nán lại lâu hơn, lặng lẽ thả vào chiếc mũ dăm đồng xu lẻ. Có một điều gì đó rất đẹp trong những giây phút ấy với tôi. Hình như đã lâu lắm rồi tôi không nghe ai chơi đàn say mê và hồn nhiên như thế. Krakow, đêm tháng sáu sáng hồng. Tiếng guitar bập bùng, gương mặt chàng nghệ sĩ sáng lên dưới ánh trăng.

Ngày hôm sau tôi trở lại quảng trường trung tâm từ sớm để gặp Anna và được bạn dẫn đi thăm thành phố. Được coi là một trong những thành phố đẹp nhất của châu Âu, di sản văn hóa của Krakow trải dài từ thời kỳ Gothic, Phục Hưng và những kiến trúc Baroque duyên dáng với vô vàn nhà thờ, cung điện, dinh thự lộng lẫy.

Khởi đầu từ một làng nhỏ trên đỉnh đồi Wavel, tài liệu nhắc tới địa danh Krakow xuất hiện lần đầu tiên vào năm 965. Trong tài liệu này thương gia Abraham ben Jacob nhắc tới một thành phố giàu có nằm ở trung tâm của các tuyến giao thương và bao quanh bởi rừng cây. Sau này Krakow nhanh chóng phát triển trở thành một trung tâm kinh tế quan trọng của đất nước Ba Lan và là thủ đô trong nhiều thế kỷ cho đến khi Sigismund III Vasa quyết định dời đô về Warsaw.

Krakow đã bước ra khỏi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai gần như nguyên vẹn, đây là một điều thần kỳ khi mà phần lớn các thành phố khác của Ba Lan đều bị tàn phá đến tan hoang. Chính vì điều này mà Krakow còn giữ lại trong lòng rất nhiều những di sản quý báu. Người ta ước tính rằng ở thành phố này có khoảng 6.000 địa danh lịch sử và hơn hai triệu tác phẩm

nghệ thuật.

Trên quảng trường trung tâm, nổi bật nhất phải kể tới nhà thờ St Mary với ban thờ theo phong cách Gothic lớn nhất thế giới được chạm khắc bởi Veit Stoss. Từ tháp chuông chính của nhà thờ, đều đặn mỗi giờ đều vọng lên tiếng kèn trumpet. Điệu kèn này được cất lên để thông báo việc đóng và mở cổng thành, tuy nhiên thường bị ngắt giữa chừng. Theo truyền thuyết, một người lính canh gác đã thổi kèn để báo hiệu cho dân chúng về sự xâm lược của quân Tatar vào thế kỷ XIII, nhưng anh đã bị một mũi tên của quân Tatar bắn chết, vì thế tiếng kèn bị ngừng đột ngột để tưởng niệm người lính anh dũng nọ.

Đối diện với nhà thờ là công trình Cloth Hall (hội trường vải), nơi những nhà lái buôn trong thế kỷ XV, XVI gặp gỡ để trao đổi những mặt hàng nhập khẩu từ phương Đông như gia vị, lụa, da, sáp và bán những sản phẩm địa phương như vải vóc, chì và muối lấy từ mỏ muối Wieliczka gần đó.

Dù không bị Chiến tranh thế giới thứ hai tàn phá nặng nề nhưng không thể nói tới lịch sử Krakow mà quên đi những ám ảnh nặng nề của cuộc chiến ở thành phố này. Trong suốt thời kỳ bị phát xít Đức chiếm đóng, người dân Do Thái ở Krakow đã bị dồn vào sống ở những khu Ghetto trước khi bị đưa đến những trại tập trung kinh hoàng như trại Auschwitz hay trại Plaszow. Chính thành phố này là bối cảnh lịch sử để đạo diễn Steven Spielberg quay bộ phim nổi tiếng “Bản danh sách của Schindler”, ngày nay khu nhà máy này đã trở thành một bảo tàng lịch sử.

Riêng cá nhân tôi, tôi ấn tượng hơn cả với một khu tưởng niệm đặc biệt dành cho những nạn nhân Do Thái đã bị sát hại trên quảng trường Anh Hùng (the Ghetto Heroes's square). Công trình tưởng niệm đặc biệt này được thiết kế bởi hai kiến trúc sư người Ba Lan Piotr Lewicki và Kazimierz Łatak bao gồm 33 chiếc ghế cỡ lớn và 37 chiếc ghế nhỏ được sắp đặt rải rác mọi góc trên quảng trường. Chính trên quảng trường này, phát


xít Đức đã phá hủy những đồ đạc của người Do Thái, rồi tập trung họ ở đây để tử hình. Chiếc ghế trống đơn côi dường như đang chờ đợi những người chủ cũ mãi mãi không bao giờ trở về nữa.

Chiều dần buông, tôi chia tay Anna về lại khách sạn. Bước dọc bờ sông, tôi nhớ lại một ngày đầy ắp những câu chuyện về lịch sử của Krakow. Bên dòng Vistula lấp lánh nắng chiều, lũ trẻ đang háo hức xem một chú rồng sắt phun lửa, một thần thoại nữa của Krakow.

“Có quá nhiều câu chuyện để kể ở thành phố này. Đó là điều khi đi xa tôi thấy nhớ nhiều nhất”, Anna đã nói như thế về thành phố quê hương mình. Còn tôi, tôi sẽ nhớ gì khi rời thành phố này? Phải chăng tôi sẽ nhớ lâu đài thành quách, nhớ thánh đường nguy nga, nhớ người chủ nhà máy Schindler và câu nói nổi tiếng của ông: “Khi bạn cứu một người là cứu cả thế giới”? Có lẽ tôi sẽ nhớ tất cả những điều ấy. Nhưng trên hết, có lẽ tôi phải cảm ơn Krakow vì ở đây tôi đã tìm lại niềm đam mê đi và trải nghiệm, đam mê được nghe những câu chuyện của các thành phố và thấy rằng cuộc sống này chẳng phải đẹp lắm sao?

Warsaw: Chiến tranh, âm nhạc và sự hồi sinh

Chiến tranh và cuộc hồi sinh ngoạn mục

 arshaw, thủ đô nước cộng hòa Ba Lan không phải một thành phố được nhắc tới nhiều trong những cuốn sách hướng dẫn du lịch châu Âu. Khi đến Ba Lan, người ta thường nhắc tới Krakow như một cố đô đầy duyên dáng và cuốn hút, trong khi đó Warsaw, một thành phố mới được kiến thiết lại, thường ở vị trí khiêm tốn hơn. Vì vậy tôi chỉ coi đây như một điểm dừng chân ngắn trên hành trình khám phá Đông Âu của mình. Nhưng như rất nhiều chuyến đi khác, tôi đã đổi lịch bay để ở lại đây một tuần thay vì chỉ một ngày transit như kế hoạch ban đầu. Lịch sử cuốn hút, những truyền thuyết thú vị và nhịp sống sôi động của thành phố này đã níu chân tôi ở lại.

Cái tên Warsaw bắt nguồn từ một câu chuyện cổ tích lãng mạn. Warsaw là viết tắt của hai tên riêng Wars và Sawa. Sự tích dân gian kể rằng Sawa là một nàng tiên cá quyến rũ trên sông Vistula, con sông dịu dàng chảy qua lòng thành phố. Anh ngư dân Wars bắt được nàng tiên cá đã đem lòng yêu mến. Khi được thả ra, nàng tiên cá hết sức mang ơn và hứa sẽ bảo vệ cho thành phố mãi mãi. Chính vì thế mà trên quảng trường trong khu phố cổ của Warsaw có bức tượng nàng tiên cá cầm kiếm và khiên hùng dũng, thay cho hình ảnh nàng tiên cá e lệ mà chúng ta thường thấy ở thành phố phương Bắc Copenhagen.

Có thể nói không ngoa rằng lịch sử của Warsaw là lịch sử của những cuộc chiến giành độc lập kéo dài liên miên.

Nếu như sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Krakow đã bước ra khỏi chiến tranh nguyên vẹn một cách thần kỳ, thì Warsaw

gần như đã bị phát xít Đức san phẳng. Đến nỗi, tổng thống Mỹ đương thời Dwight Eisenhower khi đến thăm Ba Lan đã phải thốt lên: “Tôi đã chứng kiến nhiều thành phố bị phá hủy, nhưng chưa ở đâu sự phá hủy lại khủng khiếp như ở đây”.

Tuy thế, sau chiến tranh, Warsaw đã có một cuộc hồi sinh ngoạn mục. 85% các công trình của thành phố đã bị phá hủy đều được tái thiết và xây dựng lại trong đó khu phố cổ được phục dựng gần như nguyên dạng và được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Khu phố cổ - Stare Miastro là một tổ hợp các lâu đài, cung điện, thánh đường được trang hoàng cầu kỳ. Những ngôi nhà trong khu vực này được xây dựng lại mô phỏng theo kiến trúc những ngôi nhà của các thương nhân giàu có ở Warsaw vào thế kỷ XVII với mặt tiền được sơn các màu đỏ, cam, vàng rực rỡ và trang trí bằng các hoa văn tinh tế.

Nằm ở trung tâm khu phố là tượng đài hoàng đế Zygmunt III Waza, người đã có công chuyển thủ đô từ Krakow về Warsaw vào năm 1644. Tượng đài nguyên bản cao 22m, trên đó là bức tượng nhà vua cao 275cm, một tay cầm kiếm biểu trưng cho lòng dũng cảm, một tay cầm thánh giá biểu tượng cho tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Theo truyền thuyết, nếu cây kiếm của nhà vua rơi xuống, thảm họa sẽ xảy ra. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, bức tượng đã bị rơi và tượng đài bị phá hủy. Tượng đài mới được dựng lại cách đó không xa. Từ trung tâm khu phố cổ, tôi dạo bước trên con đường Hoàng Gia - Royal Route để tới nhà thờ Holy Cross - nơi gắn bó với tên tuổi của nhạc sĩ thiên tài Fryderyk Chopin.

Theo dấu chân Chopin ở Warsaw

Chopin, người nhạc sĩ tài hoa là một trong số những người con nổi tiếng nhất của Warsaw. Mặc dù sau này ông sống nhiều năm tại Paris nhưng Warsaw là nơi ông gắn bó trong suốt thời niên thiếu của mình. Chính tại nơi đây, ông bắt đầu học nhạc, có buổi hòa nhạc đầu tiên, và trải nghiệm những rung cảm tình yêu đầu đời. Hàng loạt những công trình gắn bó với Chopin giờ đây còn nằm rải rác nhiều nơi trong thành phố, từ công viên

Kazimierzowski nơi ông từng dạo chơi cho tới Kazimierzowski Palace, nơi gia đình Chopin từng sống tại một căn hộ trên tầng 2 từ năm 1817 tới 1827.

Ông rời quê hương Ba Lan năm 20 tuổi và từ đó cho đến khi lìa đời chưa một lần trở lại Warsaw. Chopin mất năm 1849 và được chôn cất tại nghĩa địa Père Lachaise của Paris. Khi mất đi, nguyện vọng của ông là trái tim mình sẽ được về lại quê hương. Người chị gái của ông Ludwika đã giúp ước mơ ấy trở thành hiện thực. Ngày nay, trái tim của Chopin được yên nghỉ trong nhà thờ Holy Cross trên phố Krakowskie Przedmieście. Người yêu nhạc từ khắp nơi trên thế giới hàng năm đều đổ về đây để tưởng nhớ người nhạc sĩ thiên tài. Trước một nhân cách lớn, ta cúi đầu, trước một trái tim lớn, ta quỳ gối. Hôm nay tôi đã có dịp quỳ gối trước trái tim của Chopin - người nghệ sĩ vĩ đại. Ông ra đi nhưng những bản piano bất hủ còn mãi. Mỗi chiều chủ nhật mùa hè, nhạc của Chopin được chơi đều đặn trong công viên Lazienki.


Sẽ không trọn vẹn về chuyến đi Warsaw của tôi nếu không nhắc tới người bạn đặc biệt cùng phòng trọ - Lena Hans, một bà cụ đến từ phía Bắc Phần Lan năm nay đã 76 tuổi với nước da hồng hào và mái tóc bạc trắng như cước. Nhìn đôi giày và cách ăn mặc của bà cụ, tôi biết ngay đây là người đã dành cả đời mình cho những chuyến đi. Bà đã ba lần vòng quanh thế giới và đặt chân tới 150 nước. Cũng như nhiều du khách khác, Lena đến Warsaw để thực hiện hành trình theo dấu chân Chopin. Ngày nào cũng vậy, bà dậy sớm rồi bắt đầu một ngày dài với những lịch trình khám phá bất tận và chỉ trở về nhà vào tầm mười giờ tối. Cuối ngày, bà bày ra bàn nào là vé vào bảo tàng Chopin, vé xem hòa nhạc như người ta bày ra những chiến lợi phẩm. “Chính âm nhạc và những chuyến đi đã giúp cho tôi tinh thần sảng khoái và lạc quan như thế”, Lena chia sẻ. Suốt một tuần liền, bà trở thành người bạn đồng hành tốt bụng và thông thái của tôi ở Warsaw. Tôi thầm nghĩ khi đến tuổi 76 tuổi, tôi không mong sẽ đi được ngần ấy nước như Lena nhưng hy vọng mình sẽ giữ được lòng ham sống và nhiệt tình với đời

như thế.

Ngày cuối cùng ở Warsaw, chúng tôi dành thời gian thư giãn giữa những luống hoa rực rỡ trong vườn bách thảo. Sau tất cả thăng trầm của những cuộc chiến, dấu ấn của bom đạn ngày nào đã lùi xa, hôm nay Warsaw đã chuyển mình thành một thủ đô văn hóa của châu Âu với những bảo tàng nghệ thuật đa dạng, những vòm hoa xanh mượt trong công viên, những tượng đài uy nghi trong khu phố cổ và di sản âm nhạc giàu có của Chopin.

Khi nhớ về Warsaw, tôi không chú ý nhiều tới hình ảnh hoang tàn của thành phố trong những cuộc chiến tranh. Tôi nhớ nhiều hơn cả tiếng nhạc piano dịu dặt của Chopin hòa trong hương mùa hè thoang thoảng từ một cái cây trong công viên mà tôi còn chưa biết tên. Và vì thế với tôi, Warsaw là thành phố của âm nhạc và sự hồi sinh.

Chiều nghiêng nghiêng nắng ở Prague

 háng Sáu, tôi vo tròn tất cả bận rộn của những ngày chớm hè ném qua cửa sổ toa tàu! Thấy lòng mình nhẹ tênh! Bắt đầu một chuyến đi mới!

Không háo hức sao được vì lần này tôi sẽ đến Prague – thành phố tình yêu. Không rộn ràng sao được vì Andrew bạn đồng hành của tôi đã hứa hẹn bao nhiêu viễn cảnh tươi đẹp “Chúng ta sẽ đi tàu điện lên núi ngắm lâu đài Prague, đón bình minh trên cầu Charles, ngắm hoàng hôn rơi xuống dòng Vltava, sẽ đi ăn dumpling, uống bia Tiệp và nghe những bản nhạc bất hủ dưới mái vòm tuyệt mỹ của một nhà thờ có kiến trúc Baroque”.

Mà hình như ở Prague, thực tế còn ngọt ngào hơn cả những giấc mơ. Ngay cả khi đã dạo bước trên những con đường lát đá cổ kính của thành phố này, tôi vẫn không khỏi ngỡ ngàng. Ánh nắng chiều vàng suộm nhuộm màu óng ả lên những tòa tháp của hàng trăm nhà thờ. Những mái ngói màu đỏ tươi nổi bật trên nền trời xanh thăm thẳm. Dòng Vltava thanh bình miệt mài chảy qua năm tháng.

Thành phố cổ tích

Prague có một lịch sử phát triển trải dài từ những năm 200 trước Công nguyên. Tới thế kỷ XIV, Prague trở nên đặc biệt thịnh vượng dưới thời của nhà vua Charles IV - người đã biến Prague trở thành thủ đô lớn thứ ba ở châu Âu trong thời kỳ này, chỉ đứng sau thành Rome và Constantinople. Chính vua Charles IV cũng là người đặt những viên đá đầu tiên để xây dựng nên cây cầu tuyệt mỹ - cầu Charles và sáng lập nên trường đại học Charles - ngôi trường cổ nhất khu vực Trung Âu.

Vào thế kỷ XIX, nhà toán học Bernard Bolzano đã đếm được khoảng một trăm ngọn tháp trong thành phố và do đó Prague còn được biết đến với cái tên “Thành phố trăm ngọn tháp”. Ngày nay, Sở Du lịch của thành phố ước tính con số này là 500.

Prague đã thoát khỏi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai một cách diệu kỳ khi cả thành phố không phải hứng chịu trận mưa bom và được bảo tồn gần như nguyên vẹn. Ngày nay, lịch sử hàng nghìn năm phát triển của Prague còn in dấu đậm nét trên những lâu đài, thành quách, nhà thờ nằm khắp nơi trong thành phố với đủ các trường phái kiến trúc từ Roman, Gothic, Baroque, Rococo cho tới Neoclasical.

Nổi bật nhất là cụm công trình lâu đài tráng lệ được xây dựng từ thế kỷ thứ IX dưới sự trị vì của hoàng đế Vratislav và con trai St Wenceslas. Sách kỷ lục Guinness đã ghi nhận đây là lâu đài cổ lớn nhất thế giới với tổng diện tích gần 70.000m² xấp xỉ diện tích của bảy sân bóng đá. Trong suốt 13 thế kỷ, cụm công trình này liên tục được xây dựng và hoàn thiện, trong đó bao gồm khu dinh thự hoàng gia, vườn và nhà thờ, nhưng hoành tráng nhất phải kể đến thánh đường St. Vitus.

Từ trên đỉnh đồi Strahov của lâu đài nhìn xuống, cả thành phố bừng lên trong ánh nắng sớm mai, dòng Vltava uốn mình như một dải lụa hững hờ. Vltava là khởi nguồn cảm hứng cho nhà soạn nhạc thiên tài Bedřich Smetana với nhạc phẩm “Đất mẹ”. Đây là dòng sông dài nhất Cộng hòa Séc chảy từ đầu nguồn vùng Sumava gần biên giới với Đức, xuôi mãi qua Český Krumlov, České Budějovice và Prague rồi sau đó hòa vào dòng Elbe ở Mělník.

Trên dòng sông có 18 cây cầu bắc qua mà nổi bật nhất là cầu Charles. Cây cầu này ban đầu có tên là Cầu Đá nhưng sau đó được đặt lại theo tên vua Charles IV, nối liền khu phố cổ với khu Lesser Town. Năm 1905 là năm cuối cùng người ta sử dụng xe ngựa là phương tiện chính di chuyển trên cầu, sau đó được thay thế bằng hệ thống xe điện, xe bus và trở thành cầu cho khách bộ hành như ngày nay. Cầu Charles được xem như

một bảo tàng ngoài trời với 30 bức tượng mang phong cách Baroque ấn tượng.

Với những kẻ tuổi trẻ đang yêu, Charles không phải là một cây cầu bình thường nối hai bên bờ sông, nó còn là cầu hẹn hò, cầu Tình Yêu. Andrew và tôi cùng hòa mình theo dòng người nhộn nhịp bước qua cầu, vừa đi vừa lắng nghe tiếng nhạc rộn ràng của một nhóm nhạc công đang biểu diễn nhạc jazz.

Gần 12 giờ trưa, chúng tôi dừng chân ở quảng trường trung tâm thành phố, ngẩng cổ lên đợi thời khắc giữa ngày khi chiếc đồng hồ ở nhà thờ Con Gà thông thả đổ chuông và một sân khấu nhỏ diễn ra: một chú gà trống bước ra từ tòa tháp cao nhất, những vị thần lần lượt đi qua ô cửa nhỏ. Trên quảng trường, hàng nghìn ánh mắt dõi theo thích thú...

Thành phố đương đại

Prague không chỉ gây ấn tượng mạnh mẽ với những kiến trúc cổ kính mà còn hấp dẫn nhờ những kiến trúc hiện đại rất phá cách trong đó có thể kể tới tòa nhà Nhảy Múa. Với thiết kế độc đáo, nhiều người hình dung tòa nhà này là một cặp nam nữ đang nắm tay và cuốn mình nhảy theo điệu nhạc. Chính vì thế mà tòa nhà này còn được biết tới dưới cái tên Ginger & Fred, tên của cặp nghệ sĩ múa huyền thoại Ginger Rogers và Fred Astair.

Nằm trên góc phố giữa Rasinovo Nabrezi và Resslova, dọc theo dòng Vltava, tòa nhà Nhảy Múa là sự đối lập thú vị với những kiến trúc truyền thống mang phong cách Baroque của thành phố.

Nhắc tới một Prague hiện đại, không thể không kể tới những sáng tạo độc đáo của nghệ sĩ điêu khắc David Cerny. Các công trình của ông nằm ở khắp nơi trong thành phố đã góp phần tạo nên một Prague đa dạng hơn, hiện đại hơn và nhiều màu sắc hơn. Có thể kể tới tác phẩm “Những em bé đang bò - Baby

Cranling” trên tòa tháp Zizokov TV, “Entropa”, tác phẩm sắp đặt tại tòa nhà của Ủy ban châu Âu. Đã nghe nhiều về David Cerny, thậm chí đã từng xem triển lãm của ông ở London, nhưng tôi vẫn bất ngờ khi xem tác phẩm độc đáo của ông ở trung tâm Prague.

Chiều hôm ấy, khi chúng tôi đang đi bộ dưới trời mưa sầm sì ở gần đường Vodickova, Andrew kéo tay tôi bảo: “Vào đây đi, Lucerna kia!”. Lucerna là tòa nhà có kiến trúc cổ kính như bao tòa nhà đẹp khác ở thành phố này. Bên trong có một phòng hòa nhạc, một rạp chiếu phim, một số bar, cafe, nhà hàng cao cấp và các quầy lưu niệm xa xỉ. Thật ra, nếu chỉ có vậy thì tôi không quan tâm lắm, vì tôi không định dành thời gian để shopping.

Nhưng vừa bước chân vào sảnh tòa nhà, đập vào mắt tôi là một công trình điêu khắc hoành tráng, treo lơ lửng từ trên nóc, khắc họa chân dung một kỵ sĩ tay cầm giáo đang cưỡi một chú ngựa chiến.

Công trình này của David Cerny tuân theo tất cả nguyên tắc của một tác phẩm điêu khắc chuẩn mực thường gặp: kích thước hợp lý, cân đối, các chi tiết được khắc họa tỉ mỉ theo đúng nguyên mẫu ngoài đời... chỉ duy nhất có một điểm khác thường khiến nó trở nên nổi (tai) tiếng: thay vì đàn ông cưỡi trên lưng ngựa, nay con ngựa bị lộn ngược, chàng kỵ sĩ (nguyên mẫu là vua Wenceslas) lại ngồi trên bụng ngựa.

Tôi bật cười bảo Andrew, bình thường tôi không mặn mà gì lắm với nghệ thuật đương đại, nhưng con ngựa ngược đời của David Cerny khiến tôi vô cùng thích thú. Hình ảnh một kỵ sĩ oai phong trên lưng ngựa vốn quen thuộc bấy lâu, nay vẫn ông kỵ sĩ hùng dũng ấy, lại chễm chệ trên bụng ngựa như một sự châm biếm mỉa mai, đi ngược lại mọi quy chuẩn thông thường. Mà trong cuộc sống xô bồ này, vốn dĩ chẳng đầy rẫy những sự ngược đời đó sao?

Chúng tôi tạm biệt Prague bằng việc thưởng thức loại bia nổi tiếng X-Beer 33 ở nhà hàng U Medvidku. Loại bia sẫm màu

được lên men trong 6 tháng trong những thùng gỗ sồi này quả thực đã khiến tôi chénh choáng say. Mà không phải, kỳ thực là những mộng mơ ở thành phố này khiến người ta đến một lần rồi đi không dứt.

Ngoài kia, nắng chiều lấp lánh trên dòng Vltava hẹn tôi ngày trở lại.

Berlin - Thành phố Xước



hi chiến tranh đã qua đi, ở nhiều nơi, người ta chọn cách lãng quên!

Berlin không như thế!

Sau hơn 50 năm, hình ảnh hoang tàn của thành phố ngày nào không còn nữa. Berlin giờ lồng lẩy và tươi mới như bất kỳ một đô thị lớn nào ở châu Âu.

Nhưng hình ảnh của cuộc chiến vẫn hiển hiện trong nhiều góc khuất của thành phố, như những vết cứa nhắc nhở người ta nhớ về một quá khứ đau đớn và kinh hoàng.

Bởi chiến tranh đâu phải trò đùa!

Và vì thế, nếu được gọi bằng một cái tên, Berlin với tôi là hình ảnh của một “Thành phố Xước”!

Bảo tàng Do Thái Berlin

Biết tôi có ý định đi Berlin, cô giáo ở lớp Đối thoại nghệ thuật khuyên tôi nên dành nhiều thời gian tới bảo tàng Do Thái. Nằm ở mảnh đất thuộc cả Đông và Tây Đức trước khi bức tường Berlin sụp đổ, đây là một bảo tàng, theo lời cô giáo tôi, “đầy xúc động và mang lại những cảm xúc trực diện” bắt nguồn từ thiết kế rất hình tượng của kiến trúc sư Daniel Libeskind.

Nhìn từ bề ngoài, tòa nhà là một khối zigzag uốn lượn không có cửa chính, không có cửa sổ, thay vào đó là những nhát cắt chằng chịt trên bề mặt, tượng trưng cho vết thương mà các nạn nhân Do Thái phải gánh chịu trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Bề mặt này có cấu tạo là một lớp kim loại mạ kẽm, có thể bị phai màu theo năm tháng, ngụ ý rằng thời gian sẽ xoa dịu mọi

vết thương.

Bên trong tòa nhà, rải đầy dưới khắp mặt đất trong khoảng không gian trống rộng lớn là hơn 10.000 khuôn mặt người bằng sắt với đủ mọi sắc thái tình cảm: đang kêu gào, khóc than, hoảng sợ, đau đớn... khiến bất kỳ ai đặt chân tới đây lạnh người vì cảm giác như những tiếng gào khóc bị ai đang dội về.

Bên cạnh một đường hầm nối bảo tàng với Vườn Tha Hương (tượng trưng cho hình ảnh những người Do Thái phải chạy trốn để tìm đường sống), một đường hầm khác dẫn từ bảo tàng tới tháp Thảm sát. Bên trong là một hầm tối, hoàn toàn lạnh lẽo vì không được sưởi ấm, chỉ có duy nhất một nguồn sáng le lói từ khe hở trên mái. Không cần nhiều hình ảnh trưng bày, không cần những lời thuyết minh, chỉ với những chi tiết ấy thôi đã làm tất cả phải rùng mình vì sự bi thương của cuộc thảm sát tàn khốc nhất trong lịch sử nhân loại.

Nhà Thờ đổ Kaiser William.

Nhà thờ Kaiser William bị phá huỷ nặng nề bởi một cuộc không kích vào năm 1943, chỉ còn lại một tháp chuông đã bị cụt đầu. Kết thúc chiến tranh, người ta quyết định giữ nguyên kiến trúc đổ nát này và biến nó thành một không gian tưởng niệm. Cạnh đó, một nhà thờ mới với kiến trúc hiện đại được xây dựng, tạo thành một sự đối lập độc đáo.

Bên trong khuôn viên của nhà thờ đổ, vẫn còn giữ nguyên bức tượng Chúa Jesus bị cụt tay vì bom dội. Bức tranh nạm trên trần nhà thờ lần ngang những vết xước trên gương mặt Chúa Jesus. Những hiện vật trưng bày ở đây nhắc người ta nhiều về tội ác của chiến tranh, về số phận và cuộc sống tuyệt vọng của những nạn nhân bị chiến tranh hủy hoại. Nhưng chính nơi đây cũng khuyến khích sự tha thứ, khoan dung và kết nối trong bản thân mỗi người.

Tôi đọc được một dòng lưu bút trên một trang giấy nhỏ đã cũ, có lẽ là lời của con một quân nhân Mỹ trong Chiến tranh thế

giới thứ hai: “Chính ánh sáng của Chúa và tiếng nhạc Bach trong đêm nay khiến tôi tha thứ cho nước Đức về cái chết của cha tôi!”

Bức tường Berlin

Bức tường Berlin còn được gọi với cái tên “Bức tường ô nhục”, là một phần của biên giới nội địa nước Đức, đã chia cắt Tây Đức và Đông Đức từ ngày 13 tháng 8 năm 1961 tới ngày 09 tháng 11 năm 1989.

Ngày hôm nay, khi hồi tưởng lại quãng thời gian bức tường cao có 3,6m này đã chia cắt nước Đức như thế nào, nhiều người vẫn không khỏi chua xót.

East Side Gallery

East Side Gallery thật ra là một phần còn lại của Bức tường Berlin. Bức tranh tường đặc biệt dài 1,3km này được 106 nghệ sĩ đến từ hơn 20 quốc gia khác nhau thực hiện và hoàn thành để kỷ niệm thống nhất nước Đức, tạo thành một gallery ngoài trời lớn nhất thế giới. East Side Gallery là nơi thể hiện sống động những dấu ấn đáng buồn của quá khứ nhưng bên cạnh đó còn là nơi ghi lại niềm vui thống nhất trong ngày Đông Đức - Tây Đức hòa hợp.

“Berlin ist arm, aber sexy”.

Còn nhiều lắm những địa danh ở Berlin có thể làm người ta nhớ tới chiến tranh, đó là Checkpoint Charlie - chốt kiểm tra huyền thoại trên phố Friedrichstraße với dòng chữ: “Bạn đang rời khỏi khu vực Hoa Kỳ”, là trại tập trung Sachsenhausen, là đài tưởng niệm các nạn nhân Do Thái trong Chiến tranh thế giới thứ hai...

Nhưng Berlin không chỉ là quá khứ. “We’re poor, but sexy,” (Chúng tôi nghèo, nhưng quyến rũ), ông thị trưởng Berlin Klaus Wowereit từng phát biểu hùng hồn như thế trong một cuộc


phỏng vấn năm 2003, mà bây giờ các anh hướng dẫn viên thì nhau trích lại!

Trong khi ngồi ở một quán cà phê vỉa hè, thưởng thức món xúc xích cà ri quen thuộc, trong câu chuyện giữa tôi và Chen, ký ức về một cuộc chiến đau thương hình như được cất lại ở một góc nào đó. Chúng tôi nói nhiều hơn về Berlin trong hiện tại, về nhịp sống rất trẻ của thành phố, với những bức tranh graffiti muôn màu và màn nhảy hip hop ấn tượng ngay cạnh Khải Hoàn Môn - Brandenburg Gate.

Và như lời một bài hát của Marlene Dietrich “I still have a suitcase in Berlin”. Tôi vẫn còn một chiếc vali ở Berlin.

Thủ đô nước Đức vẫn hẹn tôi một ngày trở lại!

Bruges - Bình minh mưa

 óng ở nước Anh xứ đảo đã lâu, thỉnh thoảng tôi thấy nhớ không khí của châu Âu lục địa. Buổi sớm mai gió mát và trong, ngồi nhâm nhi một ly café trên vỉa hè đầy nắng đợi một ngày mới thông thả đi qua. Nỗi nhớ ấy đã đưa tôi đến với Bruges - thành phố được mệnh danh là “Venice của phương Bắc”.

Nhưng buổi bình minh nồng nàn mùi của mùa hè ấy đã không đến như mong đợi. Trái lại thủ phủ xứ Tây Flanders đón tôi bằng những trận mưa đồng đánh của một người đẹp biết hờn dỗi.

Sau cơn mưa, Bruges vốn đã yên tĩnh càng trở nên lặng lẽ. Dòng kênh xanh miệt mài chảy qua năm tháng, những ngôi nhà nhỏ mái ngói đỏ nằm yên bình soi bóng trên mặt nước. Vài chú chim chuyền cành lách chích trên những vòm cây bắt đầu trở lá.

Bruges không giống với muôn vàn các thành phố bên bờ kênh khác ở châu Âu, không ồn ào như Amsterdam, không lộng lẫy như Stockholm, không kiêu diễm như Venice. Nhưng tôi đã đến và đã yêu Bruges như thể người ta yêu một ly rượu vang đỏ từ ngum đầu tiên, như nếm một thanh sô cô la ngọt ngào từ đầu lưỡi. Một tình yêu nhẹ nhàng mà không kém phần sâu đậm.

Tôi bắt đầu một ngày mới ở Bruges bằng việc đi thuyền ngắm thành phố bình yên sau cơn mưa. Những lời giới thiệu của anh hướng dẫn viên trên thuyền trôi tuột đầu mắt, tôi thu mình trong một góc nhỏ của chiếc cano ngắm dòng kênh xanh ngắt và thả hồn cho mây gió xứ này.

Suốt từ thế kỷ XII tới thế kỷ XV, Bruges từng là trung tâm giao thương nhộn nhịp với hệ thống kênh rạch thích hợp cho

tàu bè qua lại. Bruges nổi tiếng khắp châu Âu nhờ các sản phẩm len và vải bông chất lượng cao. Những thương gia Bruges là những người đầu tiên áp dụng các phương thức giao thương mới bao gồm thư tín dụng và các đơn cam kết trao đổi.

Thành phố đặc biệt hiếu khách với các thương gia nước ngoài trong đó chủ yếu là các thương gia buôn bán gia vị và hạt tiêu người Bồ Đào Nha. Tuy nhiên những thăng trầm của lịch sử cộng với nguyên nhân tự nhiên khi dòng Zwin - dòng kênh đào chiến lược của Bruges bị nghẽn bùn khiến cho thành phố chìm dần vào suy thoái. Sự trỗi dậy của thành phố “hàng xóm” Antwerp khiến cho Bruges càng thu hẹp hơn, dân số giảm từ 200.000 người xuống còn 50.000 người vào những năm 1900. Từ một trung tâm thương mại phồn thịnh, Bruges rớt xuống là một trong những thành phố nghèo nhất nước Bỉ; tới mức tiểu thuyết gia George Rodenback còn ví von Bruges là thành phố chết trong cuốn tiểu thuyết “Bruges-la-Morte” của mình.

Tuy nhiên người Bruges đã không chịu nhìn tất cả quá khứ vàng son của mình chìm vào quên lãng. Ngược lại, vào thế kỷ XX, người dân nơi đây đã nhận thấy cơ hội tuyệt vời có thể kinh doanh những di sản quý báu của quá khứ, biến Bruges trở thành một trong những trung tâm du lịch phổ biến nhất của châu Âu.

Trên những dòng kênh xanh mượt của thành phố không còn những tàu buôn tấp nập mà thay vào đó là những cano trắng nhỏ xinh phục vụ khách du lịch khắp nơi từ Pháp, Anh, Ý cho tới Nhật Bản, Hoa Kỳ... Những ngôi nhà cổ hàng trăm năm tuổi soi bóng bên bờ kênh trở thành những nhà nghỉ xinh xắn. Từ năm 2000, khu vực trung tâm của Bruges với những kiến trúc đặc sắc từ thời Trung Cổ chính thức được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Sau 30 phút đi thuyền, tôi lên bờ và đi dạo quanh những con phố nhỏ lát đá xám rồi lòng vòng đến quảng trường lớn Grote Markt.

Quảng trường này là trung tâm giao thương của thành phố với những phiên chợ hàng tuần từ những năm 958. Nằm ngay giữa quảng trường là hình ảnh của Jan Breydel và Pieter de Coninck, những nhân vật hàng đầu trong cuộc kháng chiến chống quân Pháp vào năm 1302.

Ít người biết rằng trong số những tòa nhà mang đậm nét kiến trúc Trung Cổ ở khu vực này có một nơi đặc biệt gắn liền với lịch sử của thành phố, đó là quán café Craenenburg. Chính ở tòa nhà này vào năm 1488 lãnh đạo của thành phố khi ấy đã quyết định giam giữ người nối ngôi của vương triều Hapsburg Maximilian vì đã hạn chế những đặc quyền của họ. Sau này khi Maximilian trở thành hoàng đế, ông đã quyết định trả thù bằng cách chuyển trung tâm giao thương về Antwerp.

Nổi bật trong những công trình tôn giáo quan trọng của Bruges là Church of our Lady với tháp chuông bằng gạch cao tới 122.3m. Trên quảng trường là công trình điêu khắc độc đáo “Madonna và đứa trẻ” của Michelangelo. Người ta kể rằng khi sinh thời, đây là tác phẩm điêu khắc duy nhất của Italy được đặt bên ngoài biên giới nước Ý.

Từ khu quảng trường Markt, khi sang tới phố Vlamingstraat, bạn có thể thăm nhà thờ Máu thiêng Heilig-Bloedbasiliek. Nơi đây vốn là một thánh tích và hiện còn lưu giữ một lọ máu nhỏ được cho rằng của Chúa, được mang đến đây sau cuộc Thập Tự Chinh vào khoảng từ năm 1150 tới năm 1200. Nhà thờ này gồm hai nhà nguyện với kiến trúc tương đối khác biệt. Nhà nguyện phía trên theo phong cách Gothic trong khi đó nhà nguyện phía dưới có phong cách kiến trúc Roman.

Chia tay những nhà nguyện uy nghi, những công trình tôn giáo cổ kính với tháp chuông in đậm trên bầu trời xanh thẳm, tôi để mình đi lạc giữa những con phố nhỏ vắng vẻ. Không còn sự ồn ào của khách du lịch, không có tiếng xe ngựa lộc cộc ở khu trung tâm, chỉ còn mình tôi lặng lẽ đi giữa vạt nắng nhẹ cuối ngày.

Trước khi ra về, nếu như ở bất kỳ nơi nào khác trên đất Ý, đất Pháp tôi sẽ tự thưởng cho mình một ly café thơm phức, nhưng không thể nào rời đất Bỉ mà không một lần bông bênh phiếu đăng cùng những ly bia vàng óng của xứ này. Có rất nhiều loại bia được sản xuất ở vùng này trong đó phải kể tới những cái tên như Brugse Zot và Brugse Straffe Hendrik. Trên chiếc bàn nhỏ, tôi chậm rãi nhấp từng ngụm bia như muốn lưu lại mãi những cảm xúc ngọt ngào của thành phố.

Sau cơn mưa, nắng lên và lòng tôi thấy từng bừng đến lạ!

Ai bảo ở Bruges chỉ có những bình minh mưa!

Những bảo tàng nghệ thuật đương đại nổi tiếng nhất châu Âu

Tôi là kẻ vốn mê bảo tàng bởi với tôi, mỗi bảo tàng là nơi lưu giữ những ký ức, những câu chuyện vui buồn của quá khứ mà thiếu nó những đứa trẻ thơ trong mỗi chúng ta sẽ bơ vơ không biết níu vào đâu. Bởi vậy trong mỗi chuyến lặn du của mình, bao giờ tôi cũng dành hàng ngày trời mê mải trong các bảo tàng nghệ thuật rộng lớn. Tôi đã kinh ngạc ngắm những xác ướp Ai Cập nằm trong bảo tàng Anh ở London, chiêm ngưỡng vẻ đẹp cổ điển của nàng Mona Lisa trong bảo tàng Louvre (Paris, Pháp), mê mải với bức Las Meninas của Velázquez trong bảo tàng Prado (Madrid, Tây Ban Nha). Với tôi khi ấy bảo tàng gắn liền với nghệ thuật hàn lâm, là thứ để chúng ta thưởng thức chứ không phải tương tác.

Rồi tình cờ một người bạn dẫn tôi đến với “How it is” của Mirosław Balka. Nằm trong căn phòng Turbine rộng lớn ở trung tâm London, tác phẩm này là một khối sắt đen khổng lồ giống như một container chuyên chở hàng hóa đường biển. Bước chân vào bên trong container này là một màn đen dày kịt, khiến người ta bối rối không biết đi tiếp lối nào, và băn khoăn với hàng chục câu hỏi, liệu có nên đi ra hay bước tiếp, nên tránh sang trái hay phải, có vật cản nào phía trước hay không, bao giờ thì đến đích, điểm cuối cùng sẽ nằm ở đâu, liệu có nên nắm tay người bạn đồng hành bên cạnh, có ánh sáng nào đợi chờ ta phía trước....

Với mỗi người “how it is - như thế nào?” là một trải nghiệm khác nhau, có người gọi nhớ tới những hố đen trong vũ trụ, người khác coi nó như một hình ảnh của địa ngục, ai đó nghĩ về nó như nghĩ tới những khó khăn trên chặng đường đời. Những cảm xúc đặc biệt mà tác phẩm của Mirosław Balka mang lại đã khiến tôi bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới nghệ thuật đương đại

và trong ba mùa hè tiếp theo, tôi đã thực hiện được dự định của riêng mình: tới thăm ba bảo tàng nghệ thuật đương đại nổi tiếng nhất châu Âu.

Bảo tàng Tate Modern - London, Anh

Với 4.7 triệu lượt khách mỗi năm, Tate Modern nằm bên bờ sông Thames là gallery nghệ thuật đương đại được viếng thăm nhiều nhất trên thế giới. Bảo tàng này nằm trong khu vực vốn là tòa nhà của nhà máy điện Bankside do kiến trúc sư Giles Gilbert Scott thiết kế. Năm 1981, nhà máy điện đóng cửa, để tới gần chục năm sau đó, Tate Gallery đề xuất xây dựng một công trình mới cho việc trưng bày các tác phẩm nghệ thuật hiện đại. Các kiến trúc sư thuộc công ty kiến trúc Herzog & de Meuron đã đưa ra sáng kiến cải tạo lại tòa nhà thay vì phá hủy nó. Tate Modern, với cấu trúc của một nhà máy cùng sàn bê tông, những đường ống thép, trần cao, những phòng sâu, tối và lạnh đã trở thành một ví dụ tuyệt vời của việc chuyển đổi công năng cho một tòa nhà cũ.

Những bộ sưu tập nghệ thuật ở Tate Modern được chia thành các chủ đề chính bao gồm: Thi ca và Giấc mơ (trưng bày các tác phẩm thuộc trường phái siêu thực), Cấu trúc và Tinh khiết (tập trung vào nghệ thuật trừu tượng với các tác phẩm của Claude Monet, Anish Kapoor, Barnett Newman, Mark Rothko, Henri Matisse và Tacita Dean), Trạng thái chuyển đổi (với các tác phẩm thuộc trường phái Vị lai, Lập thể và Pop Art của Pablo Picasso, Roy Lichtenstein và Andy Warhol).

Bên cạnh đó phải kể tới các tác phẩm sắp đặt, trình diễn nổi bật tại Turbine Hall nằm trong loạt chương trình Unilever. Có thể kể tới những cái tên như “Dự án thời tiết” của nghệ sĩ người Đan Mạch Olafur Eliasson và “Những hạt hướng dương” của nghệ sĩ Trung Quốc, Ngải Vị Vị. Eliasson đã sử dụng những máy tạo hơi ẩm để tạo một màn sương nhẹ trong cả phòng Turbine rộng lớn, sau đó sử dụng hàng trăm ngọn đèn monochromatic để tạo thành một quả cầu lửa khổng lồ, trên trần căn phòng gắn một tấm gương cực lớn để du khách có thể

thấy bản thân họ như những bóng đen bé nhỏ trên nền ánh sáng rực rỡ. Trong 6 tháng, riêng tác phẩm đặc biệt được ví như mặt trời lặn này đã thu hút tới hai triệu du khách tới thăm.

Trong khi đó, tác phẩm “Những hạt hướng dương” lại bao gồm một trăm triệu hạt hướng dương được làm và sơn bằng tay bởi 1.600 nghệ sĩ Trung Quốc, đây được xem là phản ứng của người nghệ sĩ với nền công nghiệp sản xuất hàng loạt hiện nay. Khách thăm quan có thể đi lại, nằm, nghịch ngợm trên “cánh đồng hạt hướng dương” đặc biệt này. Vào tháng 2 năm 2011, khoảng 100kg hạt hướng dương từ triển lãm này đã được bán đấu giá với giá cuối cùng là 559.394 USD tại nhà đấu giá Sotheby's ở London.

Bảo tàng nghệ thuật đương đại Louisiana, Humlebaek - Đan Mạch

Nằm ngay trên bờ biển Øresund Sound phía Bắc thủ đô Copenhagen, Louisiana thường được mệnh danh là gallery duyên dáng nhất thế giới. Có một lịch sử thú vị nằm sau tên gọi của tòa nhà này. Louisiana được đặt theo tên gọi của Louise, Louise và Louise là ba người vợ có tên giống nhau của Alexander Brun - người đầu tiên sở hữu mảnh đất tuyệt đẹp này. Người sáng lập ra bảo tàng, Knud W. Jensen đã quyết định giữ nguyên tên gọi này và cùng với kiến trúc sư Jørgen Bo và Vilhelm Wohlert, biến căn nhà thành một bảo tàng nghệ thuật đương đại với lối kiến trúc hài hòa cùng cảnh quan thiên nhiên.

Chính phong cách thiết kế tối giản, mộc mạc đậm chất Bắc Âu đã tạo thành một điểm nhấn đặc biệt cho không gian của bảo tàng. Bước chân vào khuôn viên bảo tàng, du khách có cảm giác mình đang đi dạo nhàn tản trong một công viên sinh thái, phía xa là màu xanh đậm thắm của biển, bên cạnh là khu vườn điêu khắc rộng lớn với những tác phẩm của Jean Arp, Max Ernst, Max Bill, Alexander Calder, Henri Laurens, Louise Bourgeois, 33 Joan Miró và Henry Moore. Những tác phẩm điêu khắc này đều được sắp đặt sao cho chúng có thể được ngắm

nhìn từ bên trong khu vườn hay từ phía ngoài, tạo thành một tổng thể hợp lý với bãi cỏ, cây cối và biển phía trước.

Bên trong bảo tàng là gian trưng bày những tác phẩm nghệ thuật hiện đại từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai bao gồm tác phẩm của các nghệ sĩ nổi tiếng như Roy Lichtenstein, Andy Warhol, Anselm Kiefer, Alberto Giacometti, Pablo Picasso, Yves Klein, Robert Rauschenberg và Asger Jorn.

Năm 2013, bảo tàng trưng bày hơn 100 tác phẩm của Yoko Ono nhân dịp sinh nhật lần thứ 80 của bà. Triển lãm này được xem là cơ hội hiếm hoi để khán giả có thể tiếp xúc với thế giới nghệ thuật phong phú, đa diện của Ono, nữ nghệ sĩ tiên phong trong nghệ thuật đương đại đồng thời là vợ của John Lennon, thành viên ban nhạc The Beatles huyền thoại.

Trung tâm nghệ thuật Pompidou - Paris, Pháp

Khánh thành năm 1977, công trình này có mục đích tạo ra một trung tâm văn hóa và nghệ thuật đương đại mới ở trung tâm Paris vốn nổi tiếng với các công trình kiến trúc và bảo tàng nghệ thuật cổ điển. Bản thân tòa nhà với chất liệu thép và kính, do hai kiến trúc sư danh tiếng từng nhận giải Pritzker là Renzo Piano và Richard Rogers thiết kế đã gây ra nhiều tranh cãi. Mặt ngoài của tòa nhà được bố trí rất nhiều ống, cột với hệ thống thang trời. Các hệ thống ống này được sơn màu theo chức năng, các ống điều hòa có màu xanh da trời, các ống nước có màu xanh lá cây còn các đường ống điện có màu vàng. Riêng hệ thống thang trời được đặt trong một ống màu đỏ. Các ống màu trắng là hệ thống thông gió của tầng ngầm. Có người liên tưởng tòa nhà giống như một nhà máy lọc dầu, người khác xem nó như một nhà kho.

Ngay khi vừa xây dựng xong, một bài báo trên tờ Le Figaro của Pháp từng châm biếm về tòa nhà rằng: “Paris đã có con quái vật của riêng mình, giống như thủy quái hồ Loch Ness”. Thế nhưng hai thập kỷ sau đó, tờ New York Times đã nhận định rằng thiết kế của trung tâm Pompidou đã “lật ngược cả thế giới

kiến trúc với việc phô bày các hệ thống cơ khí của tòa nhà” còn ban giám khảo của giải thưởng kiến trúc danh giá Pritzker cho rằng công trình này đã “cách mạng hóa các bảo tàng, chuyển đổi những công trình tượng đài tinh hoa thành những không gian phù hợp cho các trao đổi văn hóa, nghệ thuật, đan xen vào trung tâm thành phố”.

Trong suốt hơn 30 năm qua, trung tâm Pompidou đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm đồ sộ với tác phẩm của các nghệ sĩ lớn như Andy Warhol, David Hockney, Edvard Munch, Matisse, Kandinski, Lucian Michael Freud. Đầu năm 2013, trung tâm trưng bày hơn 200 tác phẩm của một trong những nghệ sĩ có tầm ảnh hưởng lớn nhất thế kỷ XX là Salvador Dali. Ngoài các tranh hội họa, triển lãm này còn giới thiệu những đoạn quảng cáo, dàn dựng sân khấu, ảnh chụp và một số bộ phim mà Dali từng thực hiện. Tiêu biểu nhất là bức tranh “Persistance de la Mémoire”, với hình ảnh những chiếc đồng hồ bị nung chảy rũ mềm ra, như đang trôi tuột xuống khiến người ta dễ dàng liên tưởng tới một thế giới siêu thực giữa dòng chảy phù du của thời gian, tương lai, hiện tại, quá khứ.

Những nghĩa địa nổi tiếng ở châu Âu

Ngày nhỏ tôi thường xem chương trình “Những lâu đài cổ nổi tiếng ở châu Âu” trên ti vi rồi thầm ước có một ngày mình sẽ đặt chân tới những miền đất diễm lệ ấy. Rồi một ngày ước mơ cũng trở thành hiện thực, tôi rời Hà Nội qua sống ở Anh quốc lạnh giá rồi bước chân phiêu lưu đưa tôi qua Pháp, Áo, Đan Mạch... Tới khi sống ở châu Âu, có dịp đến thăm những lâu đài hoành tráng nhất ở đây mới chợt nhận ra rằng ở xứ này không chỉ có lâu đài, thành quách đẹp như trong cổ tích mới là nơi lôi cuốn. Trái lại tôi yêu những làng mạc nhỏ xinh, những khu vườn hoa hồng bừng lên trong nắng tháng sáu, những phiên chợ cuối tuần nhộn nhịp và say mê tới thăm luôn cả những nghĩa địa nhuộm màu thời gian. Vì thế mùa hè này tôi quyết định thực hiện một tour du lịch không giống ai có tên gọi “Những nghĩa địa nổi tiếng ở châu Âu”.

Nghĩa trang Père Lachaise - Paris - Pháp

Nghĩa trang Père-Lachaise nằm trên một trong bảy ngọn đồi cổ ở Paris và được đặt theo tên của Đức Cha La Chaise, giáo sĩ nghe xưng tội của vua Louis XIV, người từng sống ở vùng này.

Père Lachaise được mở cửa vào năm 1804, người đầu tiên được chôn cất tại đây là một cô bé 5 tuổi có tên Adélaïde Pailliard de Villeneuve. Suốt 200 năm qua, có tới hàng vạn người mà cuộc đời và tên tuổi của họ gắn bó với nước Pháp đã chọn nơi đây làm nơi yên nghỉ. Những ngôi mộ ở đây có kiến trúc phong phú từ một tấm bia đá giản dị cho tới những tòa tháp điêu khắc tỉ mỉ thậm chí là những thánh đường nhỏ.

Một chuyến đến thăm Père Lachaise không chỉ là một cuộc dạo chơi lãng mạn trong công viên với nắng vàng rực rỡ, những thảm hoa đua nở, những ngọn đồi thoai thoải mà còn là

một lần tưởng nhớ những vĩ nhân lớn của thế giới, những người đã đóng góp nhiều thành tựu cho văn hoá của nhân loại.

Danh sách những người nổi tiếng ở Père Lachaise rất dài nhưng đặc biệt phải kể tới Molière - bậc thầy của kịch nghệ châu Âu, tác giả của “Lão hà tiện”, Jean de La Fontaine - tác giả của truyện ngụ ngôn “La Fontaine”, tiểu thuyết gia Victor Hugo với những tác phẩm lừng danh như “Những người khốn khổ”, “Thằng gù nhà thờ Đức Bà Paris”, “Chín mươi ba”, Baron Haussmann kiến trúc sư thế kỷ XIX, người đã thiết kế đô thị Paris hiện đại, nhà soạn nhạc thiên tài Frédéric Chopin, tác giả bộ “Tấn trò đời” Balzac, nhà viết kịch người Ireland Oscar Wilde, họa sĩ người Ý Modigliani, nhà thơ Guillaume Apollinaire - tác giả những vần thơ lãng mạn “Dưới chân cầu Mirabeau trôi mãi dòng Seine”.

Tôi đã dành một buổi sáng trong veo của mùa hè đến thăm Père Lachaise. Nghĩa địa rộng lớn, đi hoài không hết, tôi lạc giữa không gian phiêu diêu và tiếng quạ xao xác, vừa thấy cô đơn, vừa thấy thanh thản đến lạ kỳ. Chợt thấy mình như gã nhà văn khờ khạo trong bộ phim “Nửa đêm ở Paris” của Woody Allen. Chỉ cần nhắm mắt lại một chút thôi, bạn sẽ thiếp đi trong mùi hương dịu dịu của những bông hoa hồng và lạc bước vào một Paris hội hè.

Nghĩa địa Highgate - London - vương quốc Anh

Nghĩa địa Highgate nằm ở phía Bắc London được thành lập vào năm 1839 trong kế hoạch xây dựng bảy nghĩa địa lớn ở London được biết tới với cái tên “Bảy kỳ quan - Magnificent Seven”. Highgate được chia thành hai khu vực phía Tây và phía Đông ngăn cách bởi một con đường nhỏ rợp bóng mát có tên gọi Swains Lane.

Ước tính cho tới nay có khoảng 170.000 người đã yên nghỉ ở nghĩa địa này. Ngoài những ngôi mộ được trang trí cầu kỳ, Highgate còn nổi tiếng là một khu bảo tồn thiên nhiên với bạt ngàn cây cổ thụ, cây bụi, hoa dại, là nơi trú ngụ của nhiều loài

chim, sóc, chồn và cáo.

Khi mới bắt đầu cuộc sống sinh viên ở London, tôi được cô giáo hướng dẫn đưa đi thăm một số địa danh ở thành phố này. Cô đưa cho tôi một danh sách để chọn từ công viên Olympic ở phía Đông, vườn bách thảo Kews ở phía Tây, bảo tàng nghệ thuật hiện đại Tate Modern bên bờ sông Thames và nghĩa địa Highgate. Tôi chọn liền Highgate bởi ngoài vẻ đẹp tự nhiên, nơi đây là nơi yên nghỉ của nhà triết học, nhà xã hội học lừng danh của thế giới - Karl Marx và nhà văn George Eliot.

Mỗi lần đến thăm Highgate là một lần được hòa mình vào không khí yên bình nơi đây. Mỗi ngôi mộ là một công trình được chạm khắc cầu kỳ. Điều tôi yêu thích ở nghĩa địa này là sự đa dạng của nó. Giống như bản thân thành phố London, Highgate là ngôi nhà vĩnh hằng của mọi người từ khắp ngả trong cuộc sống từ các nhà cộng sản, nhà cách mạng, người theo đạo Thiên Chúa, đạo Hồi, người gốc châu Á, châu Âu, Mỹ Latin...

Nghĩa địa Bunhill - London - Vương quốc Anh

Bunhill là một nghĩa địa nhỏ, nằm lọt như một ốc đảo giữa khu Old Street - khu trung tâm công nghệ bận rộn của London.

Nghĩa địa này đặc biệt gắn bó với dân văn phòng chúng tôi vì là nơi tôi có thể đi dạo trong giờ nghỉ trưa, ngắm nhìn những chú sóc lông đỏ đang tìm hạt và tạm quên đi những bộn bề công việc.

Một trong những cái tên nổi tiếng nhất của nghĩa địa này là Daniel Defoe, tác giả cuốn tiểu thuyết nổi tiếng "Robinson trên đảo hoang" kể về cuộc đời và những chuyện phiêu lưu kỳ thú của Robinson Crusoe, người thủy thủ xứ York.

Bên cạnh ngôi mộ của Defoe là William Blake, nhà thơ nằm trong danh sách 100 người Anh vĩ đại nhất của Đài BBC bình chọn. Người ta kể rằng vào ngày mất của mình, Blake vẫn miệt mài làm việc và còn hoàn thành bức chân dung của Catherine -

người vợ yêu quý của mình. Khi ông mất, người ta nói đó là cái chết của một thiên thần. Sau này khi Catherine qua đời, bà cũng được chôn cất cùng chồng mình ở nghĩa địa Bunhill.

Nghĩa trang trung tâm thành phố Viên - Áo

Đây là nghĩa trang nổi tiếng nhất trong số gần 50 nghĩa trang của thành phố Viên. Nhiều người đã ví von rằng vào những ngày sương mù, khung cảnh nơi đây giống như trong những bộ phim của Steven King.

Nghĩa trang này được thành lập từ năm 1863. Với diện tích 2,4km vuông và 3,3 triệu người được chôn cất ở đây. Ngày nay nghĩa trang này được xem như nhỏ bằng nửa thành phố Zurich của Thụy Sĩ và có “dân số” gấp đôi số công dân của thành Viên.

Bên trong nghĩa trang, ngoài khu vực dành cho những người theo đạo Thiên Chúa còn có khu vực dành cho người Do Thái, người theo đạo Hồi, đạo Orthodox của Nga...

Gọi là nghĩa trang trung tâm nhưng trong kỳ thực nghĩa trang này nằm ở khu ngoại ô Simmering. Vì diện tích rất rộng nên du khách có thể lái xe giữa những đại lộ lớn trong nghĩa trang. Ngoài ra còn có riêng một tuyến xe bus số 106 với nhiều điểm dừng trong nghĩa trang. Để tới nghĩa trang du khách cũng có thể bắt tàu điện số 71 từ Schwarzenbergplatz. Vì thế mà người Áo còn dùng cách nói ẩn dụ “Anh ấy đã đi tàu số 71” khi muốn nói ai đó đã qua đời.


Là một thành phố của âm nhạc, dĩ nhiên nghĩa trang Viên nổi tiếng là nơi an nghỉ của nhiều nhà soạn nhạc nổi tiếng trong đó có Beethoven, Schubert, Johann Strass II và Arnold Schoenberg ...

Đến nơi này rồi tìm hiểu về cuộc đời đầy biến động của người nhạc sĩ để mỗi lần nghe âm nhạc của họ thấy trân trọng hơn và cảm xúc hơn.

Lẽ dĩ nhiên nghĩa địa không phải địa danh mà du khách nào cũng muốn tới thăm. Rất nhiều người bạn của tôi đã buột miệng thốt lên rằng “Tôi nghĩa địa để làm gì cơ chứ?”. Nhưng tôi thích ý kiến của một độc giả mà tôi đọc trên website Lonely Planet rằng nghĩa địa là nơi chúng ta tiếc thương cái chết và đồng thời ca ngợi cuộc sống. Đến thăm một nghĩa địa là nơi chúng ta chiêm nghiệm nhiều hơn và khi ra về sống chậm hơn, vui hơn, ý nghĩa hơn.

Sao Paulo - ly rượu mạnh

Thành phố với hai khuôn mặt

ầu tháng Năm, mùa đông Sao Paulo chào đón tôi bằng một ngày nắng vàng ruộm. Ở khu vực quảng trường Praca da Republica, có một dãy bán tranh đủ màu sắc sỡ, khiến cho tôi ngỡ rằng mùa đông không gõ cửa thành phố Nam Mỹ này. Thế rồi ngay hôm sau, trời chuyển mình, mưa dầm, mây mù và nhiệt độ còn 14°C, lạnh chả kém xứ sở Toronto của anh bạn đồng hành người Canada của tôi là mấy.

Ấn tượng đầu tiên của tôi về Sao Paulo là hình ảnh những tòa nhà chọc trời ở khắp nơi trong thành phố, thường được người ta gọi là “những cánh rừng cao ốc”. Có thể kể tên một số công trình tiêu biểu như tòa tháp The Banespa Building, thường được so sánh với Empire State Building của New York, hay tòa nhà hình chữ S - Edificio Copan, được thiết kế bởi kiến trúc sư danh tiếng Oscar Niemeyer.

Với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế (một phần do lợi nhuận của ngành xuất khẩu cà phê mang lại) đã khiến các khu nhà cao tầng mọc lên chen chúc. Thêm vào đó, nhu nhập của người dân được cải thiện đáng kể và nhu cầu đối với các phương tiện hiện đại ngày càng gia tăng. Trên các đường phố, tắc nghẽn ô tô bất kể ngày đêm, còn trên trời trực thăng cũng thay nhau đảo qua đảo lại. Sao Paulo được biết đến với số lượng máy bay riêng và trực thăng không kém gì New York. Bạn tôi vừa cười vừa bảo: “Đây là cách hiệu quả để giới doanh nhân tránh tình trạng tắc đường vào giờ tan tầm của thành phố”. Nhờ vậy các tòa cao ốc có thể kiếm được rất nhiều tiền từ kinh doanh chỗ đậu trực thăng trên nóc nhà. Chỉ khoảng 30 phút dạo chơi trong công viên Ibirapuera, tôi đã đếm được không dưới mười chiếc trực thăng vù qua trên đầu.

Nhưng đối lập với sự hào nhoáng và giàu sang ấy, ngay dưới chân tháp The Terraço Itália, tôi gặp những người vô gia cư khốn khổ, cuộn tròn trong một tấm chăn rách nát, ngủ vạ vật giữa ban ngày để quên đi cái rét và cả cái đói hành hạ. Dọc con phố của khách sạn nơi tôi ở, có hàng chục người sống cảnh màn trời chiếu đất, mà khi đi qua, không ít du khách phải bịt mũi vì những mùi khó chịu. Một bạn trong đoàn phải kêu lên: “Chưa ở đâu tôi thấy có sự đối lập giàu nghèo rõ rệt đến thế này”.

Những tòa nhà chọc trời, những chiếc xe hơi bóng bẩy, những trung tâm mua sắm rộn ràng và những người nghèo khổ sống bên lề đường, bụi bặm, hôi hám khiến cho tôi hình dung về Sao Paulo như một thành phố có hai khuôn mặt. John Malathronas, tác giả một cuốn sách khá nổi tiếng viết về Brazil, ghi nhận chênh lệch giàu nghèo ở Sao Paulo là 32 lần, nhiều hơn bất kỳ nơi nào trên thế giới. Lẽ dĩ nhiên, ở bất cứ nơi nào cũng có sự tồn tại song hành của hai thế giới giàu và nghèo, nhưng chưa ở đâu tôi thấy cái sự thật chua xót ấy hiển hiện rõ ràng đến thế như ở Sao Paulo. Để giải quyết vấn đề này, không thể chỉ trong ngày một ngày hai, nhưng rõ ràng đây là điều quan trọng cần phải được tính đến nếu Sao Paulo muốn thực sự trở thành một đô thị văn minh và hiện đại.

Vẻ đẹp trong sự đa dạng

Sự ngột ngạt trên đường phố vì mật độ xe hơi dày đặc, những làn tắc đường dài hàng tiếng, sự có mặt của những người vô gia cư ở khắp nơi khiến cho tôi, trong lúc ban đầu, không khỏi thất vọng về Sao Paulo. Thế nhưng, người bạn đường nhẹ nhàng bảo: “Đó là những vấn đề mà bất kỳ đô thị lớn nào đang phát triển cũng gặp phải. Sao Paulo, ẩn bên trong nó còn nhiều điều để khám phá hơn nữa”. Và bạn tôi đã không nhầm.

Ngày đầu tiên của tôi ở xứ sở Samba (một tên gọi khác của thành phố) cũng là ngày diễn ra Lễ hội Virdara Cultura. Trong 24 giờ liên tiếp (từ 6 giờ chiều ngày thứ Bảy đến 6 giờ chiều ngày Chủ Nhật), cả thành phố dường như không nghỉ. Các

chương trình văn hóa nghệ thuật, trình diễn, ca nhạc diễn ra ở mọi nơi, và hoàn toàn miễn phí. Ở các địa điểm biểu diễn, khán giả, đặc biệt là thanh niên đứng xem đông nghịt.

Hòa vào trong dòng người đông đúc, chúng tôi mới cảm nhận được hết sự sôi động của thành phố. Chẳng thế mà nhạc sĩ Billy Blanco trong bản nhạc “Sinfonia Paulistana” đã đặt cho Sao Paulo cái tên “Thành phố đang chuyển động” (City-in-the-Hurry). Các lễ hội văn hóa, du lịch diễn suốt cả năm ở thành phố này, có thể kể tới tuần lễ thời trang vào tháng Giêng, lễ hội tóc vào tháng Tư, lễ hội múa và âm nhạc truyền thống Revelando vào tháng Chín hay Tuần lễ Black Consciousness với các đặc trưng của văn hoá gốc Phi vào tháng Mười Một.

Đi trên mỗi đường phố của Sao Paulo, điều thú vị là bạn sẽ không có cảm giác mình là người nước ngoài, bởi lẽ trên mỗi con đường ở đây có sự hiện diện của mọi người từ khắp nơi trên thế giới. Không khó để nhận ra những ảnh hưởng của kiến trúc Italia trong một số công trình lớn của thành phố, còn ở khu vực quận Liberdade có một cổng chào lớn được xây dựng theo lối kiến trúc Nhật Bản, đây cũng là khu vực tập trung rất đông người gốc Nhật Bản sinh sống.

Sự đa dạng của dân cư cũng giải thích cho sự phong phú trong ẩm thực của Sao Paulo, từ các cửa hàng đồ Âu, đồ Thái hay các món ăn đặc trưng của một số nước Ả Rập.

Theo thống kê của Sở Du lịch, trên khắp Sao Paulo, có tới 15.000 quán bar và 12.500 nhà hàng với hàng nghìn món ăn các loại. Một ngày Chủ Nhật điển hình với người dân Sao Paulo, thường được gọi là người Paulistanos, bao giờ cũng kết thúc với một chiếc pizza. Chính vì thế mà trung bình mỗi phút có tới 720 chiếc pizza được ra lò ở thành phố này.

Càng có thời gian lưu lại Sao Paulo lâu hơn, tôi càng nhận ra những khía cạnh khác nhau của thành phố. Đúng như lời thị trưởng Sao Paulo từng giới thiệu: “Sao Paulo sẽ làm bạn ngạc nhiên”!

An toàn ở Sao Paulo

Nếu google các thông tin tìm hiểu về Sao Paulo, bạn sẽ nhận thấy một số cảnh báo: “Sao Paulo là nơi tập trung rất đông tội phạm”, “hãy cẩn thận với nạn móc túi ở thành phố đông đúc này...”. Tính an toàn trở thành một trong những băn khoăn hàng đầu của tôi trước chuyến đi. Vì thế, bất cứ khi nào trên đường phố, tôi cũng phải nắm chặt máy ảnh trong tay và khuỷu chiếc túi của mình trước ngực.

Thế nhưng có lẽ là may mắn với tôi khi cả chuyến đi thay vì phải đối mặt với nạn móc túi, tôi nhận được rất nhiều sự giúp đỡ. Đó là một bác nhạc sĩ tận tình xách giúp tôi hành lý từ bến tàu điện ngầm về khách sạn, là hai anh cảnh sát lấy xe đưa tôi đi khi tôi hỏi thăm tìm đường tới một nhà thờ cổ. Ngày cuối cùng trước khi rời Sao Paulo, trên đường phố bất ngờ tôi bị một người đàn ông đập vào vai từ phía sau. Tôi sợ hãi ngỡ mình bị giật túi nên cầm đầu chuẩn bị chạy. Ngờ đâu, ông nhắc tôi đánh rơi... một bông hoa hồng! (Tôi nhận được bông hoa trong một trò quảng cáo).

Đây là một kỷ niệm đẹp về sự an toàn ở Sao Paulo mà tôi sẽ còn nhớ mãi.

Trên rất nhiều tạp chí quảng bá về du lịch của Sao Paulo, người ta hay đưa ra khẩu hiệu: “Sao Paulo - ở thêm một ngày nữa” (Stay another day). Và thay vì một ngày, tôi đã ở Sao Paulo thêm ba ngày. Những cảm xúc mà Sao Paulo mang đến cho du khách thường được so sánh với hương vị của một ly rượu mạnh, mà một khi đã có dịp thưởng thức, cái men nồng say của nó rất dễ cuốn chặt lấy hồn người. Và bởi vì như những người Paulistanos thường nói: “Ở Sao Paulo - không bao giờ là đủ”!!!


Khi về nhà tôi sẽ rất nhớ thành phố này. Nhớ một chiều đi dạo thanh bình trên con phố nhỏ mang nhiều nét kiến trúc cổ kính của châu Âu, hay cảm giác náo nhiệt tôi từng gặp ở châu Phi. Nhưng trên hết, tôi nhớ Sao Paulo với vẻ đẹp của bản thân

thành phố: Vẻ đẹp của sự đa dạng!

Rio de Janeiro - Sông Thág Giêng

Từ Sao Paulo, tôi mất 6 tiếng đồng hồ để vượt qua hành trình đến với Rio de Janeiro - Thành phố nằm ở phía Nam của đất nước Brazil. Chuyến đi bắt nguồn từ mong ước giản dị của người bạn đồng hành: “Muốn chạm tay vào bức tượng chúa Jesus lớn nhất thế giới và đi trên chiếc xe lửa cổ xưa đến thăm thị trấn Santa Tereza”.

Cidade Maravilhosa - “Thành phố kỳ diệu”.

 idade Maravilhosa - Thành phố kỳ diệu là tên bài hát chính thức của Rio và cũng là nickname của thành phố, cái tên phần nào cho thấy tình yêu và lòng tự hào của người dân nơi đây với xứ sở đầy những cảnh đẹp mê hoặc này.

Lịch sử kể rằng Rio được khám phá vào ngày 20 tháng Giêng năm 1502 bởi một đoàn thám hiểm người Bồ Đào Nha dẫn đầu là ngài Gaspar de Lemos. Các nhà thám hiểm đã nhầm tưởng rằng lối dẫn vào vịnh Guanabara tuyệt đẹp của thành phố chính là một cửa sông. Vì thế mà sau này cái tên Rio de Janeiro được đặt cho mảnh đất này chính là tên ghép lại của Rio (cửa sông) và Janeiro (tháng Giêng); để trở thành Sông Thág Giêng.

Khi Hoàng đế Pedro I tuyên bố nền độc lập của Brazil vào năm 1822, ông đã quyết định chọn Rio làm thủ đô của đế chế mới. Ngày nay, Rio là thành phố lớn thứ hai của Brazil với diện tích 1.260km² và dân số xấp xỉ 5.750.000 người. Trong hàng trăm năm qua, với phong cảnh kỳ vĩ ở khu vực Vịnh Guanabara đã khiến cho Sông Thág Giêng trở thành một trong những thành phố đẹp nhất trên thế giới.

Với 95 reais, chúng tôi thuê được một lái xe taxi nhiệt tình dẫn đi thăm vịnh. Địa chỉ đầu tiên mà chúng tôi đến là đỉnh núi

Corcovado - nơi có thắng cảnh tuyệt đẹp của Rio: bức tượng Chúa Jesus lớn nhất thế giới. Khu vực này luôn được bảo vệ cẩn thận và hầu như không lúc nào vắng du khách.

Từ lan can nơi chân tượng Chúa Jesus, du khách có thể ngắm nhìn toàn cảnh thành phố với những cảnh đẹp đến nín thở. Ở phía xa, trời và biển như hòa cùng một màu. Lại gần là khu trung tâm thành phố với hình ảnh những tòa nhà cao chọc trời, sân vận động trung tâm hoành tráng và một khu nghĩa địa rộng lớn vào bậc nhất cả nước.

Nhắc tới Rio, sẽ là thiếu sót nếu bỏ quên những đường bờ biển dài và quyến rũ như Ipanema, Copacabana, hay Leblon. Bởi vì như những người Cariocas thường nói: “Nếu đã đến Brazil, bạn phải tới thăm Rio. Nếu đã tới Rio, đừng bỏ lỡ Ipanema”. Ipanema, đúng như hình dung của tôi về một bãi biển Latin đặc trưng với hình ảnh của những cô nàng mặc bikini nóng bỏng, những anh chàng lướt ván phía xa xa, làn sóng xanh biếc, dải cát trắng một màu và hàng dãy những tòa nhà cao cao bên bờ.

Giữa lúc tha thẩn trong một quán café ở Ipanema, tôi gặp một cây viết trẻ người Boston có cái tên rất đáng yêu - Mimi, vừa đến từ thị trấn Santa Teresa. Chia sẻ với chúng tôi về hành trình của mình, cô bảo: “Ở Santa Teresa chẳng có thứ gì, nhưng lại có mọi thứ”. Vậy là ngày hôm sau, chúng tôi chia tay những bãi biển đông đúc và nhận nhiệm vụ theo chân chiếc xe bus lên đường tới Santa Teresa.

Santa Teresa - bông cúc nhỏ

Câu nói xem chừng kỳ quặc của Mimi thực tế lại đúng như vậy. Santa Tereza không có một điểm dừng chân đặc biệt, không có một tượng đài hoành tráng nhưng lại mang trong mình nét cuốn hút riêng. Cái riêng của Teresa nằm ở những điều bình dị: Những căn nhà cổ chênh vênh trên sườn núi, những chuyến xe lửa với tiếng kêu leng keng, những con đường nhỏ uốn quanh với đường ray xen kẽ. Người ta vẫn

quyết định duy trì ở Santa Teresa những chuyến xe lửa cổ nhằm lưu giữ lại những hình ảnh xưa cũ và truyền thống của mảnh đất này. Chiếc xe lửa cổ ở đây có lẽ chỉ nhỏ bằng một toa xe của xe lửa hiện đại và vì thế mỗi du khách đi xe, chỉ phải trả một số tiền rất tượng trưng là 60cent.

Ở Santa Teresa không hiểu sao cứ làm tôi nhớ về những dãy phố nhỏ bé và cũ kỹ của Hà Nội. Nếu chỉ ngắm nhìn nơi này bằng con mắt thoáng qua của du khách, bạn sẽ nhanh chóng thấy thờ ơ với mảnh đất này. Santa Teresa, đòi hỏi người ta không chỉ ngắm nhìn mà phải cảm nhận sâu sắc từng nhịp sống, từng ngôi nhà, từng ngõ nhỏ. Leo lên quán café sách nằm trên một ngọn đồi, ngắm nhìn ánh nắng chiếu xuyên qua những hàng cây rợp bóng bên cửa sổ, bạn sẽ có cảm giác thời gian dường như không trôi đi nữa. Sự bận rộn và ồn ào của thành phố bị gửi lại nơi xa, không gian lắng lại và chỉ còn tiếng cười nghịch ngợm của một cô bé trước hiên.

Không ồn ào như khu trung tâm của Sao Paulo, không đẹp rực rỡ như vùng vịnh Guanabara, Santa Teresa khiến cho tôi liên tưởng tới vẻ đẹp của một bông cúc nhỏ, bình dị mà sâu lắng!

Mọi người yêu Teresa, phải chăng vì họ đã tìm thấy cái hồn riêng của mảnh đất này.

Như ai đó từng nói, đó là nơi để người ta:

“Thấy thế giới từ một hạt cát

Thấy trời xanh từ những cánh hoa rùng”!

New York - thành phố ĐIÊN RỒ

New York là một thành phố ĐIÊN RỒ. Tôi không biết đặt cái tựa cho bài viết này có quá lắm không nhưng kỳ thực tôi tìm mãi mãi chẳng được một tính từ nào phù hợp hơn để chỉ thành phố đặc biệt này của nước Mỹ. Tôi vốn sống ở London, thành phố sôi động bậc nhất châu Âu, cũng từng đi du lịch qua nhiều đô thị lớn trên thế giới từ châu Á, châu Phi, Mỹ Latin nhưng vẫn choáng ngợp khi lần đầu đặt chân đến New York.

Mùa hè vừa chớm bắt đầu, tôi quảng lại ở nhà một lô xích xông các lo lắng, dự định, những kế hoạch công việc còn dày đặc trong sổ tay, khoác ba lô lên đường đi New York. Lên máy bay rồi mới thấy thấm mệt, vội xin một ly rượu vang đỏ uống để ngủ một giấc cho say. Tỉnh dậy là 12 giờ trưa. Máy bay đang hạ cánh. Trời trong và xanh. Cô tiếp viên nở nụ cười rạng rỡ “Welcome to America” - Chào mừng bạn tới nước Mỹ.

Nước Mỹ giống trong phim Mỹ. Đây là ấn tượng đầu tiên của tôi về New York. Từ cảnh vật, con người, xe cộ. Thì rõ là như thế. Tôi đã ngốn một đồng phim Mỹ từ bé tới lớn, nghe nhạc Mỹ, đọc sách Mỹ nhiều. Thế mà một ngày “cộc đầu” vào thành phố nơi cửa ngõ nước Mỹ, vẫn thấy sốc.

Với năm quận The Bronx, Brooklyn, Manhattan, Queens và Staten Island trải dài trên diện tích chỉ vền vền 302.64 dặm vuông, New York là thành phố có tầm ảnh hưởng quan trọng vào bậc nhất trên thế giới trong tất cả các lĩnh vực từ thương mại, tài chính, truyền thông, nghệ thuật, thời trang, nghiên cứu, công nghệ, giáo dục và giải trí. Khoảng gần 200 ngôn ngữ được sử dụng ở đây khiến New York trở thành thành phố đa dạng nhất thế giới về mặt ngôn ngữ.

Buổi tối đầu tiên, bạn Xavier lái xe đưa tôi từ đoạn Ground Zero, nơi có trụ sở của trung tâm thương mại thế giới WTC lên khu vực quảng trường Thời đại làm một tour New York về đêm.

Vừa lái xe giữa rừng cao ốc của New York, Xavier vừa cẩn thận giới thiệu những tòa nhà chọc trời nổi bật “Đây là tòa nhà Empire State Building này, chệch một chút là tòa Chrysler nhé. Bên này là nhà ga này, đi một đoạn nữa là có cửa hàng của hãng Apple, trang trí hay lắm”. Tôi nghe Xavier nói mà câu được câu chăng, phần vì mãi ngắm phố phường, phần vì những âm thanh ồn ã xung quanh.

Được mệnh danh là “ngã tư của thế giới”, quảng trường Thời Đại là trung tâm giải trí hàng đầu của nước Mỹ. Nơi đây về đêm hội tụ đủ các loại xe cộ, đủ các loại màu sắc, đủ các loại biển hiệu, đủ các loại ánh sáng, đủ các loại âm thanh, đủ các loại người chen nhau trong một không gian chật ních, xô bồ, ồn ào, hỗn độn. Cánh taxi lái ẩu phóng vun vút. Rồi tắc đường. Dòng xe nhích từng bước, vài người không kiên nhẫn buông lời cáu kỉnh trách mắng ông nông dân lần đầu lên phố không biết cách lựa đường đi đúng cách làm người khác phải dừng theo.

Đúng lúc ấy, thì một cỗ xe ngựa trắng muốt thong thả nhịp bước dạo qua trước cửa xe tôi, cứ như một cỗ xe từ trong cổ tích bước ra, chỉ tiếc là không có hoàng tử nào cầm cương ngựa, thay vào đó là một anh chàng da đen vạm vỡ đang đưa khách du lịch dạo phố. Trong xe tôi, Xavier đang bật nhạc của Lady Gaga gào rú chói tai. Tôi há hốc mồm nhìn cỗ xe ngựa trắng trên cái nền xanh đỏ tím vàng của quảng trường Thời Đại, thăm nghĩ tán trò đời đôi khi cũng chỉ “kịch” như thế mà thôi.

Những ngày sau đó, tôi từ chối đề nghị của Xavier lấy xe hơi đưa tôi rong ruổi; thay vào đó, tôi cuộc bộ để có dịp hiểu hơn về thành phố này.

Nằm trên một bến cảng thiên nhiên lớn thuộc duyên hải Đại Tây Dương của miền Đông nước Mỹ, nơi cửa sông Hudson với bến cảng tự nhiên kín đã giúp New York phát triển nổi bật trong

vai trò một thành phố thương mại.

Theo lịch sử, New York được người Hà Lan thành lập như một trạm mậu dịch thương mại vào năm 1624. Vùng định cư này lúc đó từng được gọi là Tân Amsterdam cho đến năm 1664 khi bị vương quốc Anh kiểm soát. Vua Anh khi đó là Charles II đã quyết định trao mảnh đất này cho người em trai, công tước xứ York và do vậy đổi tên khu vực này thành New York.

Trải qua nhiều thế kỷ, thành phố chuyển mình nhờ những làn sóng nhập cư mạnh mẽ với những người di dân ở mọi miền trên thế giới từ châu Á, châu Phi, châu Âu cho tới Mỹ Latin khiến nơi đây trở thành một melting pot (nồi súp nấu chảy mọi văn hóa).

Đi bộ dọc theo những khối nhà cao tầng san sát của New York, hòa mình cùng dòng khách bộ hành vội vã trên những đại lộ đông đúc, tôi mới cảm nhận được sự đa dạng, sức sống và năng lượng trong mọi ngõ ngách của thành phố này. Giữa mùa hè, những khối nhà cao tầng của New York tỏa hơi nóng hầm hập nhưng trên đại lộ Broadway, vẫn nườm nượp khách du lịch đứng chờ mua vé vào xem một show diễn mới. Đại lộ số 5 và đại lộ Madison là thiên đường cho những tín đồ mê mua sắm. Trên phố Wall, nơi có trụ sở của thị trường chứng khoán New York, người ta còn bận rộn bán mua cổ phiếu, trái phiếu với những giá trị không tưởng cho cái đầu không ưa toán học của tôi.

Ấn tượng của tôi về New York là một thành phố rất trẻ, trẻ tới mức sượng sùng. Hình như tôi đã quá quen với cái sự nhỏ bé mà cổ kính, già nua mà duyên dáng của các thành phố châu Âu mất rồi; thành ra bây giờ sự xô bồ của New York làm tôi có phần e ngại.

Kêu một chút vậy thôi chứ cũng phải công nhận New York có phong cách và đẳng cấp riêng của nó. Ví dụ một buổi chiều chèo kayak trên dòng Hudson menh mông, khi hoàng hôn đỏ ối từ từ rơi xuống, chẳng phải lãng mạn thì là gì? Một buổi tối

tham dự tiệc cocktail và nhạc jazz nhẹ nhàng trên tầng 20 của một tòa nhà gần khu Trung tâm Thương Mại thế giới, ngắm thành phố lên đèn lung linh, pháo hoa cho ngày 14 tháng 7 rực sáng một góc trời, chẳng phải ăn chơi thứ thiệt thì là gì? Một buổi sáng đạp xe dọc bờ sông, từ bên phía New Jersey nhìn sang bên kia bờ Mathattan, một cái đảo bé tí mà mọc lên bao nhiêu nhà chọc trời, bao nhiêu tỉ tỉ đô la hàng ngày luân chuyển thông qua cái dải đất hẹp cồn con ấy, lúc đấy tôi chỉ biết thốt ra một câu “New York - You are a miracle!” (NewYork - một phép nhiệm màu).


Tạp - có lẽ là từ hợp nhất để miêu tả xã hội New York. Trong một thời gian rất ngắn ở đây, tôi đã có dịp tiếp xúc với những giáo sư hàng đầu của nước Mỹ; nói chuyện với những người phụ nữ độc lập và đam mê phiêu lưu, cuộc sống vật chất tương đối nghèo nàn với gia sản duy nhất mà khách phải trầm trồ là vài chuyến đi vòng quanh thế giới và một bảo tàng búp bê đủ loại; tôi cũng đã tiếp xúc với một vài sinh viên ngành Kinh thánh học, nhiều người trong số họ dành những năm tháng đẹp đẽ và sôi động nhất của thời trai trẻ để giải mã đôi dòng trong “Kinh Cựu ước”; tôi cũng đã gặp những người Mỹ trẻ bết tắc và tuyệt vọng, chưa bao giờ bước chân ra khỏi cái bóng của “*Quả táo lớn*” *, trốn tránh thực tại bằng những viên thuốc lắc, rượu và sex; tôi cũng đã ăn tối với một vài di dân từ Bolivia, từ Bồ Đào Nha, tìm đến nước Mỹ cho một chặng đường mới, bắt đầu bằng việc thu ngân trong siêu thị ở Target và sau đó, ai biết được, có thể là một chỗ ngồi trong giảng đường ở Đại học Havard hay Columbia.

** Một tên gọi khác của New York.*

Tôi viết vội cho khỏi quên nhiều kỷ ức đẹp về New York để một năm nữa sẽ đọc lại. Có thể khi ấy tôi đã sống yên bình ở Hà Nội hoặc vẫn đang lang thang tại xó xỉnh nào đó ở châu Âu, hoặc ai mà biết được, biết đâu tôi sẽ quay lại New York để đi tìm Giấc mơ Mỹ.

(Trên thực tế khi viết lại bài báo này, tôi đang ngồi trong căn hộ nhỏ của mình bên bờ sông Thames và nghe Ella Fitzgerald da diết hát về “hòn đảo diệu kỳ” của nước Mỹ: “Tôi có một căn nhà nhỏ ấm cúng. Ở vùng Manhattan”...)

Mùi Mỹ ở Manila

 ôi bước chân lên máy bay cho một chuyến đi mới khi còn chưa dứt cơn sốt cuối mùa đông giá lạnh. Ấy thế mà vừa tới thành phố nước bạn, thay đổi nhiệt độ, thay đổi mùi giờ, trời xanh nắng vàng, hít một hơi khí lạ xứ người, tự nhiên tôi tỉnh táo hẳn. Tôi cứ hay đùa với bạn bè rằng trong các chuyến đi, tôi có thể sống bằng khí trời phương xa là vì thế.

Tôi đã từng nói nhiều về cái mùi của một thành phố lạ.

Lần đầu tiên đến Copenhagen, tôi thấy không khí có vị ngọt. Hương táo thán Mùoi dừ dừ khiến tôi hít hà mãi để rồi mùi hương ấy bám lấy tôi như vị nước hoa sau gáy người mình yêu, cứ thỉnh thoảng lại muốn mở cái hộp ký ức ra mà ngửi, mà nhung nhớ. Sau này, có dịp trở lại Copenhagen nhiều lần, lúc nào tôi cũng có cảm giác bắt gặp lại hương táo thoang thoang thanh bình ấy, dù trên con đường liễu rủ mùa xuân hay những ngày thu ngập ngừng trên vịnh.

Sao Paulo, với tôi, lại có một mùi khác. Khi chui lên mặt đường từ một chuyến tàu điện ngầm ngọt ngát lúc năm giờ chiều, tôi có cảm giác như bị cái mùi của một siêu thành phố “đánh” cho một cái. Choáng váng. Khắp nơi đặc quánh mùi oi oi của hơi người, mùi nồng nặc xăng xe của hàng triệu ô tô, mùi nước hoa của vài ba quý cô sành điệu, mùi nước tiểu khắm khú của những người vô gia cư khốn khổ nằm cuộn tròn trong những thùng carton và ổ chần rách dưới chân tòa nhà hình chữ S của Oscar Niemeyer.

À, nhưng tôi không định viết về Copenhagen hay về Sao Paulo trong bài này. Tôi muốn viết về một thành phố khác. Một thành phố châu Á.

Tôi đang ở Manila.

Manila có mùi gì? Hình như là mùi nắng. Sau những ngày ẩm ướt và khê nồm của Hà Nội, thì cái nắng mùa đông mơn man của Manila thật sự là quyến rũ.

Nhưng Manila còn một mùi khác nữa. Mùi Mỹ! Hình như người Mỹ tới Manila từ những năm cuối thế kỷ XIX và chưa bao giờ rời khỏi thành phố này, khiến cho Manila trở thành thành phố Mỹ hóa nhất ở châu Á mà tôi từng biết.

Nếu như người Pháp đã kiến tạo Hà Nội như một thành phố có thể đi bộ - “walkable city” thì người Mỹ biến Manila thành một phiên bản của các thành phố lớn ở Mỹ - một giao lộ khổng lồ của xe hơi, xe jeep, xe điện... Ngoại trừ khu cổ thành Intramuros do người Tây Ban Nha xây dựng từ thế kỷ XVI, các khu vực khác của Greater Manila như Quezon, Ortigas, Makhati... đều không thân thiện với khách bộ hành. Những đại lộ ngập tràn xe hơi, những tòa nhà cao tầng mỗi mắt dễ khiến người ta có cảm giác cô đơn hơn là thân thiện ở thành phố này. Bất chước người địa phương, tôi cũng chọn leo lên một chiếc xe jeeps làm một vòng quanh thành phố. Những chiếc xe jeeps được trang trí graffiti sặc sỡ sắc màu là một trong những hình ảnh biểu tượng của Manila mà hầu như không quốc gia nào trên thế giới có. Giữa những tiếng người nói ồn ào, giữa những mệt mỏi của buổi chiều đông đúc, tôi lặng ngắm những khu phố muôn màu của Manila. Những công trình kiến trúc đa dạng với những ảnh hưởng rõ rệt từ kiến trúc Malaysia, Tây Ban Nha, Mỹ; bên cạnh đó là sự lộn xộn trong quy hoạch, sự phân tầng giàu nghèo rõ rệt, nạn kẹt xe, mùi ô nhiễm...

Nơi tôi cảm nhận mùi Mỹ rõ hơn cả ở Manila có lẽ là trong các khu trung tâm thương mại. Khắp nơi ở Greater Manila, những khu trung tâm thương mại mang đặc phong cách Mỹ mọc lên nhiều như nấm, trong đó Mall of Asia được xếp vào hàng những trung tâm thương mại lớn nhất thế giới. Dễ hiểu vì sao, Jude, anh bạn địa phương của tôi khi giới thiệu về Manila nói rằng mall-hopping là môn thể thao được yêu thích nhất của giới trẻ ở đây và gợi ý tôi có thể vào các khu thương mại để du

lịch vì đó là nơi tốt nhất để ngắm nghía cuộc sống điển hình của người dân Manila.

Trong các khu thương mại, ngoài hệ thống các cửa hàng thời trang, nhà hàng ẩm thực là không gian cho các tín đồ fastfoods: KFC, McDonald, Burger King... Phillipines có 7.000 hòn đảo, trong số đó khoảng 2.000 hòn đảo có dân cư sinh sống, mỗi đảo đều có vô vàn sản vật địa phương phong phú. Nhưng dường như chính văn hóa ẩm thực đơn điệu mà các khu thương mại này tạo ra đã khiến người dân nơi đây đánh mất sự trân trọng đối với ẩm thực dân tộc. Có lẽ vì thế mà tôi cảm thấy may mắn khi Hà Nội của tôi còn giữ được những khu chợ truyền thống đặc sắc.

Thế nhưng dù khát khe tới mấy, tôi cũng phải công nhận rằng quá trình Mỹ hóa đã đem lại cho người dân Phillipines những thuận lợi rõ ràng.

Nếu nói về hàng hóa, có thể thấy những siêu thị ở Manila đầy ắp sản phẩm không thua kém bất kỳ một siêu thị nào của Mỹ, hay châu Âu, từ lọ pesto xanh cho vào mì Ý cho tới muôn vàn loại ngũ cốc ăn sáng của Kellogs. Về ngôn ngữ, tiếng Anh được sử dụng phổ biến ở đây tới mức bất kỳ một người dân bình thường nào cũng có thể dùng ngôn ngữ toàn cầu này một cách thành thạo. Trên tivi, tiếng Anh được dùng song hành cùng tiếng địa phương Talalog khiến cho một kẻ ngoại quốc như tôi cũng cảm giác có thể hòa nhập vào cuộc sống ở Manila một cách thật dễ dàng.

Có một điểm tôi thích hơn cả ở Manila là những người dân mà tôi gặp đều giữ được sự nồng hậu và hiếu khách đáng quý của người châu Á. Những bạn nhiệt tình đi cùng tôi đến mọi ngõ ngách của thành phố, mời tôi tham gia những bữa trưa, bữa tối kéo dài hàng tiếng đồng hồ để chủ và khách có thể thoải mái trò chuyện. Toàn cầu hóa có thể dẫn tới sự đồng nhất về văn hóa (cultural homonisation) trên khắp địa cầu; vì thế tôi thấy vui vui vì những người bạn Phil mà tôi đã gặp dù ăn chơi kiểu Mỹ nhưng vẫn giữ được tính cách Phil rõ rệt.

Buổi chiều cuối cùng trước khi rời thành phố, tôi đi dạo một mình dọc theo đường bờ biển Baywalk, ngắm hoàng hôn màu đỏ buông xuống trên vịnh Manila. Suốt con đường dài hai cây số, từng nhóm bạn trẻ ngồi trò chuyện râm ran. Ngoài kia, xe cộ vẫn đi lại tấp nập. Khi chiều dần buông, Manila hiện ra hình ảnh của một thành phố vươn trào sức sống. Torben Johanson - một đồng nghiệp cũ của tôi đã chuyển từ thành phố quê hương xa xôi Aarhus, Đan Mạch đến sống ở Manila cũng vì anh muốn đi tìm một cuộc sống tràn đầy năng lượng như thế. Anh thường bảo: “Ở Aarhus, 7 giờ tối đã thấy đường phố rất vắng vẻ, 12 giờ đêm muốn ăn khuya chút gì cũng không có, mùa đông có khi trầm cảm vì thời tiết. Ở Manila thì ngược lại. Lúc nào cũng hồi hả, đông đúc và bận rộn. Tôi chọn sống ở Manila để có cảm giác rằng mình còn trẻ”. Tôi hiểu rằng những tiếng rộn ràng trên đường phố Manila là thứ mà rất nhiều người bạn châu Âu của tôi, cũng như Torben, thường tìm kiếm ở các thành phố châu Á.

Đã sống lâu ở những thành phố lạnh giá và yên tĩnh, khi đến Manila tôi có cảm giác như đang về nhà. Gạt đi cái vẻ ngoài Mỹ hóa, Manila khiến tôi nhớ tới những âm thanh náo nhiệt trên đường phố Hà Nội, Sài Gòn. Và trong phút chốc tôi thấy mình hòa cùng dòng người tấp nập trên Baywalk, nhắm nháp những ly chè kem halo-halo mát lịm. Những làn gió thổi từ ngoài biển vào mơn trớn và lòng tôi ngập tràn cảm giác hạnh phúc giản dị.

Về nhà



hế là tôi đã rời châu Âu rồi đấy, giữa tháng Sáu hội hè và ánh trăng lai láng, giữa hương thơm ngọt ngào của những cây vả đang đến mùa đậu quả. Tạm biệt nhé hoàng hôn trên sông Sein, những cây cầu lãng mạn, bình minh đầy hơi sương, khu vườn ngập hoa hồng, vài tháp chuông nhà thờ cao vút, ruộng nho ngút ngàn, lúa mì vàng rộm, gió từ biển Địa Trung Hải, vang Ý, nhạc cổ điển thành Vienna!

Hà Nội đón tôi bằng những ngày thật ảm và buồn. Tôi đem ký ức cất kỹ từ những thuở rong chơi nào ra hong khô. Những tấm bưu thiếp cũ ngày nào nhắc tôi nhớ rằng mùa xuân trước tôi từng ở London và một ngày xuân nào đó xa xôi lắm tôi từng ở Graz. Hình như gia tài của tôi chỉ còn lại toàn là ký ức. Rồi một ngày ký ức cũng mờ dần, lớp này phủ lên lớp khác và chúng vỡ vụn vào nhau. Châu Âu trở thành nơi xa lắm! Tôi quay lại với sự điên rồ mà thơ mộng của Hà Nội. Nơi ấy tôi từng gọi là nhà, nơi đón tôi trở về sau mỗi chuyến đi xa, nơi tôi chìm trong những yêu thương quen thuộc rồi một ngày lại khao khát ra đi.

Không dễ gì để làm quen trở lại với khuôn mặt mới này của Hà Nội! Thành phố thanh tao ngày nào giờ điểm trang bằng những tòa chung cư mọc lên như nấm và hàng ngày loay hoay tìm chỗ đậu cho thêm mấy triệu xe ô tô của tầng lớp trung lưu mới nổi.

May mà có một Hà Nội rất cũ, nơi cuộc sống vẫn diễn ra đều đặn và dung dị. Cái cầu thang cũ mấy chục hộ dùng chung, vừa tối vừa ảm, nhà nào tận dụng được tí khoảng không là đưa ra bằng hết. Quần áo phấp phới trên những dây phơi còng quèo. Cứ đều đặn sáu giờ là hàng xóm bắc bếp nấu cơm chiều. Hôm nay có rau muống xào. Đám tỏi ngập dầu kêu xì xèo trên bếp. Mùi thịt rang ướp với nước mắm, cái mùi rất gia đình xộc hết ra

hành lang, len vào qua cánh cửa sắt đóng kín. Tiếng dép loẹt quẹt leo cầu thang, một cậu choai choai mới lớn vừa vỗ giọng cầu nhàu chuyện lau sàn, trong khi em gái nhà kế bên ngồi hong tóc ướt hí hoáy nhắn tin sát chỗ giếng trời. Tiệm gọi đầu ngay tầng trệt đang xối nước, tiếng nhà bên mở khoá lách cách, ai đó thở dài. Chiếc giày cũ tro tro nằm lẫn lóc trong xó; còn ngoài hiên, phố xá chưa bao giờ thôi gầm gào!

Khi gió thổi bụi âm cả lên, nắng bớt gắt gỏng đi, buổi trưa không còn gắt gao nữa và những ngày mềm mại hơn, Hà Nội xuất hiện những góc rất ciné! Ở một góc nào đó đoạn Cửa Đông có vài sạp hàng xén xanh ngắt trước cửa tiệm bán đồ cổ im lìm. Gương mặt Đức Phật hiện từ sau lớp kính có dán logo VISA của VCB!

Những ngôi nhà với mặt tiền xem một góc vì con phố cong mềm mại. Quả bóng bay xẹp phát phới trên dây điện chằng chịt một góc ngã tư, nơi có người đàn ông phả khói thuốc vào nắng. Bà cô bán hành răm ngập dài, không buồn xua con ruồi đậu vào góc quả bí ngô cắt dở. Tiệm cafe vẫn còn thừa người.


Có những góc nhỏ ở Hà Nội khiến tôi nghĩ rằng cuộc sống cứ nên êm ả trôi đi như thế giữa những ngày tháng Mười duyên dáng. Tôi nhớ cái góc nhỏ của một quán trà rất nhỏ, có những bông hoa dại rất xinh. Nhớ một cái ghế gỗ xanh bỏ không ven bờ sông. Tôi đã ngồi đó và đọc hết một cuốn tiểu thuyết của Banana Yoshimoto mặc cho bên kia sông những ánh đèn bắt đầu sáng. Vũ trụ lúc đó thật nhỏ bé và tôi thành thật tin rằng cả thế giới dừng lại cùng với mình và rằng không cần gì phải vội. Rồi buổi chiều cứ lững thững đi qua, mãi không hết một ngày. Suyt, đừng nói gì cả nhé kéo những thanh âm đang rung lên trong lòng bỗng vỡ vụn ra hết!

Tôi nhớ một buổi sáng mưa dịu dịu, đứng trên một con thuyền nhỏ ngắm dòng sông bạc màu nước chảy lặng như tờ. Xa xa là một bãi cồn lớn với đàn bò thong thả gặm cỏ, mờ ảo như một ký ức. Thực hay không thực, ai mà biết được. Tôi đã đi qua những làng mạc ven đô nhỏ xinh, những cánh đồng lúa

đang ngậm dòng xanh mượt, đi qua những nghĩa địa quanh hiu
lẫn khuất, những nhà thờ họ có cánh cổng đắp gốm nổi màu
xanh ngọc bích, giữa những lũy tre đang dần biến mất khỏi hiện
thực, giữa những tiếng chó sủa cắn càu, tiếng gà trống gáy
thong thả từng nhịp, giữa màn mưa hôn vào mặt, vào tóc lúc
dồn dập, khi mơn man, đi giữa mùi nồng ảm của lá cây và hơi
đất, giữa những hàng rào có bông hoa tím nhoai mình đón
nắng giữa không trung. Ở một ngôi làng nào đó tôi đã được cúi
mình vào đất, lắng nghe trong cổ tiếng tí tách của những chú dế
mèn, tiếng đập cánh của côn trùng, những chú giun oằn mình
chui xuống, hít vào mùi nồng nồng của đất, mùi ngái của cỏ, gió
đưa hương lúa ngậm dòng thoang thoảng từ phía xa, khói lam
chiều tỏa lên từ chân trời và mặt trời lững thững rơi xuống sau
bóng tre.

Ngoài kia, mùa thu đang chậm chậm đi qua.

Vĩ thanh

 ạn yêu quý!

Khi bạn đọc đến những dòng này tức là bạn đã chia sẻ cùng tôi mười năm rong chơi khắp nẻo! Nếu có ai đó hỏi tôi có cảm thấy cô đơn không khi đi chơi một mình như thế, thật sự là tôi luôn cảm thấy trọn vẹn hơn bao giờ hết. Tôi thích những ngày lang thang giữa một thành phố “quen biết mà xa lạ”. Mỗi sớm mai thức dậy không có tiếng chuông điện thoại reo, không có những hẹn hò công việc, chỉ mãi ngắm nghía những nơi chốn đẹp đẽ. Khi trưa xuống, nắng lên, tôi sẽ tìm chỗ trú ẩn dưới một bóng cây râm mát và ngồi viết! Cảm giác không cần cố gắng làm gì cả, cứ thả lỏng ra đi và cuộc sống sẽ trôi như thế. Không cần phải đẹp hơn, sang hơn. Chỉ như này là vừa đủ!

Và như thế tôi hẹn có ngày được gặp bạn đâu đó trên những nẻo đường xuôi ngược!